VIỆN KINH TẾ THẾ GIỚI
VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

CHỦ NGHĨA TƯ BẢN HIỆN ĐẠI:
BẢN CHẤT VÀ NHỮNG BIỂU HIỆN TRONG ĐIỀU KIỆN HIỆN NAY

Thông tin chuyên đề
(Tài liệu tham khảo).

HANOI - 1990

VIỆN KINH TẾ THẾ GIỚI
VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

CHỦ NGHĨA TƯ BẢN HIỆN ĐẠI:
BẢN CHẤT VÀ NHỮNG BIỂU HIỆN TRONG ĐIỀU KIỆN HIỆN NAY

Chịu trách nhiệm biên tập:
KIM NGỌC LƯU NGỌC TRỊNH.

Thông tin chuyên đề
(Tài liệu tham khảo).

HANOI - 1990

Cùng bạn đọc !

Chủ nghĩa tư bản ngày nay có những biến đổi mới rất sâu sắc trong quá trình phát triển. Xung Quanh hiện tượng này, hiện nay có rất nhiều ý kiến tranh luận khác nhau :

Liệu chủ nghĩa tư bản hiện đại có còn giữ nguyên đặc tính của chủ nghĩa đế quốc hay không ? đặc trưng tổng hợp mới của chủ nghĩa tư bản là gì ? đâu là thực chất và những hướng biến đổi về chất của chủ nghĩa tư bản hiện đại ?...

Nhằm giúp bạn đọc có tài liệu tham khảo, chúng tôi giới thiệu một số ý kiến thảo luận mới nhất của một số học giả Liên Xô và Trung Quốc.

Hy vọng, cuốn sách sẽ giúp ích nhiều cho bạn đọc và mong được sự đóng góp, nhận xét của các bạn.

Tháng 7 - 1990
PHÒNG THÔNG TIN - TƯ LIỆU
VIỆN KINH TẾ THẾ GIỚI

CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC : THUẬT NGỮ VÀ NỘI DUNG.

Vào cuối thế kỷ 19 chủ nghĩa tư bản đã bước vào giai đoạn mới - đế quốc chủ nghĩa trong quá trình phát triển của mình. Từ đó đã qua đi gần một trăm năm, hoặc có khi còn hơn, nếu như tính đến sự ra đời của chủ nghĩa đế quốc (CNĐQ) vào phần tư cuối cùng của thế kỷ trước. Trong thời kỳ lịch sử đó, thế giới đã đổi thay đến mức không thể nhận ra được, và CNĐQ cũng đã có những thay đổi ghê gớm : Giờ đây, ở ngưỡng cửa của thế kỷ 21, thuật ngữ này ngày càng trở lên ít thích ứng để xác định khái niệm mà nó phản ánh, và bản thân khái niệm đó, rõ ràng, cần phải được cụ thể hóa một cách căn bản so với nghĩa ban đầu của nó.

Theo chúng tôi, nhiệm vụ xem xét lại một cách sáng tạo tính chất của chủ nghĩa tư bản hiện đại đã chín muồi từ lâu. Đó là do những điều kiện phát triển của thế giới ngày nay đã khác xa, rất cơ cản so với những điều kiện đã tồn tại 100, thậm chí 50 năm trước đây. Chúng tôi chỉ hạn chế xem xét những khía cạnh kinh tế của vấn đề liên quan trực tiếp đến việc xác định chủ nghĩa tư bản hiện đại như là CNĐQ, chứ không phải như là một cái gì khác.

Như vậy, trước tiên chúng tôi xin nêu hai vấn đề, và để trả lời còn phải phụ thuộc nhiều vào việc xem xét bản chất của CNĐQ hiện nay. Thứ nhất, thuật ngữ "chủ nghĩa đế

quốc" và khái niệm thích ứng với nó thể hiện được chừng nào nội dung cơ bản của giai đoạn phát triển hiện nay của chủ nghĩa tư bản ? Thứ hai, có phải chính các quan hệ đế quốc chủ nghĩa (nghĩa là với nghĩa đen của từ này - các quan hệ giữa trung tâm thống trị với ngoại vi bị trị của đế quốc) là nền tảng phát triển kinh tế của chủ nghĩa tư bản ?

Để giải quyết những vấn đề này, tác phẩm kinh điển của V.I. Lê-nin : "Chủ nghĩa đế quốc - giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản" có ý nghĩa hết sức cơ bản, nó không chỉ là kiểu mẫu của sự phân tích mác-xít hiện thực lúc đó, mà còn là chìa khóa để nhận thức tính hiện chừng trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại, cũng như cơ cấu kinh tế của nó.

Nguồn gốc thuật ngữ : "Chủ nghĩa đế quốc".

Bản thân khái niệm chủ nghĩa đế quốc bắt nguồn từ thời kỳ xa xưa khi hình thành những đế chế thuộc địa cổ. Tuy nhiên, nội dung của nó thay đổi phụ thuộc vào những điều kiện lịch sử cụ thể, vì "Chính sách thực dân và chủ nghĩa đế quốc đã tồn tại trước cả giai đoạn hiện đại của chủ nghĩa tư bản, trước cả chủ nghĩa tư bản. Rôma đã dựa vào chế độ nô lệ để tiến hành chính sách thuộc địa và thực hiện chủ nghĩa đế quốc. Nhưng những lập luận " chung " về CNĐQ, hoặc quên đi hoặc chuyển xuống hàng thứ yếu những khác biệt căn bản của các phương thức kinh tế-xã hội đều không khỏi biến thành những điều tầm thường rỗng tuếch nhất..."(1).

---

(1) V.I. Lê-nin. Toàn tập, T. 27, tr. 379.

Kỷ nguyên xâm chiếm thuộc địa, vào thế kỷ 17 - 18 đã hình thành những đế chế khổng lồ Anh, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, đã dẫn đến quy mô chưa từng thấy của chủ nghĩa đế quốc (theo nghĩa đã nêu). Cướp bóc thuộc địa, thương mại thuộc địa đã đi kèm với tích lũy ban đầu của tư bản, là nguồn gốc quan trọng làm giàu của các đế chế. Tuy nhiên chính giai đoạn đế quốc chủ nghĩa nhất đó trong lịch sử, lúc đó cũng như về sau này đều không được gọi là CNĐQ. Chỉ ở ngưỡng cửa cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, thời đại của nó mới qua đi như Lê-nin đã nhận xét lúc đó "trong 15 - 20 năm cuối lại đây, đặc biệt sau các cuộc chiến tranh Tây Ban Nha - Mỹ (1898) và Anh - Bure (1899 - 1902) các tài liệu kinh tế và cả chính trị của thế giới cũ và thế giới mới ngày càng dừng lại nhiều ở khái niệm " chủ nghĩa đế quốc" để khắc họa kỷ nguyên mà chúng ta đã trải qua"(2).

Tại sao chính giai đoạn này của lịch sử thế giới lại được nhất trí gọi là chủ nghĩa đế quốc, mặc dù ngay khi mở rộng một cách hiển nhiên thể chế thuộc địa, chủ nghĩa tư bản vẫn phát triển dù không còn bằng cách xâm chiếm thuộc địa là chủ yếu, mà là trên cơ sở phát triển như vũ bão tất cả các ngành kinh tế bên trong của các nước tiên tiến mà trước tiên là sản xuất công nghiệp ?

Lê-nin đã trả lời một cách triệt để vấn đề này, khi ông cho rằng ở giai đoạn độc quyền của CNTB với sự xuất hiện của tư bản tài chính trên trường quốc tế thì các mục tiêu và bản chất của chính sách thuộc địa tư bản chủ nghĩa của những giai đoạn trước đây của CNTB hoàn toàn khác với

---

(2) Như trên, tr. 309.

chính sách thuộc địa của tư bản tài chính. Đặc trưng cơ bản của CNTB hiện đại là sự thống trị của các tập đoàn độc quyền của những nhà kinh doanh lớn nhất... Từ đó, mong muốn tất yếu của tư bản tài chính là tiến tới mở rộng lãnh thổ kinh tế và ngay cả mở rộng lãnh thổ nói chung(3).

Rõ ràng, mặc dù việc mở rộng đế chế thực dân là rất quan trọng, nhưng không phải nó mà chính sự biến đổi tính chất của những đế chế đó, sự biến đổi vai trò của chúng trong hệ thống kinh tế TBCN thế giới đã quy định nhưng sự khác biệt của CNĐQ cũ và mới. Chủ nghĩa đế quốc cũ, thuần túy đế quốc thực dân đã được thay thế bằng chủ nghĩa đế quốc mới của độc quyền và tư bản tài chính, tức cơ sở của kết cấu kinh tế của CNTB thế giới. Chính vì vậy, Lê-nin đã nhấn mạnh rằng, với sự xuất hiện giai đoạn đế quốc chủ nghĩa của CNTB "thuật ngữ chủ nghĩa đế quốc lại hồi sinh với nội dung mới"(4).

Luận điểm này có ý nghĩa phương pháp luận về mặt nguyên tắc để nhận thức những đặc trưng của giai đoạn phát triển hiện nay của CNTB. Nó buộc phải suy nghĩ rằng, có phải ngay cả bây giờ thuật ngữ chủ nghĩa đế quốc vẫn không chứa đựng hết nội dung mới nào đó chăng, rằng bây giờ CNĐQ "mới nhất" chưa thay thế CNĐQ "mới" lúc bấy giờ sao. Có cách đặt vấnđề như vậy trước hết là do những biến đổi to lớn diễn ra trong thời kỳ lịch sử vừa qua trong toàn bộ đời sống xã hội của CNTB, trong nền kinh tế của nó, trong cơ cấu và tính chất của các quan hệ kinh tế quốc tế. Những biến đổi to lớn về chất lượng và số

---

(3) Như trên, tr. 379 - 380, 381.

(4) V.I. Lê-nin, Toàn tập, T. 28, tr. 587.

Lượng thật là hiển nhiên khiến không thể đặt một dấu bằng máy móc giữa CNĐQ đầu và cuối thế kỷ hiện nay, giữa CNĐQ của thời đại thực dân với CNĐQ không có các đế chế thực dân.

Tất nhiên có thể nói rằng, có rất nhiều đặc trưng của CNĐQ, đặc biệt các mục tiêu bóc lột của nó trong quá trình bành trướng kinh tế đối ngoại ở các thuộc địa trước đây, về nguyên tắc là rất ít thay đổi. Hơn nữa cũng có thể nói rằng năm đặc trưng kinh điển của CNĐQ ngay cả bây giờ cũng hoàn toàn thể hiện chính xác địa vị lịch sử của giai đoạn đặc biệt này trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản. Một vấn đề khác, tất nhiên cần nêu lên là những đặc trưng đó có còn đủ mức như trước đây không, hay là để miêu tả đầy đủ CNTB hiện đại chúng cần phải được chính xác hóa và bổ sung thêm, đó là chưa nói đến vấn đề chính là CNTB hiện nay, rõ ràng đã bước vào giai đoạn phát triển mới không giống với nguyên mẫu trước đây nữa.

Ở đây chúng tôi chỉ xem xét hạn chế, từ giác độ thực tế khách quan, những nét thuộc tính chất truyền thống của CNĐQ có liên quan nhiều nhất đến những khía cạnh đế quốc chủ nghĩa (theo nghĩa đen của từ này) trong lĩnh vực các quan hệ kinh tế thế giới. Chính trong lĩnh vực này người ta quan sát thấy những khác biệt rõ rệt nhất giữa CNĐQ mới với CNĐQ mà như hiện nay chúng ta vẫn nói chủ nghĩa đế quốc mới nhất, nghĩa là chủ nghĩa tư bản trong thời đại chúng ta.

<u>Sự tiếntriển của các đặc trưng kinh tế thế giới của chủ nghĩa đế quốc.</u>

Liên quan trực tiếp đến tính chất ĐQCN của CNĐQ được

nêu lên bằng ba trong số năm đặc trưng cơ bản của nó. Chúng ta biết rằng đó là xuất khẩu tư bản, phân chia thế giới giữa các tập đoàn tư bản và phân chia thế giới giữa các cường quốc. Trong thế kỷ 20, ở tất cả những lĩnh vực này đều diễn ra những biến đổi hết sức sâu sắc và quan trọng.

Chúng ta hãy bắt đầu từ đặc trưng thứ ba của CNĐQ, đó là "xuất khẩu tư bản, khác với xuất khẩu hàng hóa, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng"(5). Những số liệu của đầu thế kỷ hoàn toàn khẳng định luận điểm này, khi chỉ ra sự tăng lên đáng kể của tổng giá trị đầu tư ra nước ngoài so với giá trị mua bán hàng hóa. Các nguồn số liệu khác nhau đều đều đã nêu lên mối tương quan giống nhau : tư bản đầu tư ra nước ngoài cao hơn xuất khẩu hàng hóa khoảng 6 - 7 lần.

Ngày nay bức tranh được quan sát thấy hoàn toàn khác hẳn. Năm 1985 giá trị xuất khẩu hàng hóa của chủ nghĩa tư bản thế giới đạt 1.728 tỉ đô-la(6), còn tổng số đầu tư trực tiếp của nước ngoài tính đến cuối năm đó đạt 712,5 tỷ(7). Nếu như cộng thêm vào đó số đầu tư chứng khoán ,

---

(5) V. I. Lê-nin, Toàn tập, T. 27, tr. 386.

(6) Ở đây và các phần sau, nếu không nói gì khác, số liệu về ngoại thương và chu chuyển tư bản lấy từ "Handbook of International Trade and Development Statistics, 1988" U.N., New York, 1989.

(7) Ở đây và các phần sau , nếu không nói gì thêm, số liệu về đầu tư lấy từ "Transnational Corporations in World Development. Trends and Prospects". U.N., New York, 1988.

chiếm khoảng 1/4 tổng đầu tư tư bản nước ngoài, thì tổng số đầu tư tư bản nước ngoài có thể là khoảng 1.000 tỷ đô-la, nghĩa là ít hơn khoảng 2 lần giá trị xuất khẩu hàng hóa.

Những biến đổi rõ rệt còn diễn ra theo cơ cấu địa lý của xuất khẩu tư bản. Hiện nay, đầu tư nước ngoài đang mất đi tính chất đế quốc chủ nghĩa của mình ở một mức độ lớn với nghĩa là chúng ngày càng ít được định hướng vào các nước thuộc địa trước đây, cũng như còn phụ thuộc hiện nay.

Như vậy, những số liệu của đầu thế kỷ cho phép nói rằng, cho đến năm 1910, khoảng 2/3 tổng số đầu tư tư bản ra nước ngoài của Anh, Đức và Pháp đã được chuyển vào các nước thuộc địa và phụ thuộc. Tỷ lệ cao như vậy của các nước lạc hậu được quy định trước hết bởi cơ cấu thực dân của đầu tư ra nước ngoài của Anh, mà vào đầu thế kỷ nó chiếm khoảng một nửa tổng giá trị đầu tư ra nước ngoài của các cường quốc đế quốc lớn nhất.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai tình hình đã thay đổi nhanh chóng, điều đó không chỉ liên quan đến sự suy yếu của Anh và sự chuyển hóa của Mỹ thành nước xuất khẩu tư bản chủ nghĩa, mà còn liên quan đến sự chuyển hướng mạnh mẽ của các luồng tư bản giữa các nước phát triển nhất. Kết quả là tỷ trọng của các nước đang phát triển còn lại chỉ là phần phụ thêm của đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của các cường quốc đế quốc đã giảm từ 2/3 từ sau chiến tranh thế giới thứ hai còn 32,3% năm 1960 và [illegible] năm 1985. Như vậy, cả về cơ cấu địa lý cũng chứng minh sự "phi đế quốc hóa" xuất khẩu tư bản hiện đại. Dù như trước

đây nó vẫn được chi ra từ các nước mà ta quen gọi là đế quốc, nhưng trước hết nó đã không còn được chuyển đến các đế chế thực dân trước đây cũng như hiện nay nữa.

Đặc trưng thứ tư của chủ nghĩa đế quốc còn có những biến chuyển lớn hơn nữa về chất, đó là đặc trưng "các liên minh độc quyền quốc tế chia nhau thế giới"(6). Những luận giải truyền thống về các tổ chức độc quyền quốc tế, các-ten quốc tế, liên minh tư bản quốc tế đều xuất phát, thứ nhất, từ đặc trưng quốc tế của CNĐQ, như Liên hợp tư bản của các nước khác nhau, từ các nguồn kinh tế quốc dân khác nhau. Tuy nhiên việc tiếp tục tập trung sản xuất và tư bản thích ứng với nhu cầu khách quan nâng cao qui mô tối ưu của xí nghiệp ở trình độ tiến bộ khoa học-kỹ thuật mới đã làm tăng thêm tiềm lực kinh tế không chỉ cho các liên minh quốc tế kiểu các-ten, mà cả cho các hãng và công ty lớn hoạt động độc lập.

Nhờ quy mô to lớn của mình và nhờ sự tăng lên nhanh chóng của dịch vụ quốc tế, các công ty xuyên quốc gia (TNC) với tư cách là các trung tâm kinh tế của chủ nghĩa tư bản hiện đại đã có được khả năng kiểm tra thị trường và không cần có liên minh trực tiếp với tư bản của các nước khác. Những biến đổi cơ bản trong cơ cấu sở hữu đã dẫn đến tình trạng là khác với các liên minh tư bản đa quốc gia của các nước khác nhau, trước đây các công ty xuyên quốc gia ngày nay trên thực tế là công ty thuộc một quốc gia. Trong số 600 công ty xuyên quốc gia công nghiệp lớn nhất năm 1985, chỉ có 2 công ty (!) là có phần vốn sở hữu cơ bản thuộc tư bản của vài nước.

---

(6) V.I. Lê-nin. Toàn tập, T. 27, tr. 386.

Khi nhấn mạnh đến tính chất chỉ một quốc gia của các công ty quốc tế hiện đại, chúng tôi nhận thấy rằng, vốn cổ phần của công ty dù có phụ thuộc một phần vào những người chủ nước ngoài, nhưng về nguyên tắc tình hình vẫn không thay đổi khi địa vị thống trị lại thuộc về tư bản của nước có đầu não chính của công ty. Điều này không chỉ liên quan đến các công ty đặt ở nước ngoài, khi công ty mẹ nắm cổ phần khống chế và là người chủ toàn quyền theo quy định , mà còn liên quan đến các công ty dường như là độc lập.

Thứ hai, lĩnh vực hoạt động chủ yếu của các liên minh quốc tế trong buổi đầu của chủ nghĩa đế quốc là "phân chia thế giới về mặt kinh tế giữa các tờ-rớt quốc tế, và phân chia các nước giữa chúng với nhau theo hiệp ước, như là những lĩnh vực tiêu thụ mua bán"(9). Các thỏa ước của các các-ten chủ yếu là nhằm bảo đảm những điều kiện thuận lợi để mua nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm, còn riêng việc sản xuất ở các nước ngoài để làm tăng thêm tư bản chỉ chiếm vai trò thứ yếu.

Hiện nay, cùng với tiến trình quốc tế hóa lực lượng sản xuất, các công ty XQG ngày càng chuyển nhanh từ các hoạt động trong lĩnh vực lưu thông sang các hoạt động trực tiếp sản xuất ở nước ngoài. Chẳng hạn, nếu như vào năm 1929, tỷ trọng của khu vực không sản xuất trong đầu tư trực tiếp ở nước ngoài của Mỹ chiếm 45%, thì đến năm 1970 đã thu hẹp lại còn 23%. Đặc biệt trong những năm 70 đã nhận thấy sản xuất ở nước ngoài tăng lên cực kỳ mạnh mẽ.

---

(9) V.I. Lê-nin, Toàn tập, T. 37 , tr. 370.

Tất cả những điều đó chỉ ra rằng đã có những biến đổi căn bản trong chính các chủ thể liên hiệp độc quyền quốc tế cũng như lĩnh vực hoạt động của chúng, cũng như trong các hình thức tác động giữa chúng với nhau. Trong cơ cấu độc quyền hiện nay của thị trường, không chỉ như các-ten mua bán, tiêu thụ truyền thống; mà cả các hợp đồng bí mật giữa các công ty xuyên quốc gia với nhau về các vấn đề công nghệ, văn bằng, phân chia các chương trình sản xuất, phối hợp giá cả và chính sách thương mại đều là những công cụ hết sức quan trọng để thực hiện phân chia thị trường. Trong đó, như nhiều nhà nghiên cứu đã nhận xét "không nên loại trừ rằng, tất nhiên, các thỏa ước phân chia thị trường, được che đậy một cách tốt hơn, nhưng như trước đây chúng vẫn tồn tại".

Cuối cùng, cần xem xét đặc trưng thứ năm của chủ nghĩa đế quốc. Ở đây cũng tương đối hiển nhiên là nó hoàn toàn không thích ứng với chủ nghĩa tư bản hiện đại, và chỉ còn có ý nghĩa lịch sử. Nếu như vào năm 1914, khi thuộc địa chiếm tới 56% diện tích trái đất, thì luận điểm cho rằng: việc phân chia lãnh thổ quả đất bởi các cường quốc tư bản đã kết thúc"(10), hoàn toàn phản ánh đúng một trong những mặt cơ bản của CNĐQ, thì sau khi hệ thống thuộc địa sụp đổ, trên thực tế nó không còn ý nghĩa như ban đầu nữa.

Tất nhiên có thể nói về sự phân chia thế giới về mặt quân sự chiến lược, về chủ thể và đối tượng của chính sách đế quốc chủ nghĩa, về những ảnh hưởng chính trị và kinh tế của các cường quốc tư bản. Tuy nhiên những lĩnh vực

---

(10) V. I. Lê-nin. Toàn tập. Tập 27, tr. 386 - 387.

này phần nhiều không trùng hợp với ranh giới của những đế chế thực dân trước đây, và điều chủ yếu là những ảnh hưởng đó từ lâu đã không còn dựa trên nền thực dân trực tiếp nữa. Sự phân chia thuộc địa không có thuộc địa ngày nay vang lên nghe không hợp thời, như kiểu chủ nghĩa đế quốc không có đế quốc, còn chính thuật ngữ đó đã mất đi mảnh đất "đế quốc" của mình, và dường như nó treo lơ lửng trên không trung vậy.

Ghi nhận những biến đổi sâu sắc trong cơ cấu kinh tế của thế giới hiện đại, chúng ta nhận thấy có nhiều yếu tố của nó đã vượt ra ngoài phạm vi của những đặc trưng được xem xét trên đây, và thật là đúng chỗ khi chúng ta nêu lên cả những mặt khác trong đặc trưng của chủ nghĩa đế quốc, và cả những mặt liên quan trực tiếp đến các lĩnh vực kinh tế thế giới của nó. Điều đó trước tiên liên quan đến việc xác định CNĐQ như là CNTB ăn bám và thối nát. Vào đầu thế kỷ, luận cứ chủ yếu để chứng minh luận điểm ăn bám của CNTB là sự chuyển biến của một số cường quốc hàng đầu thành nhà nước - thực lợi sống nhờ vào bóc lột các nước phụ thuộc và thuộc địa. Từ đó có thể nói rằng: "Nhà nước - thực lợi là nhà nước của CNTB ăn bám và thối nát"(11). Nước Anh là ví dụ điển hình nhất của vấn đề này. Khi xem xét kết quả hoạt động kinh tế đối ngoại của nó, V. I. Lê-nin đã nhấn mạnh rằng, "Thu nhập bằng lợi tức cao hơn năm lần so với thu nhập từ ngoại thương ở nước "thương mại" nhất thế giới! Đấy là thực chất của CNĐQ về tính chất ăn bám đế quốc chủ nghĩa(12).

---

(11) Như trên (10), tr. 399.

(12) V. I. Lê-nin, Toàn tập, Tập 27, tr. 398.

Như vậy, thật là thú vị khi chúng ta thử tái tạo so sánh thu nhập của nước Anh từ nguồn ngoại thương và từ nguồn đầu tư ở nước ngoài theo phương pháp luận của R. Hiffen được J. Hobson trích dẫn và được sử dụng trong tác phẩm "Chủ nghĩa đế quốc - giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản". Thu nhập của Anh năm 1899 từ ngoại thương đạt 80 triệu bảng, trong đó có 18 triệu là từ quyết toán suất lợi nhuận 2,5% từ 90 - 100 triệu bảng đo thu nhập thuần túy từ tư bản đầu tư ở nước ngoài. Nếu như ta cho rằng 2,5% là tương ứng với mức lãi cho vay lúc đó, thì với mức giả định 10% hiện nay có thể cho rằng thu nhập của Anh thông qua ngoại thương , mà chu chuyển năm 1985 là 210 tỷ đô-la, sẽ bằng khoảng 20 tỷ đô-la.

Thực tế thu lợi tức và lãi cổ phần đo đầu tư ra nước ngoài của Anh trong năm đó là 3,6 tỷ đô-la ròng, nghĩa là ít hơn khoảng 5 lần, chứ không phải là nhiều hơn 5 lần so với lợi nhuận thương mại trong buổi đầu của chủ nghĩa đế quốc. (Thực ra đã từ lâu không còn ai tính lợi nhuận từ ngoại thương theo phương pháp như vậy nữa, nhưng để làm: "trong sáng thí nghiệm" cần phải tiến hành so sánh trên cơ sở những số liệu có xuất xứ giống nhau).

Đồng thời cần phải ghi nhận rằng, từ đó đến nay con số lợi nhuận tuyệt đối tính từ xuất khẩu tư bản đã tăng lên nhiều lần, và như trước đây vẫn có thể nói rằng "thế giới đã được phân chia ra thành một nhóm những nước cho vay và một số lớn những nước - Con nợ"(13), đặc biệt nếu như đó là nói đến mối quan hệ lẫn nhau giữa trung tâm và ngoại vi của thế giới tư bản chủ nghĩa. Tuy nhiên ở đây không được bỏ quên những khác biệt cơ bản.

(13) Như trên.

Ngay cả nếu như khi xuất phát chỉ từ riêng tính chất cho vay nặng lãi của chu chuyển tư bản quốc tế, thì chỉ những hành động thu lợi nhuận từ các nước đang phát triển hiện nay cũng không thể là cơ sở của sự giàucó thịnh vượng về kinh tế. Các quan hệ kinh tế đối ngoại của các cường quốc tư bản phát triển đang được thực hiện chủ yếu trong phạm vi nhóm nước đó, trong khi đối với toàn bộ "thế giới thứ ba" chỉ chiếm một phần nhỏ ngoại thương, đầu tư ra nước ngoài của các nước đó, và thu nhập tương ứng từ các khoản đầu tư trên. Ngoài ra , bản thân cơ cấu của của dòng đầu tư tư bản quốc tế cũng được thay đổi. Tư bản cho vay, đầu tư chứng khoán ngày càng phải nhường chỗ cho đầu tư trực tiếp chủ yếu cho sản xuất. Khác với kỷ nguyên thuộc địa, không phải là tư bản cho vay, hay tư bản ăn bám mà là tư bản sản xuất, chủ yếu là tư bản công nghiệp đã trở thành công cụ chủ yếu của việc bành trướng kinh tế đối ngoại.

Tình hình đối với tính chất ăn bám của chủ nghĩa tư bản hiện đại là như vậy. Nếu như chúng ta gác sang một bên tính chất hoang phí của đời sống văn minh tiền tệ vượt ra ngoài phạm vi nhu cầu cần thiết, thì tính chất ăn bám đặc biệt đó có ý nghĩa gì. Hay đó là cái mà nói chung thường đi liền với chủ nghĩa tư bản, hay với bất kỳ chế độ bóc lột nào khác, nếu nói về các giai cấp bóc lột cũng như khoảng cách giữa mức sống của tầng lớp trên so với quảng đại quần chúng trong xã hội ở các nước tiên tiến phương Tây hiện nay rõ ràng là không lớn như thời đầu của chủ nghĩa đế quốc, hay như khoảngcách giữa chủ phong kiến và nông dân, hay giữa chủ nô và nô lệ.

Còn đối với tính chất thối nát của chủ nghĩa tư bản,

thì ngày nay việc nêu tính chất của nhân tố đó phải cần có thái độ thận trọng nhất định. Điều đó liên quan cả đến sự phát triển kinh tế chung, cũng như đối với tiến bộ kỹ thuật. Mặc dù, tất nhiên chừng nào vẫn còn tồn tại độc quyền, thì "giống như mọi loại độc quyền nào khác, nó tất yếu sẽ làm nay sinh xu hướng trì trệ và thối nát", vì rằng "đến một mức độ nào đó, những nguyên nhân làm nảy sinh tiến bộ kỹ thuật hay mọi loại tiến bộ nào khác sẽ bị biến mất"(14). Tuy nhiên dưới ánh sáng của những điều kiện hiện thực hiện đại ngay cả khi vai trò của độc quyền có tăng lên thì cũng không thể nói một cách thiếu thận trọng rằng có sự trì trệ trong kinh tế và kỹ thuật trong các nước tư bản tiên tiến, hơn nữa càng khó nói đến sự lạc hậu trong các lĩnh vực đó. Thực ra các số liệu thực tế đúng là chứng minh ngược lại.

Như vậy, ở đây có thể ghi nhận rằng, thay cho lòng tin chắc chắn về sự thối nát tất yếu của chủ nghĩa tư bản, thay cho việc nhận thấy sự diệt vong do những cuộc khủng hoảng sụp đổ và những cố gắng chống đỡ quá sức trong một hệ thống xã hội đầy mâu thuẫn, giờ đây người ta phải trả giá khá đắt. Thay cho việc say sưa phê phán tính chất tự phát và vô chính phủ của các quan hệ thị trường cần phải bổ sung một cách tất yếu khách quan những điều đã nhỡ bỏ qua, bằng phương pháp thử và sai cần học sử dụng một cách có hiệu quả một cơ chế kinh tế tổng hợp - cơ chế thị trường.

Như vậy, ngay cả nếu như ta cho rằng hai đặc tính đầu của chủ nghĩa đế quốc hoàn toàn không có sự biến đổi nào

---

(14) Như trên, tr.397.

cả, hoặc nói chung ta trừu tượng hóa chúng đi, thì chỉ một sự biến dạng của những đặc trưng còn lại của chủ nghĩa đế quốc được xem xét trên đây cũng hoàn toàn đủ để kết luận về tính chất không tương ứng của thuật ngữ với những điều kiện mới hiện nay.

"Thế giới thứ Ba" trong nền kinh tế của chủ nghĩa tư bản hiện đại.

Tính cứng nhắc của thuật ngữ "chủ nghĩa đế quốc" trong nhiều trường hợp đã nuôi dưỡng quan niệm cố hữu rằng các nước lạc hậu có vai trò đặc biệt to lớn đối với nền kinh tế của các trung tâm TBCN, rằng nguồn gốc quan trọng nếu không nói là chủ yếu của sự giàu có thịnh vượng của các nước phát triển đó là sự bóc lột ngoại vi phụ thuộc vào nền kinh tế TBCN thế giới. Tuy nhiên, đây chúng thể hiện mâu thuẫn rõ rệt với thực tế.

Các nước đang phát triển chắc chắn chiếm một vị trí khá quan trọng trong hệ thống kinh tế thế giới TBCN, đó là những người cung cấp hàng loạt hàng hóa nguyên vật liệu và là thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghiệp, là khu vực đầu tư tư bản của các nước phát triển. Nhưng không phải vì thế mà có thể gọi đó là vị trí hàng đầu và chủ yếu, và hơn nữa vai trò của "thế giới thứ Ba" trong tất cả mọi lĩnh vực này đường như không ngừng giảm xuống.

Trước tiên, xu hướng giảm điển hình kéo dài của tỷ trọng của các nước đang phát triển trong thương mại thế giới trong suốt thời kỳ sau chiến tranh đã chứng minh điều đó. Vai trò của "thế giới thứ Ba" trong ngoại thương của các nước tư bản tiên tiến cũng đã giảm. Ý nghĩa của các

nước đang phát triển như là bạn hàng ngoại thương của các trung tâm TBCN giảm xuống trước tiên có liên quan đến việc giảm tương đối vai trò của nguyên liệu trong nền kinh tế khi giảm tỷ trọng tiêu hao vật tư trong sản xuất công nghiệp và ứng dụng công nghệ tiết kiệm các nguồn vật chất ngày càng nhiều hơn theo tiến trình tiến bộ khoa học - kỹ thuật. Chính sự phát triển của các ngành mới nhất ít tiêu hao vật tư đã diễn ra trên cơ sở quốc tế hóa sản xuất và tư bản ở các nước tiên tiến, điều đó đã kích thích sự tăng trao đổi giữa các nước đó với nhau, chứ không phải là tăng trao đổi thương mại với các nước đang phát triển. Nếu như tính đến cả mức độ tăng lên đáng kể của việc tự đáp ứng về nguyên liệu và đặc biệt là về nông sản phẩm của các trung tâm TBCN, thì việc giảm vai trò nguyên liệu - nông sản của ngoại vi trong nền kinh tế thế giới là một sự thật hiển nhiên khách quan, mà ngay cả hàng công nghiệp xuất khẩu của "các nước mới công nghiệp hóa" tăng lên cũng không thể bổ sung thay được.

Các quá trình tương tự cũng diễn ra trong lĩnh vực chu chuyển tư bản quốc tế. Ở đây, những quan niệm truyền thống về các nước đang phát triển như là các hướng bành trướng quan hệ kinh tế đối ngoại chủ yếu của CNĐQ và như là nguồn thu lợi nhuận chủ yếu ở nước ngoài thực ra đã thuộc về quá khứ.

Ở đây cần tính đến thực tế là nếu như theo cán cân thanh toán hiện hành, các nước đang phát triển đã chuyển ra nước ngoài hàng năm 43 tỷ đô-la, thì dòng đầu tư tư bản nước ngoài dài hạn vào các nước này thông qua việc vay vốn của nhà nước và của tư nhân, cũng như các khoản đầu tư trực tiếp lại chiếm tới 54 tỷ đô-la ròng. Như vậy,

mặc dù điều đó sẽ dẫn tới làm tăng nợ nước ngoài của các nước thuộc "thế giới thứ Ba" cùng với mọi hậu quả tiêu cực do đó mà ra, nhưng nó không thể nào có cái gì đốgiống với ý kiến cho rằng các nước đang phát triển là nguồn tài trợ cho tăng trưởng kinh tế của các trung tâm tư bản chủ nghĩa.

Một khuôn sáo tuyên truyền khác, giống như hình ảnh tương tự đã nêu, rất mâu thuẫn với hiện thực khi cho rằng chủ nghĩa đế quốc chỉ "bòn rút" một chiều nguyên liệu và các nguồn tài nguyên vật chất khác từ "thế giới thứ Ba"mà không trao đổi lại cái gì cả. Nếu như lấy năm 1986 làm ví dụ - là năm gần nhất có các chỉ tiêu so sánh kinh tế vĩ mô, thì hóa ra là các nước đang phát triển đã xuất hàng hóa sang các nước tư bản phát triển với giá trị là 269 tỷ đô-la và chính họ lại nhận từ các nước tư bản phát triển số hàng hóa trị giá 274 tỷ đô-la.

Hơn nữa, để phá bỏ huyền thoại về sự tồn tại của chủ nghĩa đế quốc, dù không phải hoàn toàn , là nhờ bóc lột các nước lạc hậu, có thể nêu ra đây một tính toán đáng chú ý - . Nếu như hoàn toàn giả định rằng, toàn bộ nhập khẩu từ các nước đang phát triển là hoàn toàn "bòn rút" nghĩa là cướp không, không trả tiền (mặc dù thực tế không như vậy), thì số 269 tỷ đô-la nhận được đó chỉ chiếm có 2,5% tổng sản phẩm của các nước tư bản phát triển. Ở đây thực chất của vấn đề không chỉ là con số không đáng kể đó. Đối với ví dụ giả định này nó có ý nghĩa quan trọng hơn nhiều, đó là 2,5% này là ít hơn so với mức tăng trưởng thực tế của tổng sản phẩm của các nước tư bản phát triển vào năm 1986 : 2,7% (28 tỷ đô-la)[15]. Rõ ràng, chỉ chờ

(15) Xem "Handbook of International Trade and Development Statistics, 1988", tr. A2, 422, 428.

tăng sản phẩm của mình (chủ yếu là nhờ tăng năng suất lao động) mà các nước tư bản phát triển đã có được số sản phẩm với giá trị lớn hơn so với nhập khẩu từ các nước đang phát triển, ngay cả nếu như nhập khẩu đó hoàn toàn không mất tiền.

Đối với cả hai phần của vấn đề này nếu đánh giá không định kiến tình hình thì chỉ có thể nêu lên được những câu trả lời tích cực . Vâng, có thể đi vòng qua không cần đến chủ nghĩa thực dân mới, mặc dù như đã nêu ở trên, quan hệ với các nước đang phát triển chỉ chiếm một vị trí khá khiêm tốn trong cơ cấu kinh tế của các trung tâm tư bản chủ nghĩa, trong nguồn gốc giàu có thịnh vượng của các nước đó.

Tất nhiên, trong điều kiện các mối tương quan kinh tế giữa các nước ngày một tăng lên nhanh chóng thì không một nước nào có thể tự cho phép mình từ bỏ sử dụng ưu thế tham gia vào phân công lao động quốc tế cả. Nhưng nếu như giả định có sự cắt đứt hoàn toàn các mối quan hệ kinh tế lẫn nhau giữa trung tâm và ngoại vi kinh tế TBCN thế giới (điều đó là không hiện thực), thì ngay cả trong trường hợp giả định đó, liệu nguồn sống của các nước tư bản phát triển có hoàn toàn mất đi không. Ngược lại, thay vào đó các nước đang phát triển chắc chắn phải gánh chịu những thiệt hại hết sức nặng nề, bị mất đi những nguồn cơ bản cung cấp nhiều hàng công nghiệp và lương thực thực phẩm, vốn kỹ thuật và công nghệ hiện đại, kinh nghiệm quản lý...

Đối với phần thứ hai của vấn đề thì câu trả lời có tính chất khẳng định lại càng rõ rệt hơn vì một nguyên nhân đơn giản là trao đổi không ngang giá trong những

điều kiện bình thường của thương mại quốc tế, nói một cách nghiêm túc là hoàn toàn không thể có được (không nói đến những trường hợp lừa đảo hoàn toàn). Chúng tôi chỉ xin nhắc lại một vài luận cứ để bác bỏ quan niệm trao đổi không ngang giá.

Đối những người yêu thích những vấn đề chính thống, kết luận có tính thuyết phục nhất sẽ là những trích dẫn cho rằng ngay cả các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin cũng không hề nhắc đến ở đâu về trao đổi khôngngang giá giữa trung tâm và ngoại vi của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa thế giới. Hơn nữa, đối với những người ưa dựa vào các số liệu và sự kiện, chúng tôi muốn đề nghị chứng minh sự tồn tại của giá cả thế giới khác nhau đối với cùng một loại hàng hóa chỉ vì chúng được bán cho các nước phát triển hay các nước đang phát triển. Đến nay chưa ai làm được việc đó, vì rằng, theo qui luật thị trường, đối với người bán ai sẽ là người mua hoàn toàn không có ý nghĩagì - giá cả đối với mọi người đều như nhau, phải chăng đồng tiền như người ta nói đều không có mùi. Nói cách khác, không có bất kỳ một hạn chế đặc biệt nào đối với việc bán hàng hóa cho các nước đang phát triển, dù có buộc họ phải trả thêm cho hàng "khan hiếm" khó cung cấp (nói theonghĩa quen biết nhất của chúng ta).

Cuối cùng, cả kết luận của chính những người theo quan điểm trao đổi không ngang giá cũng không chịu nổi được sự phê phán gay gắt - đó là kết luận về " giá cánh kéo" mà chúng ta đã biết, chúng được tính trên cơ sở động thái của " những điều kiện thương mại", nghĩa là tương quan giữa các chỉ số giá cả xuất nhập khẩu của các nước khác nhau. Mặc dù để chứng minh cho luận điểm đó người ta

thường bắt đầu từ việc chỉ lựa chọn những giai đoạn mà " những điều kiện thương mại" thường không có lợi cho các nước đang phát triển, mà quên đi một cách có dụng ý những giai đoạn ngược lại.

Chúng tôi chỉ nêu đủ để làm ví dụ ba mươi năm cuối lại đây, dù có động chạm đến phương pháp phổ biến lựa chọn một cách võ đoán các giai đoạn để phân tích các động thái giá cả. Chẳng hạn trên cơ sở năm 1980, các chỉ số " điều kiện thương mại" của các nước tư bản phát triển trong thời kỳ 1960 - 1970 tăng từ 117 lên 122 (tăng 4%) còn của các nước đang phát triển, giảm từ 45 xuống 38 (giảm 16%). Thế nhưng trong mười năm tiếp theo, chỉ số của nhóm nước đầu, ngược lại đã giảm từ 122 xuống 100 (giảm trên 189%) còn của nhóm thứ hai lại tăng từ 38 lên 100 (tăng tới trên 263%). Trong những năm 1980 - 1988 người ta lại quan sát thấy một bức tranh ngược lại, "các điều kiện thương mại " của các nước phát triển đã tăng, từ 100 lên 113 (tăng 13%) còn của các nước đang phát triển lại giảm từ 100 xuống 71 (giảm 29%). Dường như trong suốt giai đoạn 30 năm từ năm 1960 đó, các chỉ số của các nước phát triển đã giảm với tổng số là 3% còn đối với các nước đang phát triển lại tăng tới 58%.

Những số liệu này nói lên cái gì ? Chúng không chỉ nói lên rằng thật là nguy hiểm khi võ đoán "ngắt ra" từ một dãy số rất nhiều năm chỉ những con số nào tiện lợi nhất để thu được kết quả mong muốn định trước, rồi sau đó trên cơ sở những con số này tính ra tổng số khổng lồ những thiệt hại có tính chất giả định của các nước đang phát triển. Và cũng theo cái lôgic được giản ước đi đó, lại chính các nước phát triển cũng có thể nêu lên cho các nước đang phát triển một con số tính toán những thiệt hại lớn hơn dường như trao đổi không ngang giá đem lại trong những

năm 70. Và như vậy người ta bắt đầu nói đến "giá cánh kéo ăn cướp", nhưng ai ăn cướp, bao giờ, và ăn cướp ai, và nói chung có ăn cướp không.

Điều chủ yếu là ở chỗ, không phải "những điều kiện thương mại", hay "giá cánh kéo" được tính trên cơ sở đó là những cái có thể chứng minh cho sự việc có hay không có trao đổi không ngang giá. Những chỉ số đó chỉ phản ánh động thái tương quan giữa giá cả ngoại thương của một nước hay của một nhóm nước, nghĩa là cuối cùng nó phản ánh động thái giá cả thế giới như nhau cho tất cả các nước. Giá cả đó theo kinh tế chính trị học mácxít (hay bất cứ trường phái nào) phản ánh giá trị quốc tế của hàng hóa, chi phí xã hội cần thiết trung bình của thế giới để sản xuất ra nó, trong đó khối lượng giá trị của nó được xác định bởi thị trường và chỉ là thị trường, chứ không phải ý đồ xấu của ai cả.

Tất nhiên các công ty độc quyền có thể trong những thời gian nào đó có những tác động để làm giá cả thế giới lệch khỏi giá trị quốc tế để kiếm lợi do vị trí độc quyền của mình trên thị trường, nhất là khi gặp sự chống đối của những khách hàng yếu hơn về mặt kinh tế. Tuy nhiên ngay cả việc hình thành giá cả độc quyền cũng không đủ sức để làm thay đổi quy luật vạn năng của thị trường, trong đó đòi hỏi có trao đổi ngang giá, mặc dù trong sự trao đổi đó có bao hàm số lượng lao động khác nhau do năng suất lao động cao hơn hay thấp hơn so với mức trung bình. Nhưng chúng ta cũng chẳng thể làm gì được vì hệ thống thị trường nói chung đòi hỏi phải khuyến khích những người sản xuất có hiệu quả hơn. Nếu định hướng vào những người sản xuất có hiệu quả kém nhất thì bất cứ một nền kinh tế

nào (không chỉ là kinh tế thị trường) đều tất yếu bị sụp đổ, thực tế có quá nhiều dẫn chứng cho vấn đề này.

Từ bỏ quan điểm về trao đổi không ngang giá hoàn toàn không đồng nghĩa với việc phủ nhận những khó khăn thực tế của các nước đang phát triển trong lĩnh vực kinh tế thế giới. Không kể đến trao đổi ngang giá, sức lao động rẻ mạt và tài nguyên thiên nhiên phong phú của "thế giới thứ ba" luôn luôn là đối tượng bóc lột của các công ty xuyên quốc gia, và ngay chính cả tỷ lệ giá cả thế giới cũng thường là bất lợi đối với nhiều nước đang phát triển, đặc biệt là các nước đang xuất khẩu nguyên liệu. Cơ cấu kinh tế và xuất khẩu lạc hậu của các nước đang phát triển, không nghi ngờ gì nữa, có ảnh hưởng tiêu cực đến vị trí của các nước này trong hệ thống các quan hệ kinh tế quốc tế. Nhưng nói chung những vấn đề này trước hết phản ánh khoảng cách quá lớn về trình độ năng suất lao động xã hội, và điều này cũng phải trả giá. Các nước đang phát triển phải trao đổi một số lượng lao động vật hóa nhiều hơn lấy một số lượng ít hơn, trước tiên là vì rằng, như C.Mác đã nói "lao động của một nước phát triển hơn được đánh giá như là lao động có một tỷ trọng lớn hơn" (16).

Vấn đề thứ hai, kinh tế kém phát triển nói chung của các nước này, sự định hướng bắt buộc phải xuất khẩu những hàng hóa kém năng động nhất của họ là kết quả trực tiếp của sự áp bức lâu dài của chủ nghĩa đế quốc. Sự không bình đẳng về kinh tế dẫn đến địa vị không bình quyền và phụ thuộc của "thế giới thứ ba" vào hệ thống phân công lao

---

(16) C.Mác và Ph.Ăngen. Toàn tập, T.25, phần 1, tr.260

động quốc tế tư bản chủ nghĩa, và đến lượt mình nó lại dẫn đến sự bảo thủ và tái tạo ra sự trì trệ lạc hậu. Tất nhiên không nên quên đi điều này, nhưng chính sự việc rõ ràngkhông bình đẳng về kinh tế chưa đủ để chứng minh cho sựtrao đổi không ngang giá.

Ở đây, rõ ràng đã bắt đầu đến lúc công khai thừanhận cả những nguồn gốc của việc tồn tại dai dẳng của quanđiểm trao đổi không ngang giá, chẳng hạn như những ý đồ mạ dân ở hàng loạt nước phát triển. Những mong muốn của họ trong việc tìm kiếm nguồn gốc trách nhiệm lịch sử của CNĐQ về những khó khăn kinh tế của "thế giới thứ ba" cũng hoàn toàn hiểu được và có cơ sở. Tuy nhiên dù có những nguyên cớđơn giản nhất cũng nên chăng khi nhắm mắttrước hiện trạng thiếu căn cứ khoa học của chính quan điểm này, vì nó không thể phát hiện ra được những nguyên nhân thực sự của những khó khăn trong quan hệ kinh tế đối ngoại của các nước lạc hậu, nhưng lại nêu lên khá cảm động những tội lỗi đường như của sự bất công của trao đổi quốctế nói chung. Cố tình quên đi việc tập trung mọi nỗ lực của bản thân để tìm kiếm những phương hướng tham gia có lợi nhất vào hệ thống kinh tế quốc tế, quan điểm này làm nảy sinh những hy vọng hão huyền về khả năng giải quyết tất cả mọi vấn đề bằng cách khắc phục tính quy luật khách quan trong việc xác định giá cả trong quan hệ thương mại quốc tế.

Nên chăng cần tiếp tục nêu những tác hại của quanđiểm trao đổi không ngang giá. Hiện nay các nhà nghiên cứu đi vào nghiên cứu vấn đề này đều xuất phát từ các vị trí khoa học chứ không phải là tuyên truyền và cuối cùng đều đã đi đến kết luận tương tự.

Định nghĩa giai đoạn hiện nay của chủ nghĩa tư bản như thế nào?

Khi thảo luận vấn đề về khả năng thích ứng của chính từ "chủ nghĩa đế quốc" để định nghĩa chủ nghĩa tư bản trong thời đại chúng ta, rõ ràng trước tiên cần phải giới hạn một cách rõ ràng sự khác biệt giữa mục tiêu khởi đầu và mục tiêu hiện nay trong việc sử dụng thuật ngữ này. Từ giác độ đó cần phải tính đến những điều kiện lịch sử cụ thể đặc biệt, trong đó những khái niệm trên được hình thành và được phản ánh trong lý luận về chủ nghĩa đế quốc của Lênin.

Vào đầu thế kỷ 20, khi chung quanh việc xác định chủ nghĩa đế quốc đã có cuộc đấu tranh tư tưởng gay gắt, khi đóchính sách đế quốc chủ nghĩa, việc chạy đua bóc lột của các đế chế thực dân là trung tâm của các quan hệ quốc tế, của toàn bộ đời sống kinh tế thế giới.Các cuộc chiến tranh đế quốc khu vực đã gây khó khăn cho việc chuyển sang xâm chiếm toàn bộ để phân chia lại thế giới bởi chủ nghĩa đế quốc, nhưng kết cục điều đó cũng đã xảy ra. Chính trong những điều kiện đó đã nảy sinh nhiệm vụ chính trị cấp bách đặc biệt nghiên cứu lý luận những xu hướng phát triển mới nhất của thế giới, xác định địa vị của chúng trong lịch sử của chủ nghĩa tư bản, xác định mối quan hệ của chúng với cuộc chiến tranh thế giới mới bắt đầu xảy ra.

V.I. Lênin đã thực hiện xuất sắc nhiệm vụ đó khi phát hiện ra tính chất tư bản chủ nghĩa của cuộc chiến tranhvà đặt cơ sở để nhận thức chủ nghĩa đế quốc như là giai đoạn đặc biệt của chủ nghĩa tư bản, như là đêm trước của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Những quan điểm cơ bản của ông,tất

nhiên có ý nghĩa lâu dài để đánh giá không chỉ là những sự kiện lúc bấy giờ, mà cả những sự kiện về sau, của suốt thời đại hiện đại.

Như vậy, hiển nhiên rằng nhiệm vụ chỉ rõ tính chất đế quốc chủ nghĩa của cuộc chiến tranh, cơ sở tất yếu và sự xích lại dần của cuộc cách mạng to lớn hoàn toàn qui định rõ ràng mục tiêu và nhiệm vụ của công trình, và đến lượt mình, công trình với những trọng tâm, những định nghĩa cần phải được tiếp thu từ chính nguyên bản. Ngày nay, dưới ánh sáng của kinh nghiệm lịch sử được tích lũy lại, thật là dễ hiểu, khi những trọng tâm đó đã được nhu cầu thực tế của cuộc đấu tranh chính trị thời đó tận dụng và ở mức độ nào đó đã được phổ cập một cách tự động trong thực tiễn hiện nay.

Nhân dịp gần một trăm năm kỷ niệm ngày ra đời của thuật ngữ "chủ nghĩa đế quốc" chúng tôi mạnh dạn đề nghị rằng, do sự tồn tại kéo dài của nó, mà trong nhiều trường hợp đã tạo nên những nhận thức một chiều, giáo điều về luận điểm khởi đầu về chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của CNTB. Nhưng giai đoạn "cao nhất" đó không nên gọi là "tột cùng", vì nó loại bỏ sự tiếp tục phát triển. Theo nguyên bản "cao nhất" có thể có nghĩa hoàn toàn không phải là cuối cùng, mà chỉ là giai đoạn cao hơn so với giai đoạn trước đó. Chính ở đây có chỉ dẫn của Lênin định hướng rằng "chủ nghĩa tư bản trở thành chủ nghĩa đế quốc tư bản chủ nghĩa chỉ ở giai đoạn nhất định, rất cao trong quá trình phát triển của nó"(17).

---

(17) V.I. Lê-nin, Toàn tập, Tập 27, tr 385.

Không phải ngẫu nhiên mà Lê-nin định nghĩa chủ nghĩa đế quốc không chỉ như là giai đoạn cao nhất, mà còn như là giai đoạn đặc biệt của CNTB, điều đó giả định có khả năng có giai đoạn phát triển nào đó tiếp theo, bởi vì lúc đó cũng đã rõ ràng rằng "nói chung chủ nghĩa tư bản phát triển cực nhanh hơn so với trước đây" (18)

Luận giải như vậy không hề mâu thuẫn với đặc trưng trong chủ nghĩa đế quốc" thời đại quá độ từ CNTBsang một hệ thống kinh tế - xã hội cao hơn"(19). Thật vậy, thời đại đó, trái với mọi sự mong muốn, vẫn có cái gì đó kéo dài ra. Tuy nhiên ngay cả trong những điều kiện hiện đại dù ít nhất cũng có thể xác định được xu hướng tiếp tục xã hội hóa sản xuất, xã hội hóa nhiều mặt của đời sống xã hội tư bản chủ nghĩa. Một vấn đề khác, dù có phát hiện thấy những xu hướng tiên đoán trước và hình thức vận động tiến tới một hệ thống cao hơn, và cả những quan niệm về tương lai cùng với thời gian cũng sẽ biến đổi,và sự phát triển của lịch sử cũng không bao giờ hoàn toàn được sắp xếp trong những sơ đồ định trước cả.

Cần thừa nhận rằng, sự không tương ứng ngày càng tăng lên của chính thuật ngữ "chủ nghĩa đế quốc"để giải thích một loạt hiện tượng mà nó có liên quan, về ngữ nghĩa thuần túy không phải là ghê gớm lắm. Lịch sử phát triển ngôn ngữ đã biết không ít ví dụ khi một từ vẫn được giữ nguyên, nhưng ý nghĩa của nó đã được thay đổi đi hoặc bên cạnh nghĩa cũ đã xuất hiện nghĩa mới. Nhưng cũng có trường hợp nghĩa mới cũng bị cũ đi, nhưng do trì trệ vẫn tiếp tục tồn tại như là vẫn mới vậy. Chính những sự

(18) Như trên, tr. 422.
(19) Như trên, tr. 385.

thay đổi đó hiện nay đang diễn ra với chủ nghĩa đế quốc. Theo thói quen đã được hình thành người ta thường hiểu các nước đế quốc chủ nghĩa là các nước đại tư bản phát triển như Mỹ, Nhật, Anh, Tây Đức, Pháp. Nhóm nước này được hợp nhất lại dưới cái tên "các cường quốc đế quốc hàng đầu", điều này là nghiễm nhiên nói tới sự tồn tại của các cường quốc đế quốc "không phải hàng đầu". Điều đó cũng đặc biệt rõ khi để đối lập các nước đang phát triển với các nước tư bản phát triển, người ta nói tới "thế giới thứ ba" là một bên và tới các cường quốc đế quốc là một bên khác.

Như vậy, người ta quen đi rằng trong nhóm các cường quốc đế quốc chủ nghĩa dường như tự nhiên bao gồm tất cả các nước tư bản phát triển. Nhưng trong trường hợp sau đây sẽ là thế nào, ví dụ với Tây Ban Nha hay Phần Lan: Vì rằng về trình độ phát triển kinh tế nói chung rõ ràng Tây Ban Nha còn lâu mới được tính vào số các cường quốc đế quốc, còn đối với nước Phần Lan nhỏ bé, đơn giản khó gọi là cường quốc đế quốc mặc dù chúng ta nhận thấy rằng thunhập trung bình trên đầu người và về cơ cấu xuất khẩu tư bản, nước này đã vượt qua nhiều nước tiên tiến khác.(20)

Vì vấn đề xác định bản chất của giai đoạn phát triển hiện nay của CNTB có thể làm xuất hiện một vấn đề hơi bất ngờ cũng theo kiểu ngữ nghĩa, nhưng thực ra lại có tính nguyên tắc. Nếu như từ bỏ thuật ngữ "chủ nghĩa đế quốc"

---

(20) Năm 1988, đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Phần Lan đã vượt tổng khối lượng đầu tư của nước ngoài vào nền kinh tế Phần Lan 8 lần, trong khi đó đối với Mỹ (số liệu 1985), tỷ lệ đó chỉ là 1/4 lần (Xem " Indica-

thì cái gì sẽ xảy ra với một nguyên mẫu khác, với " cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc" ? Những người nàokhông thể khước từ những nguyên tắc nhận thức giản đơn, trong trường hợp này đều giận dữ hỏi rằng: Cái gì sẽ xảy ra vậy, không có ngay cả chủ nghĩa đế quốc, thì có nghĩa là không có cả đấu tranh chống đế quốc của các nước đang phát triển ư ? Điều đó là không thể được, vì điều đó là khôngbao giờ có cả. Hơn nữa,ở nơi nào đó người ta vẫn viết về cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc kia mà.

Tranh luận với kiểu lôgic như vậy thật là khó khăn và nguy hiểm, vì rằng không thể làm cho những người yêuthích sử dụng thay đổi để đi tìm những luận cứ. Tuy nhiên,không chỉ là đa nguyên ý kiến, mà trước tiên là cần nhìn nhận một cách hiện thực thực tế khách quan từ quan điểm tư duy chính trị mới sẽ cho phép nghĩ rằng, thứ nhất, là cuộc đấu tranhđó đã phản ánh được ở mức độ nào những lợi ích chính đáng của nhân dân "thế giới thứ ba", và ở mức nào lợi ích của tư sản dân tộc của các nước đang phát triển, họ cũng đấu tranh chống những người nước ngoài mạnh hơn đến nước họ để giành quyền bóc lột nhân dân trong nước. Thứ hai,có nên chăng trong điều kiện ngày càng tăng các mối quan hệ lẫn nhau giữa các nước trong thế giới hiện đại lạicoi mọi quá trìnhmâu thuẫn trong cạnh tranh kinh tế chỉ là đấu tranh chống đế quốc? Cuối cùng, và đây là điều chủ yếu, có thực là cuộc đấu tranh chống đế quốc của các nước đang phát triển là cuộc đấu tranh chống lại chính bản chất của

---

torsofthe Finnish Economy. 1989" Hensinki, 1989, P.24; " Transnational - corporations-in World Developmemt..? P.24,25).

chủ nghĩa đế quốc, nghĩa là chống lại các quanhệ tư bản chủ nghĩa hay không?

Tất nhiên, các xu hướng đế quốc chủ nghĩa trong chính sách đối ngoại của các cường quốc tư bản phát triểnlà khá rõ ràng, và điều đó tạo nên những phản ứng chống lạinhững biểu hiện tái phát chính sách đế chế thực dân là hoàntoàn có cơ sở. Nhưng hoàn toàn không phải là rõ ràng dù cácquá trìnhnày thích ứng với các quan niệm trước đây về đấu tranh chống đế quốc và điều quan trọng là cần phải xác định nội dung của nó trong giai đoạn hiện nay như thếnào. Nếu như ngay cả chúng ta nhất trí để ngỏ tất cả các vấn đề thuộc loại như vậy, thì trong bất kỳ trường hợp nào thuật ngữ đối đầu "đấu tranh chống đế quốc" cũng khôngthể bao hàm được trong phạm vi tư duy chính trị mới, cản trở việc củng cố lòng tin trong hợp tác quốc tế. Ở đây, rõ ràng cần phải tìm những cách tiếp cận mới thích ứng với tinh thần thời đại cả đối với việc nhận thức bản chất của các quá trình đang diễn ra, cũng như đối với việc định ra những thuật ngữ hiện thực đối với chúng.

Khi so sánh các tham sốkinh tế cơ bản của chủ nghĩa đế quốc với việc luận giải được thừa nhận rộng rãi, buộc chúng ta phải nêu các câu hỏi: tại sao hiện thực khách quan lại ít được phản ánh vào tư tưởng lý luận như vậy, tại sao những phát triển rực rỡ của chủ nghĩa Mác sángtạo vào đầu thế kỷ lại biến thành những khuôn sáo dầy rệumốc? Câu trả lời chỉ có thể tìm thấy trong những nguyên nhân được thừa nhận hiện nay, đó là những nguyên nhân tạo nên sự trì trệ kéo dài của tất cả các khoa học xã hội, là những nguyên nhân đã kích thích quan điểm giáo điều phát triển trong việc phân tích các hiện tượng xã hội,chúng đã

biến những di sản lý luậnphong phú của các nhà kinh điể của chủ nghĩa Mác-Lê nin thành một tập sách tra cứu ch những trích dẫn cứng nhắc, mà cho đến gần đây vẫn còndượ sử dụng tùy tiện để làm cơ sở cho những quyết định duy chí.

Giờ đây hơn lúc nào hết là lúc chuyển sang tư duy độc lập, sang những quan điểm không định trước về sự vật.Điề đó hoàn toàn liên quan đến việc luận giải tính chất củ giai đoạn hiện nay của CNTB, cũng như của toàn bộ sự phá triển của thế giới nói chung. Chính trong lĩnh vực này những khả năng tiềm năng ứng dụng sáng tạo phương pháp luận của Lê nin để phân tích chủ nghĩa đế quốc vào việc nghiên cứu khoa học khách quan những hiện thực của thời đại ngày nay thật là to lớn.

Vì vậy không phải ngẫu nhiên mà nhu cầu xem xét tổng hợp các đặc trưng của CNTB hiện đại lại thu hút sự chú ý ngày càng nhiều của môi trường khoa học xã hội, trong đó một thuật ngữ của vấn đề dù không phải là chủ yếu, nhưng cũng là một phần quan trọng của vấn đề lý luận chung đó. V.Zeinhic đã nêu rõ rằng nhất là cũng rất thận trọng khía cạnh này khi cho rằng "chủ nghĩa đế quốc" trong nghĩa mà ông ta hiểu theo sách báo " mác xít đầu thế kỷ (cũng như ông xem xét cho đến nay trong các tác phẩm của nhữngngười đi sau) hoàn toàn không phải là đặc trưng thích ứng của CNTB, khi thế kỷ 20 sắp kết thúc"(21). Diễn đạt như vậy khá gần với thực tế hiện nay, mặc dù, theo chúng tôi, có thể nâng cao nó lên một ít, vì rằng đặc trưng cấu thành của CNĐQ giờ đây không chỉ là thích ứng với nó hay không mà là nói chung chưa chắc nó đã được liệt vào số nhữngđặc trưng cơ bản của CNTB.

(21)Các dân tộc châu Á và châu Phi"N° 5/1988,tr.126.

Do thuật ngữ "chủ nghĩa đế quốc" quá không thích ứng để mô tả hiện thực khách quan của CNTB hiện đại, thật đúng là ngược đời khi trung thành một cách hình thức với từ này mà từ lâu nó đã không còn phan ánh được bản chất của hiện tượng và gạt sang một bên việc nhận thức đúng đắn về xu hướng và triển vọng phát triển của thế giới. Nếu như tư tưởng xã hội đã đạt đến sự cần thiết phải có cách tiếpcận mới để nhận thức những giá trị và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, thì hóa ra là những quan điểm mới mẻ không định : trước về tính chất của CNTB hiện đại lại càng không làm tổn hại đến các nền tảng tư tưởng. Nhưng không thuật ngữ "chủ nghĩa đế quốc" hóa ra là chưa chắc đã sống lâu hơn so với chủ nghĩa đế quốc, nếu như chúng ta gọi nó là như vậy. Bản khắc này tôi không chỉ ở chỗ nó đã già cỗi, mà trước tiên là ở chỗ buộc phải chuyển trọng tâmkhi nêu đặc trưng của giai đoan hiện nay của chủ nghĩa tư bản sang hướng các lĩnh vực đối đầu trong các quan hệ quốc tế thay cho các mối quan hệ có tính quy luật đang ngày một phát triển sâu sắc trong thế giới hiện đại.

Như vậy, từ tất cả những điều nói trên đây nên chăng có thể nói rằng những đặc trưng kinh điển của chủ nghĩa đế quốc đã già cỗi? Có thể, nên đặt vấn đề một cách khác - không phải chúng đã già cỗi, mà chính chủ nghĩa đế quốc, trong bất kỳ trường hợp nào, kể cả những đặc trưng đã lỗi thời, nhưng vẫn còn đáp ứng được các phạm trù đó. Những đặc trưng mới đã được nảy sinh, thích ứng với thực tiễn của thời đại hiện nay, cũng như những xu hướng phát triển của nó, chủ nghĩa đế quốc đang thay đổi, cả thế giới đang thay đổi.

Hơn nữa, theo những tham số chủ yếu của mình, tham số chính trị, xã hội, kinh tế, kỹ thuật, sinh thái,-thế giới

đang thay đổi mạnh mẽ so với đầu thế kỷ. Và cả việc lĩnh hội thế giới hiện đại và cả quan niệm về tương lai thế giới, về những con đường và số phận của nền văn minh nhân loại đều đang tiến triển, đang xuất hiện nhu cầu ở một quy mô mới nào đó cần phải có sự phối hợp và có những đơn vị mới để đánh giá các quá trình toàn cầu.

Nhưng dù sao tính chất tổng thể của các đặc trưng của chủ nghĩa tư bản hiện đại cũng rất phức tạp và đầy mâu thuẫn - và đây đã là một vấn đề khác cần phải có những sự phân tích độc lập và toàn diện hơn. Có thể coi quốc tế hóa sản xuất dựa trên cơ sở xuyên quốc gia hóa tư bản là chủ yếu, hay là việc chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước đáp ứng được quá trình tăng lên của các mối quan hệ kinh tế lẫn nhau của thế giới hiện đại, hay là tiến trình tiếp tục phát triển của cơ cấu kinh tế - xã hội thích ứng với những điều kiện luôn thay đổi của đời sống xã hội dưới sự tác động của tiến bộ khoa học - kỹ thuật, của khả năng được mở rộng sản xuất và tiêu dùng ngày càng tăng, hay là những nhân tố nào khác có thể coi là chủ yếu ?

Hiện nay vẫn chưa có câu trả lời thống nhất (ở mức độ nào đó, cả tác giả bài báo này), hơn nữa, đối với những hướng được xem xét của tiến trình phát triển của chủ nghĩa đế quốc còn lâu mới được nghiên cứu hết mọi mặt của nó. Tuy nhiên, ngay cả việc dự định hạn chế chủ yếu ở các khía cạnh kinh tế thế giới của chủ nghĩa tư bản hiện đại và thừa nhận tính chất tranh luận của những luận giải về những vấn đề đó, có thể cho rằng, mặc dù có thể một mặt của vấn đề dù sao cũng đã được nêu lên khá rõ, nhưng trong mọi trường hợp, đó cũng không phải là chủ nghĩa đế quốc, kể cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng của từ này. Vấn đề đó từ lâu đã không còn là vấn đề ngữ nghĩa, thuật ngữ, mà là vấn đề nhận thức. Và vấn đề đang được giải quyết.

CHỦ NGHĨA TƯ BẢN : NHỮNG CHUYỂN BIẾN VỀ CHẤT TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN - NHỮNG CÁCH TIẾP CẬN MỚI TRONG PHÂN TÍCH.

(Nhằm đánh giá những chuyển biến về chất của chủ nghĩa tư bản, Tạp chí "Các khoa học kinh tế" đã nêu 5 câu hỏi cho các nhà kinh tế Liên Xô. Ở đây chúng tôi chỉ xin nêu ý kiến trả lời của 3 giáo sư, tiến sĩ kinh tế Liên Xô về 5 câu hỏi đó).

Câu hỏi :

1. Chủ nghĩa tư bản hiện đại có còn giữ nguyên đặc tính của chủ nghĩa đế quốc hay không và có thể xác định được đặc trưng tổng hợp mới nào đó về thực trạng hiện nay của xã hội tư bản chủ nghĩa không ?

2. Đâu là thực chất và hướng biến đổi về chất có tính nguyên tắc mà chủ nghĩa tư bản đã trải qua ?

3. Những đặc tính chủ yếu nào trong cơ chế kinh tế của chủ nghĩa tư bản hiện đại cho phép mở rộng phạm vi xã hội hóa, bảo đảm đẩy mạnh cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, tiến bộ của nền kinh tế nói chung ?

4. Những kinh nghiệm của chủ nghĩa tư bản hiện đại có thể giúp ích gì và ở mức độ nào đối với việc kinh doanh xã hội chủ nghĩa ?

5. Những triển vọng chung và những cơ chế thực tế chủ yếu nào phối hợp hành động của CNTB và CNXH trong điều kiện của một thế giới chỉnh thể đang phát triển, trên thực tế có thể hình thành nền kinh tế toàn thế giới khi vẫn còn những đối lập giữa các chế độ xã hội không ?

*

Trả lời :

- Iai- Evchenhevich Gurian giáo sư tiến sĩ kinh tế , Phó Viện trưởng Viện Kinh tế thế giới và quan hệ quốc tế thuộc Viện Hàm lâm khoa học Liên Xô :

. Vấn đề, liệu chủ nghĩa tư bản hiện đại có còn giữ nguyên đặc tính của chủ nghĩa đế quốc hay không ? Về phương diện lý luận thì thực chất, điều muốn đề cập ở đây là mức độ phù hợp về học thuyết chủ nghĩa đế quốc của Lê-nin với thực tế của xã hội tư sản hiện đại. Xã hội đã trải qua không ít những thay đổi từ cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất, khi Lê-nin phân tích cặn kẽ, tỷ mỷ nhất chủ nghĩa đế quốc.

Trên phương diện thực tiễn - chính trị, đánh giá, nhận định về chủ nghĩa tư bản , có ý nghĩa về nguyên tắc ngay cả trong việc giải quyết những vấn đề về đặc trưng và các hình thức quan hệ lẫn nhau giữa các nước thuộc hai hệ thống đối lập trong điều kiện thế giới hiện nay - thế giới chỉnh thể, ngay cả trong việc xác định những khuynh hướng chủ yếu của tiến bộ xã hội đối với nhân loại nói chung.

Tôi sẽ cố gắng trình bày những quan niệm của mình về những khía cạnh có tính nguyên tắc nhất, bắt đầu từ thuật

ngữ "chủ nghĩa đế quốc". Lê-nin như mọi người đều biết, "không phát minh, không bênh vực, không từ chối mà sử dụng nó dưới dạng có sẵn trong sách báo hồi đầu thế kỷ (sách chuyên môn, phổ thông, chính trị và kinh tế) như một khái niệm thường được sử dụng nhiều nhất trong khi nêu lên đặc tính của chủ nghĩa tư bản trong thời kỳ này. Đó là những năm khi phong vũ chính trị báo hiệu dông tố của cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất, khi những cuộc dụng độ xảy ra trước về sự phân chia lại thế giới trên thế đã bùng lên ở nơi này, nơi khác của thế giới, khi những thảm kịch tàn sát hàng loạt người và sự hủy diệt đã trở thành sự thực. Lúc đó từ "chủ nghĩa đế quốc" hoàn toàn phù hợp với tính hiện thực, tuyệt nhiên không bị coi là dấu ấn chính trị thuần túy. Trong điều kiện này, tác giả cuốn sách nổi tiếng "Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản" đã sử dụng thuật ngữ được phổ biến rộng rãi trong sách báo dân chủ xã hội tư sản đưa vào nội dung cuốn sách của mình, khác với những khái niệm của nhiều tác giả có uy tín khác. Chủ nghĩa đế quốc, theo tư tưởng của Lê-nin là giai đoạn đặc biệt của chủ nghĩa tư bản có đặc trưng là sự tổng hòa những điểm đặc thù về kinh tế và chính trị. Về phương diện phù hợp với sự phát triển lịch sử của xã hội tư sản và sự tiến bộ xã hội của nhân loại nói chung, Lê-nin đã nhận định, chủ nghĩa đế quốc là giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản.

Cái chính trong học thuyết chủ nghĩa đế quốc của Lê-nin là ở nội dung của nó, là quan niệm giai đoạn, chứ không phải là bản thân hệ thống thuật ngữ.

Công thức "chủ nghĩa đế quốc" hoàn toàn thích hợp và có căn cứ không chỉ trong thời kỳ của Lê-nin mà có lẽ

cả trong thời đại hiện nay, trong những năm tháng của "cuộc chiến tranh lạnh". Ngày nay, khi mà dưới tác động rộng lớn của nhiều nhân tố, việc hy vọng vào sức mạnh để giải quyết những vấn đề quốc tế ngày càng trở nên mất hết hiệu lực, nhường chỗ cho chính sách tích cực hòa bình, khi mà triển vọng giải trừ quân bị và tăng cường an ninh ngày càng trở nên rõ ràng, thì thuật ngữ " chủ nghĩa đế quốc " mang tính chất tuyên truyền rập khuôn (khuôn sáo) đã lỗi thời.

Một vấn đề khác trong quan niệm của Lê-nin thích dụng với CNTB hiện đại là quan niệm giai đoạn đặc biệt tột cùng. Nói chung quan niệm này, theo tôi, vẫn còn ý nghĩa là cơ sở phương pháp luận để phân tích. Trước hết điều đó liên quan đến kiến giải của Lê-nin về những đặc trưng kinh tế chủ yếu trong giai đoạn này.

Thật ra, tích tụ sản xuất và tư bản (toàn bộ lịch sử phát triển của hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa trong suốt một trăm năm nay đã chứng tỏ điều này)trong tácđộng qua lại với các quá trình cạnh tranh , quốc tế hóa không ngừng thúc đẩy sự hình thành, bành trướng, đổi mới những hình thức liên hiệp TBCN lớn. Rõ ràng, ở đây không cần thiết phải minh họa luận điểm này bằng những tài liệu thực tế. Nó rất rộng và cũng khá rõ rồi. Như vậy cũng có rõ là, tất cả các quá trình này gắn với các liên hiệp đều chứa đựng đấu tranh không đồng đều, không giải phóng xã hội khỏi những cuộc khủng hoảng, còn khủng hoảng " đến lượt mình lại làm tăng lên với quy mô to lớn" khuynh hướng phát triển và củng cố các liên hiệp này.

Trên phươngdiện này, luận điểm của Lê-nin về tích t

sản xuất như là một tiền đề của độc quyền hóa, dường như vẫn còn giữ nguyên ý nghĩa. Tuy nhiên, nó đòi hỏi phải có những sửa đổi nhất định.

Thứ nhất : Chưa chắc bản thân thuật ngữ "độc quyền" là đúng, hợp quy luật. Chế độ "đồng sở hữu" vững chắc, gạt bỏ cạnh tranh trong nội bộ ngành, không được hình thành, có lẽ trong suốt toàn bộ lịch sử, giai đoạn tột cùng của CNTB cả trong những nước phát triển, cả trong các ngành then chốt khá lớn.

Bản quyền thuật ngữ này, cũng như từ "chủ nghĩa đế quốc" ở đây không phải của Lê-nin. Song vấn đề không chỉ ở thuật ngữ mà cái chính là ở bảnchất của vấn đề. Cạnh tranh bị lôi cuốn không chỉ vì những khát vọng lợi nhuận, mà còn vì bản năng tự bảo tồn tư bản về mặt kinh tế, đã làm cho khuynh hướng độc quyền hóa bắt nguồn từ tích tụ sản xuất trở nên mạnh mẽ hơn. Thực tế không chỉ có những tổ chức độc quyền trong một ngành, mà còn có những nghiệp đoàn đa ngành, các liên hiệp lớn với hàng chục, hàng trăm các chi nhánh (công nghiệp, ngân hàng, các nhóm tàichính v.v...) rộng khắp, hoạt động bên cạnh nhau không những ở trên thị trường quốc gia mà còn trên thị trường thế giới.

Thứ hai : Nếu như Lê-nin dựa vào những bằng chứng của nhiều tác giả tư sản và vào những số liệu, thống kê của các nước thì có thể kết luận chắc chắn rằng "thành lập ... tổ chức độc quyền sẽ bảo đảm những thu nhập khổng lồ và sẽ dẫn đến hình thành các đơn vị sản xuất - kỹ thuật rộng lớn"(22) và ngày nay, cả những công trình nghiên cứu lý luận, lẫn thực tế kinh nghiệm đều chứng tỏ : Tình hình đã trở nên khác hơn. Các công ty lớn nhất lại ưa

(22) V.I. Lê-nin toàn tập, tập 27, trang 318

thích những đơn vị sản xuất - kỹ thuật khổng lồ hơn là những xí nghiệp nhỏ và trung bình. Những đơn vị này trong điều kiện ngày nay lại hoạt động kém hiệu quả và làm tổn hại trực tiếp đến những người chủ sở hữu. Còn về thu nhập thì ở đây có bức tranh khá nhiều màu sắc, pha tạp. Một số công ty thu lợi nhuận thật sự lớn, nhưng cũng không ít công ty bị thu lỗ và tiến hành đấu tranh giành lại sự sống hoặc phải chịu mức lợi nhuận vừa phải.

Đồng thời cũng không ít những thay đổi được tích lũy lại theo đường lối của tư bản tài chính trong nền kinh tế TBCN thế giới. Điều đó đã được phản ánh trong sách báo của chúng ta. Một số những thay đổi có tính nguyên tắc (sự phát triển như vũ bão các công ty xuyên quốc gia, sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân trong 10 năm gần đây). Tuy nhiên, những thay đổi nay nhìn chung theo hướng những đặc trưng kinh tế cơ bản của CNĐQ như Lê-nin đã viết. Chẳng hạn sự phá hủy hệ thống phụ thuộc chính trị của nước thuộc địa ("dấu hiệu kinh tế thứ 5 của CNĐQ") hoàn toàn không xóa bỏ đặc trưng kinh tế của CNĐQ tư bản chủ nghĩa, mà lại dẫn đến sự phân chia thế giới và sau đó là đến cuộc đấu tranh để phân chia lại thế giới - đó chính là chính sách thuộc địa của tư bản tài chính. Việc xóa bỏ sự phụ thuộc chính trị tuyệt nhiên không loại trừ những hình thức phụ thuộc quốc tế khác của các nước bé nhỏ vào các nước lớn (trong đó hình thức ngoại giao tài chính truyền thống hiện nay được bổ sung bằng những hình thức quân sự, công nghệ, thông tin, văn hóa và những hình thức khác).

Như vậy, CNTB hiện đại vẫn mang những đặc tính kinh tế chủ yếu vốn có dưới dạng bị biến tính nhất định như

Lê-nin đã chỉ rõ. Về phươngdiện này quan niệm của Lê-nin về CNĐQ là giai đoạn đặc biệt của CNTB, nói chung, vẫn giữ nguyên ý nghĩa phương pháp luận. Tuy nhiên, về điều này, tôi muốn khẳng định khác, nhận định tình hình khác với quan niệm xác định địa vị lịch sử của chủ nghĩa đế quốc.

Trên đây, tôi đã đề cập đến vấn đề chủ nghĩa tư bản độc quyền có khuynh hướng thay thế cạnh tranh tự do tư bản chủ nghĩa bằng độc quyền TBCN mà "Lê-nin nhận định, trên thực tế đã không phát triển đầy đủ được thị trường theo quy luật của nó, trong đó có quy luật cạnh tranh vẫn giữ vai trò chủ chốt trong nền kinh tế TBCN. Trong phạm vi nền kinh tế thị trường, khuynh hướng tích tụ và tập trung tư bản và "quy luật tích lũy TBCN" vẫn là phổ biến, tuyệt đối" (C. Mác). Quy mô tư bản ngày càng tăng do hình thành các liên hiệp lớn bằng sự sát nhập và thôn tính ngày càng nhiều. Tiềm năng cạnh tranh ngày càng trở nên bị phá hủy. Song, khuynh hướng độc quyền hóa vẫn không trở thành khuynh hướng mạnh nhất (có thế lực nhất).

Có nhiều nhân tố cản trở : Nhân tố khách quan(sự hình thành các ngành mới, khối lượng tư bản mới, sự mở rộng những khả năng cạnh tranh giữa các ngành do sựphát triển lĩnh vực tín dụng, giao thông vận tải, thông tin liên lạc) và nhântố chủ quan (đạo luật chống tờ-rớt,nhận thức của xã hội về sự nguy hại của độc quyền hóa).

Song, nếu độc quyền hóa không phải là quy luật chung, quy luật kinh tế cơ bản của CNTB, thì khi đó nảy sinh sự hoài nghi về tính tất yếu tuyệt đối hóa vai trò và ý nghĩa của bạo lực và sự phản ứng của xã hội tư sản trong

phạm vi chính trị. Tất nhiên, chính biện pháp bạo l
chính trị (trong việc giải quyết những vấn đề quốc tế)
hoạt động tích cực của lực lượng phản động đều có vị t
không nhỏ trong đời sống thực tiễn ở các nước tư bản c
nghĩa. Nhưng, đó vẫn chỉ là một trong những khuynh hướ
hoàn toàn không phải bao giờ cũng chiếm ưu thế. Chính v
vậy, trong nhận thức khoa học những biến đổi của xã hộ
tư sản vào cuối thế kỷ này, không thể xem thường sự phâ
tích đường lối phát triển dân chủ, những tiền đề và c
thể của nó, vai trò của nó trong việc giải quyết nhữ
vấn đề phức tạp, thích hợp với những xu hướng cơ bản c
tiến bộ xã hội.

Tôi cho rằng, những hoài nghi hiện nay về những nhậ
định đúng đắn CNTB hiện đại là xã hội ăn bám và thối nát
chỉ là viện cớ. Tất nhiên, xuất khẩu tư bản sẽ tái phá
những điều kiện tiền đề cho ăn bám, tức là, cho sự tồ
tại nhờ bóc lột các tầng lớp xã hội khác và toàn th
nhân dân. Tuy nhiên, liệu có thể giải thích một cách
hợp lý mức sống cao trong các nước tư bản phát triển l
do xuất khẩu tư bản. Cơ sở trước tiên của sự giàu c
của bất kỳ người dân nào cũng đều là lao động
và năng suất lao động của họ. Phần lớn những nước già
có trong thế giới hiện nay là ở chỗ có năng suất lao độn
cao nhất, sử dụng kỹ thuật và công nghệ tiên tiến nhất
Đó là một mặt của vấn đề liên quan đến tính chất ăn bám

Mặt khác gắn với sự thối nát. Lê-nin đã xem xét mộ
cách công minh tiền đề cơ bản của khuynh hướng trì trệ
và thối nát trong độc quyền. Và nếu độc quyền tìm được
vị trí thống trị trong nền kinh tế TBCN, thì sự trì trệ
và thối nát sẽ thật là ngoạn mục. Song cuộc cách mạn

khoa học kỹ thuật ngày nay trong các nước TBCN phát triển, chứng tỏ rằng, khuynh hướng thối nát trong lĩnh vực kinh tế, nếu vẫn còn thì sẽ không thấy được quy mô phát triển có ưu thế trong mọi trường hợp.

Và cuối cùng, đây là cái chính. Vấn đề tính chất ăn bámvà thối nát đối với Lê-nin không mang tính chất độc lập. Là một lãnh tụ đầy nghị lực của phong trào côngnhân quốc tế, Người đã nhìn thấy một trong những cảntrở chính đến quá trình cách mạng đó là sự chống đối của trường phái cải lương. Theo ý kiến của Lê-nin chính tính chất ăn bám và thối nát của chủ nghĩa tư bản làm cơ sở kinh tế cho sự chia rẽ quốc tế phong trào công nhân, tạo lập cho giai cấp tư sản khả năng mua chuộc phong trào công nhân để thành lập mạng lưới điệp viên của mình.

Dân chủ xã hội đóng vai trò rất tích cực trong quá trình chính trị thế giới. Điều đó, cho phép đánh giánhận định chủ nghĩa đế quốc là ăn bám và thối nát và đánh giá thực sự tương quan hành động giữa các khuynh hướng tăng cường và cản trở của nó trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Trước đây, nhận định của Lê-nin về chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa tư bản đang dãy chếtvà tiến sát đến cuộc cách mạng XHCN ("đêm trước" của nó) đã có sức nặng chính trị động viên to lớn và cuộc cách mạng XHCN tháng Mười vĩ đại ở nước Nga đã chứng minh hoàn toàn kết luận chân lý của Lê-nin.

Nhưng lịch sử không chỉ có chân lý vĩnh cửu.Ngày nay liệu có thể khẳng định chắc chắn rằng, CNTB hiện đại

phát triển là đêm trước của sự sụp đổ cách mạng : Tất nhiên sau tác phẩm Lê-nin viết về CNĐQ thì CNTB đã tiến xa theo con đường thiết lập nhữngđiều kiện tiền đề tổ chức vật chất cho một chế độ xã hội mới. Quátrình xã hội hóa tư sản đã thể hiện điều này. Nhưng mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản ngày càng tăng, trước hết là những mâu thuẫn kinhtế (những chấn động khủng hoảng trong những năm 70, đầu 80 của kỷ nguyên hiện nay đã chứng tỏ rõ). Mâu thuẫn giữa lao động và tư bản tăng lên cùng với sự gia tăng số người lao động làm thuê. Tuy nhiên, đặc biệt trong 10năm gần đây, mâu thuẫn xã hội trầm trọng đa giảm bớt.

Hơn nữa, trong quan hệ của quần chúng đối với tư bản cũng đã có những thay đổi nhất định. Ở đây không nhất thiết phải phân tích tính chất của những thay đổi này.

Liệu có thể đưa ra đặc trưng tổng hợp nào đấy cho chủ nghĩa tư bản hiện đạiđược không ? Những đặc trưng nào trong số những đặc trưng "cũ" của CNTB không phù hợp nữa ? Liệu có dám gọi CNTB là chủ nghĩatư bản độc quyền cũng như CNTB độc quyền nhà nước ? ! Tất nhiên, vai trò của nhà nước hoàn toàn có thực trong lĩnh vực kinh tế,xã hội. Nhưng, nếu hoạt động của nhà nước là có thực và bản thân CNTB là thực tế, thì có thể nêu đặc trưng của chủ nghĩa tư bản hiện đại như CNTB nhà nước ? Phải chăng, vì nhà nước chỉ là một trong nhưng chủ thể của đời sốngkinh tế. Còn hai chủ thể - Lao động và tư bản không muốn nêu lên trong khái quát này.

Lao động làm thuê trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa hiện đại là đối tượng tranh luận đặc biệt. Song tôi muốn nói rằng, người làm thuê là người sở hữu sức lao động,

trong kinh tế chính trị học mác-xít, không cần phải hạ thấp tới mức của một trong những nhân tố sản xuất (nhân tố vật chất, tiền tệ, nhân tố con người v.v...).

Cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật mà một trong những hướng quan trọng của nó là chuyển sang kiểu sản xuất tiết kiệm lao động đã nâng cao chưa từng thấy vai trò và ý nghĩa của lao động sống, lành nghề cao (kỹ xảo), có trí tuệ.

Theo quan điểm này, quan điểm về sự tham gia thực tế của cả ba chủ thể - tư bản, lao động làm thuê và nhà nước - vào trong đời sống kinh tế, thì thuật ngữ " chủ nghĩa tư bản nhà nước" là phiến diện và không có kết quả.

* CNTB hiện đại khác rất rõ với CNTB trong thời kỳ Lênin ở trình độ xã hội hóa - việc sử dụng những phương tiện xã hội để giải quyết những vấn đề kinh tế, xã hội. Nhờ vào những phương tiện thu được từ xã hội, nhà nước thúc đẩy sự phát triển khoa học, giáo dục, bảo hiểm sức khỏe, giúp đỡ về mặt xã hội cho những người già và những người nghèo. Nhà nước cứu giúp cho các công ty lớn mà hoạt động của chúng gây ảnh hưởng rõ rệt đến tình trạng của nền kinh tế quốc dân nhưng đang đứng bên bờ phá sản v.v... Tôi nghĩ rằng, rất nhiều mặt trong hoạt động kinh tế, xã hội đa dạng của nhà nước được thực hiện nhờ vào xã hội. Nếu không có hoạt động này, khó mà hình dung được năng lực hoạt động của cơ chế kinh tế TBCN hiện đại, huống chi là duy trì bầu không khí xã hội tương đối bình thường. Đủ để nói rằng, sau khi giảm bớt các chương trình xã hội mà những người bảo thủ mới tiến hành, có không ít hơn 50% chi phí của ngân sách nhà nước trong các nước tư

bản chủ yếu được chi cho các nhu cầu xã hội !

Tất cả điều đó tạo cơ sở để nói về sự kết hợp vững chắc hai nhân tố mâu thuẫn bề ngoài trong phạm vi của chủ nghĩa tư bản hiện đại : Nhân tố xã hội hóa (xã hội) và nhân tố TBCN (tư nhân). Tuy nhiên, sự kết hợp 2 từ "chủ nghĩa tư bản xã hội hóa" và "chủ nghĩa tư bản xã hội" là trên bề mặt, là sự liên kết cơ học những mặt rõ nhất trong đó của chủ nghĩa tư bản hiện đại.

Đặc trưng chung nhất và phản ánh khá chính xác bản chất của những thay đổi chủ yếu (lịch sử, kinh tế và xã hội) mà chủ nghĩa tư bản đã trải qua là chủ nghĩa tư bản phát triển cao trong thời kỳ quá độ hiện nay. Tôi nghĩ ít ai lại hoài nghi về tất cả những thạm số đặc trưng cho mức sống của xã hội - từ mức sống kinh tế đến trình độ bảo vệ về mặt xã hội các công dân của mình - chủ nghĩa tư bản hiện đại là một xã hội phát triển cao. Tất nhiên, trước hết đó là kết quả tự phát triển của chủ nghĩa tư bản. Nhưng bản thân thời đại lịch sử đã gây ảnh hưởng đến quá trình này - đó là tình hình thế giới, trong đó chủ nghĩa tư bản đã bị mất, trước hết là vị trí độc quyền, thống trị trong thế giới, và sau đó là vị trí độc quyền hệ thống thế giới duy nhất.

2. Những thay đổi về chất của chủ nghĩa tư bản trong 10 năm sau chiến tranh đã được đề cập rất nhiều. Còn về những biến đổi của chủ nghĩa tư bản hiện đại ngày nay , nếu đề cập đến thì có lẽ còn hơi sớm.

Ở đây chúng ta hãy đề cập đến những điều đã rõ ràng : về sự khác nhau của tình hình kinh tế những năm 70 , 80 (bắt đầu từ năm 1983). Sự khác nhau này thật kỳ lạ (lớn

lao). Thời kỳ thứ nhất (từ năm 1970 đến năm 1982) - đó là thời kỳ gắn kết của những chấn động khủng hoảng dài nhất, nghiêm trọng và đa dạng nhất. Đó là thời kỳ chưa từng có trong toàn bộ lịch sử của chủ nghĩa tư bản với những sự bất ổn định khủng hoảng trầm trọng. Sự hỗn loạn của cơ chế tiền tệ (bất ổn định tiền tệ, lạm phát ngựa phi); sự phá hủy cơ chế bảo đảm dự trữ (những cuộc khủng hoảng năng lượng và nguyên liệu), sự gia tăng các cuộc khủng hoảng chu kỳ (1970, 1974 - 1975 ; 1980 - 1982) cùng với sự suy sụp đồng thời cơ chế chu kỳ (tăng giá cả trong khi suy thoái, tăng thất nghiệp trong khi hưng thịnh) và sự không có khả năng của nhà nước khắc phục tự phát kinh tế đang hoành hành trên cơ sở những phương pháp điều tiết. Liệu sự bất ổn định trong đời sống kinh tế có là bằng chứng về sự thay đổi một cách tiêu cực của chủ nghĩa tư bản không? Nếu đúng thì ở mức độ nào? Song đồng thời với những chấn động diễn ra trong quá trình khủng hoảng mà những mâu thuẫn tích lũy lại đã được giải quyết mở đường cho sự bình thường hóa đời sống kinh tế, tạo lập những tiền đề cho sự đổi mới về chất.

Thời kỳ năm 1983 - đối lập trực tiếp với thời kỳ trước là thời kỳ tăng trưởng kinh tế không ngừng mặc dù với tốc độ không cao. Tốc độ lạm phát giảm, những khó khăn về năng lượng được khắc phục, giảm dần quy mô thất nghiệp. Về thời gian, thời kỳ tăng trưởng không ngừng này liệu có chứng tỏ sự biến đổi tích cực về chất của chủ nghĩa tư bản không? Nếu có thì ở mức nào?

Bước ngoặt của những khuynh hướng bất lợi trong những năm 70 là do sự thay đổi năng động chính sách kinh tế của nhà nước, sự thay đổi phương hướng đường lối trong chính

sách kinh tế. Những thay đổi trong chính sách thuế, và sự suy giảm vai trò quy định của nhà nước giữ vai trò tích cực, quan trọng. Phạm vi điều tiết của nhà nước đã giảm một chút. Trong chừng mực nào đó, vai trò phi kiểm tra của những nhà kinh doanh (tính tự chủ) lại tăng lên. Tự nhiên, tôi cho rằng, sự tăng cường năng lực tự phát, lực lượng thị trường được xác định theo hướng này thì có thể sẽ dẫn đến làm phá vỡ cục diện.

Từ đó, có thể rút ra kết luận như thế nào về sự biến đổi về chất của chủ nghĩa tư bản ? Rõ ràng là, quá trình vận động còn đang tiếp diễn để đạt được sự cân bằng giữa các lợi ích tư nhân của các nhà kinh doanh với lợi ích giai cấp chung của họ, được thể hiện trong chính sách của nhà nước. Tình trạng cân bằng này phần lớn tùy thuộc vào chỗ những lợi ích của người tham gia thứ ba vào quá trình kinh tế này - người lao động làm thuê là bao nhiêu . Tôi nghĩ rằng, cho tới nay, người lao động làm thuê hoàn toàn chưa thấy rõ lợi ích của mình. Những chấn động trong những năm 70 kết hợp với sự tăng thất nghiệp hàng loạt và với hoạt động giảm chấn động xã hội đã thúc đẩy dừng tạm thời hoạt động tích cực của xã hội. Song chính trong thời kỳ hưng thịnh (tăng trưởng) hoạt động tích cực này lại thường tăng lên ...

Trong quá trình tích lũy lâu dài những điều kiện tiền đề cho sự biến đổi về chất sau này của chủ nghĩa tư bản vấn đề quan trọng là việc chuyển sang "nền công nghiệp tri thức", tăng cường hơn nữa quá trình quốc tế hóa gắn với hoạt động của các công ty xuyên quốc gia cũng như với sự phục hồi khuynh hướng liên kết , trước hết ở Tây Âu.

3. Tôi cho rằng , sự phát triển lực lượng sản xuất và sự tăng trưởng kinh tế sẽ bảo đảm cho xã hội tư bản bằng sự hoạt động của cơ chế kinh tế nói chung, chứ không phải bằng những thuộc tính riêng mặc dù đó là những thuộc tính chủ yếu của nó. Nhân tiện, nói thêm ở đây cũng có không ít những phức tạp do sự du nhập kinh nghiệm quản lý kinh tế của các nước tư bản chủ nghĩa trong điều kiện hiện nay.

Chẳng hạn, trong đời sống kinh tế của xã hội tư bản chủ nghĩa, sự kết hợp các tác nhân kích thích và sự mạo hiểm - "khát vọng lợi nhuận" và tai họa phá sản giữ vai trò to lớn. Sự kết hợp này không phải là bịa đặt, không phải từ bên ngoài dựa vào lĩnh vực kinh tế mà là sản phẩm lịch sử - tự nhiên của thị trường, cạnh tranh, sở hữu tư nhân lớn. Giai cấp tư sản, như Mác và Anghen nhận định, sẽ không thể tồn tại, nếu không thực hiện những bước ngoặt cách mạng về lực lượng sản xuất. Điều đó hoàn toàn đúng trong thế kỷ XIX. Liệu có thể xoay chuyển tình thế khác đứng vào cuối thế kỷ này, nếu như vẫn duy trì thị trường (đương nhiên có những thay đổi nhất định), cạnh tranh (ngày càng mạnh mẽ) sở hữu tư nhân lớn (với những hình thức mới) được không ? Tất nhiên là không. Còn kết quả hợp quy luật là sự lớn mạnh không ngừng của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật và sự chiếm lĩnh (chứ không phải "áp dụng") những kết quả của nó.

Đồng thời, sự kết hợp những nguyên tắc tự chủ và tập trung trong quản lý sản xuất là đặc trưng cho chủ nghĩa tư bản hiện đại. Điều đó liên quan không chỉ với những quan hệ giữa công ty với nhà nước, mà còn những tổ chức hoạt động của chính các công ty.

Những công ty lớn kích thích phát triển những nhà kin doanh (tự chủ) trong phạm vi riêng của mình chuyển bi thành "Các liên minh kinh doanh". Do đó, thị trường t do sẽ được thiết lập ngay trong các liên minh này. Tính tự chủ của các đơn vị sản xuất cơ sở sẽ phát huy sá kiến của họ, góp phần thúc đẩy phát triển mạnh mẽ kin tế và kỹ thuật.

Trong cơ chế kinh tế của chủ nghĩa tư bản hiện đại, tín dụng và giáo dục nghề nghiệp có vai trò tích cực. Không có một loại hoạt động kinh tế nào (từ đầu tư đến tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ) lại không có các nghiệp vụ tín dụng. Tuy nhiên, hiệu quả của tín dụng được xác định hoàn toàn không phải ở sự phát triển riêng của nó, mà là ở trình độ phát triển của thị trường tự do.

4. Có thể nói tóm tắt như thế này xuất phát từ kin nghiệm của chủ nghĩa tư bản. Cần phải nắm lấy tất cả những gì là thành tựu chân thật nhất của văn minh loài người

5. Triển vọng phát triển tác động qua lại về mặt kin tế giữa CNTB và CNXH rốt cuộc lại, được xác định bởi những khả năng (hiện tại và tương lai) của cả hai phía Tuy nhiên, tình hình hiện nay có phần nào tốt hơn trướ đây. Vì sao vậy ? Có không ít nguyên nhân. Nhưng nguyê nhân chính là do khả năng của chúng ta bị hạn chế, nào là chất lượng sản phẩm trong công nghiệp chế biến không cao nào là trình độ phát triển các quan hệ thương mại thấp, còn nhiều, nhiều cái khác nữa. Song trước hết khả năng của chúng ta bị hạn chế bởi quan hệ thị trường yếu kém, sự bất lợi của hệ thống tiền tệ quốc gia đối với "hoạt động" của hệ thống tiền tệ thế giới.

Sự thua kém mức độ phát triển của thị trường xã hội chủ nghĩa so với thị trường TBCN, sự tách biệt trên thực tế hệ thống tiền tệ khỏi thị trường tiền tệ thế giới - là những nhân tố chủ yếu cản trở sự tiến bộ trong tác động qua lại giữa các quốc gia trong hai hệ thống xã hội và do đó mà cản trở sự hình thành nền kinh tế toàn thế giới. Tôi cho rằng, chúng ta cần phải cải tổ một cách căn bản, triệt để thực tiễn kinh doanh XHCN đang trì trệ.

*

Jari Mikhailôvich Oxipôp - giáo sư, tiến sĩ kinh tế, phó Chủ nhiệm khoa kinh tế Trường đại học tổng hợp quốc gia Matxcova.

1 - Trước hết hãy xem thuật ngữ "chủ nghĩa đế quốc" nói chung có nghĩa là gì khi vận dụng vào kinh tế và sử dụng thuật ngữ đó để nói lên đặc tính của một chế độ xã hội với tính cách là một phương thức sản xuất sẽ xác đáng đến mức độ nào ?

Theo tôi, bên trong thuật ngữ chủ nghĩa đế quốc tiềm ẩn một hiện tượng đặc biệt mà đặc trưng của nó là bạo lực, độc tài, cưỡng chế, xâm chiếm, thống trị. Trong kinh tế, hiện tượng đó có thể hình dung qua những kết cấu nhiều cấp độ khác nhau - từ một hãng hay một ngân hàng riêng lẻ cho đến cả nhà nước hay các nhóm nước liên kết với nhau nói chung. Trường hợp với hoạt động kinh tế của các tổ chức đó là những quan hệ xã hội và chính sách nhất định thì chúng ta có thể xác định chính xác tính chất đế quốc chủ nghĩa của chúng ta.

Hoạt động thuộc địa là điển hình giản đơn và r
ràng nhất của chủ nghĩa đế quốc, chính quốc - tên đế qu
chủ nghĩa tiêu biểu. Việc đánh giá chủ nghĩa phi thực đ
phức tạp hơn, bởi vì lúc đó không còn tính chất đế qu
chủ nghĩa rõ rệt mà chúng ta đã thấy khi phân tích c
nghĩa thực dân. Song thực tế kinh tế vẫn cho thấy nhi
kiểu mẫu của chủ nghĩa đế quốc phi thực dân; Tất cả những
kiểu mẫu ấy nhất định đều gắn với những mối quan hệ qu
lợi giữa những bạn hàng mạnh và bạn hàng yếu hơn. Và nế
như lấy một hiệp định kinh tế liên quốc gia mang tí
chất bất bình đẳng (tính chất không cùng có lợi) làm v
dụ để chứng tỏ rõ sự hiện diện của chủ nghĩa đế quốc, t
điều đó lợi không bộc lộ rõ rệt trong các mối quan hệ
giữa các bạn hàng kinh tế thông thường. Ở đây cần phải
xét về chiều sâu mới thấy được, ví dụ như, sự ràng buộc
của bạn hàng tiêu dùng lớn đối với bạn hàng cung ứng nh
(gian hàng nhỏ) về các điều kiện mấu chốt như thế nào
"Tính chất đế quốc chủ nghĩa" - một thuộc tính nội t
của các hệ thống kinh tế và các quan hệ kinh tế khácnh
không phải bao giờ cũng tự bộc lộ, nhưng nó có khả năn
bộc lộ nếu như cộng đồng các bạn hàng kinh tế tạo ra kh
năng đó.

Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa hiển nhiên t
ra khả năng bộc lộ rất rộng rãi tính chất đế quốc ch
nghĩa.Không có gì đáng ngạc nhiên là cơ sở của phương th
ấy là tư bản và cạnh tranh. Virút "đế quốc chủ nghĩa"
trong chủ nghĩa tưbản đã có ngay từ ngày đầu tồn tại n
Nhưng khi đã xuất hiện những kẻ tư bản đủ sức tiến hà
thường xuyên một sự cạnh tranh có tính chất đế quốc c
nghĩa trên thực tế (không chỉ đơn thuần là một sự cạ
tranh tư bản chủ nghĩa), tức là một sự độc quyền, t

"tính chất đế quốc chủ nghĩa " lại càng bộc lộ rõ ràng hơn, điều đó không gây ra sự hoài nghi nào cả. Xét đến "tính chất đế quốc chủ nghĩa " quốc tế mà chủ nghĩa tư bản đã phát triển một cách rộng lớn và nhất quán thì thấy toàn bộ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong một giai đoạn phát triển nhất định của nó đã có sắc thái đế quốc chủ nghĩa rất rõ ràng.

Không có gì có thể bác bỏ "tính chất đế quốc chủ nghĩa" của chủ nghĩa tư bản. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa thật sự có tính chất đế quốc chủ nghĩa trong một (giai đoạn) phát triển lịch sử nhất định. Nhưng tính chất đó vẫn chưa có nghĩa xác định phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa nói chung, và thậm chí giai đoạn bộc lộ rõ rệt nhất "tính chất đế quốc chủ nghĩa" của nó, có thể gọi giai đoạn ấy là giai đoạn "đế quốc chủ nghĩa" là hợp quy luật. Chủ nghĩa tư bản mang tính chất đế quốc chủ nghĩa - đó là một việc, và tôi nhất trí với điều đó, còn chủ nghĩa đế quốc với tính cách là biểu hiện của toàn bộ phương thức sản xuất - hoàn toàn đó là việc khác, ở đây có một sự "gượng ép" ("không hiển nhiên") nào đấy.

Bây giờ hãy xem vấn đề khả năng nhận định chủ nghĩa tư bản hiện đại là chủ nghĩa đế quốc. Từ điều nói trên, suy ra rằng, đương nhiên tôi bác bỏ quan niệm như vậy, bởi vì, tôi cho rằng dùng thuật ngữ "chủ nghĩa đế quốc" để biểu thị phương thức sản xuất (những hình thức hay giai đoạn của nó) là không đúng. Đúng hơn là nên đặt vấn đề về tính chất đế quốc chủ nghĩa của chủ nghĩa tư bản hiện đại, tức là làm rõ xem chủ nghĩa tư bản vẫn đang ở trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa hay là nó đã (đang) qua giai đoạn đó ?

Hiển nhiên, chủ nghĩa tư bản ngày nay vẫn còn giữ nguyên những đặc điểm đế quốc chủ nghĩa, nhưng dưới dạng đã suy giảm đáng kể. Thời đại của chủ nghĩa đế quốc hoạt động công khai trắng trợn và mạnh mẽ đã qua rồi. Từ đó một vấn đề khá phức tạp đặt ra trước nhà lý luận là: "Tính chất đế quốc chủ nghĩa" vẫn có, nhưng không phải là tính chất đã có trước đây. Trong trường hợp như vậy, và chăng tính chất ấy đã có ý nghĩa để có thể nhận định chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc như trước đây. Tôi nghĩ: ngày nay tuy không phủ định những đặc tính đế quốc chủ nghĩa nhất định của chủ nghĩa tư bản, nhưng có lẽ đúng hơn là nên tập trung sự chú ý vào những đặc tính phi đế quốc chủ nghĩa đang phát triển tích cực và tự khẳng định của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Vì vậy, ngày nay nên nói về một giai đoạn (một hình thức) mới của chủ nghĩa tư bản đang thay thế giai đoạn đế quốc chủ nghĩa chứ không nên nói đến giai đoạn (hình thức) đế quốc chủ nghĩa của chủ nghĩa tư bản, một giai đoạn (hình thức) rõ ràng đã bị chính cuộc sống thực tế đang đặt vấn đề hoài nghi. Vậy muốn nói đến giai đoạn mới nào đây ?

Tôi có thể nêu ra giả thiết, tuy nhiên, giả thiết ấy không phải là trừu tượng (tự biên). Theo tôi, trong chủ nghĩa tư bản sau chiến tranh đã phát triển rất mạnh các cơ chế và quan hệ tổ chức tư bản và sản xuất một cách tự giác, không dùng bạo lực (có nghĩa là phi đế quốc chủ nghĩa), một sự tổ chức được đặc trưng bởi sự thỏa thuận, sự phối hợp, sự hiểu biết lẫn nhau. Ngày nay chúng ta thấy có rất ít những vụ dụng độ thô bạo, đấu tranh quyết liệt, độc tài khắc nghiệt, đàn áp trắng trợn, xâm chiếm thô bạo,...Tất nhiên, cho đến bây giờ, sự cạnh tranh vẫn sản sinh ra "tính chất đế quốc chủ nghĩa" thế này hay thế khác, và không nên đánh giá không đúng mức điều đó. Song

"tính chất phi đế quốc chủ nghĩa" cho phép khắc phục được chủ nghĩa tầm thường cũng như chủ nghĩa đế quốc nói chung đang phát triển (tăng lên). Tôi đề nghị hiểu tôi một cách đúng mực: tôi xa lạ với việc phác họa một bức tranh diễn viên nào đấy, nhưng tôi muốn lưu ý đến sự phát triển những nguyên tắc phi đế quốc chủ nghĩa trong sự tổ chức nền kinh tế và tổ chức xã hội một cách tự giác, nghĩa là lưu ý đến một sự phi đế quốc chủ nghĩa nhất định của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Và nếu như muốn cố xác định một trạng thái mới có tính chất lịch sử của chủ nghĩa tư bản, hiển nhiên là niện tại chủ nghĩa tư bản đang đi đến, chứ chưa phải đã đến trạng thái đó, thì tôi có thể xác định nó là trạng thái chủ nghĩa tư bản đã xã hội hóa. Kết luận này được khẳng định bởi xu hướng chung của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa là tiến đến xã hội hóa tư bản và sản xuất, làm gia tăng tính chất xã hội của tư bản và sản xuất - đó là một điều rất quan trọng và sự phát triển của lịch sử của chủ nghĩa tư bản phù hợp với lôgic biện chứng đã chứng tỏ điều đó: từ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh (luận đề) đến chủ nghĩa tư bản đế quốc chủ nghĩa (phản đề) rồi đến chủ nghĩa tư bản đã xã hội hóa(quy nạp, tổng hợp).

2. Tôi nghĩ rằng, câu trả lời đầu tiên, đã khẳng định được sự biến đổi về chất của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Tôi muốn giả định, có thể biểu thị đặc trưng chủ yếu của sự biến đổi đó là sự xã hội hóa. Cũng có thể phác họa ý nghĩa của những biến đổi về chất như vậy ở chỗ chủ nghĩa tư bản đã bước vào giai đoạn phát triển mới. Song, các quá trình biến đổi đụng chạm đến phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa diễn ra rất phức tạp và nhiều vẻ, đụng đến toàn bộ hệ thống phương thức sản xuất. Tôi thử tách riêng

những điểm cơ bản.

Một là, sự phát triển tính chất mới của lực lượng sản xuất. Ngày nay chúng ta đang chứng kiến sự biến đổi về chất, không đơn thuần là tuần tự, của lực lượng sản xuất công nghiệp (tức là sự thay thế một hình thức "nhỏ" này bằng một hình thức "nhỏ" khác trong phạm vi một hình thức "lớn" đang tồn tại, ví dụ như, một cái gì đây tương tự như việc chuyển sang sử dụng rộng rãi động cơ đốt trong và động cơ chạy điện vào đầu thế kỷ 20). Ở đây muốn nói đến bước ngoặt thật sự về chất của sự phát triển của lực lượng sản xuất công nghiệp. Lực lượng đó không đơn thuần được đổi mới cho phù hợp với những thành tựu mới của kỹ thuật mà nó có hẳn tính chất mới về chất, đó là tính chất phi công nghiệp (tức là diễn ra sự thay thế hình thái "lớn" này bằng một hình thái "lớn"khác, tuy vẫn thông qua sự thay thế lẫn nhau của các hình thái nhỏ). Đang xuất hiện thời đại của những lực lượng sản xuất công nghiệp mới (thời đại lực lượng sản xuất công nghiệp mới) mà vị trí trung tâm của nó bắt đầu thuộc về tế bào sáng tạo kỹ thuật - con người là "con người - compiuto". Sự xuất hiện và phát triển rộng rãi lực lượng sản xuất như vậy là kết quả khắc phục một số yếu tố công nghiệp nhất định trong lực lượng sản xuất. Đó là: giải phóng lao động khỏi sự ràng buộc của máy móc, tạo ra các cơ sở sản xuất "không có phân xưởng, nhà máy" (khắc phục " các đô thị - nhà máy", sử dụng các dây chuyền công nghệ tự điều chỉnh), giảm quy mô các đơn vị sản xuất, sử dụng rộng rãi hơn lao động tại nhà), giảm căn bản phế thải, giảm độ độc hại của sản xuất đối với sinh thái. Các lực lượng sản xuất công nghiệp mới đang tạo ra điều kiện để giải quyết mâu thuẫn giữa một bên là đại công nghiệp và một bên khác là

con người và tự nhiên, và để quá độ đến một nền văn minh công nghiệp mới theo kiểu mới.

Hai là, sự đẩy nhanh quá trình quốc tế hóa phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, làm cho nó mang một sắc thái mới - thế giới hóa không đơn thuần là sự quốc tế hóa, nghĩa là liên kết các bộ phận vào một chỉnh thể thống nhất hơn (từ không tương đồng đến tương đồng), mà là sự phát triển về chiều sâu của chỉnh thể ấy trong phạm vi tính toàn vẹn đã hình thành của thế giới (từ tính tương đồng bộc lộ rõ hơn). Trong mọi trường hợp đều không thể xem thế giới hóa như là quá trình tạo ra chủ nghĩa tư bản thế giới đã mất hết đặc tính dân tộc (quốc gia, khu vực), chủ nghĩa tư bản thế giới trong tương lai vẫn sẽ còn nhiều vẻ về tính chất dân tộc (khu vực), thế giới hóa có nghĩa là sự tiến đến cái chỉnh thể liên kết, chứ không phải tiến đến cái chỉnh thể đồng nhất (thống nhất, đồng tâm). Xin lưu ý rằng, thế giới hóa cũng giống như bước ngoặt về công nghệ đều đáp ứng những nhu cầu của nền văn minh theo kiểu mới.

Ba là, hệ thống kinh tế thị trường - cạnh tranh TBCN đã vươn lên một trình độ tổ chức mới của nó, trong đó có một trình độ mới về tương quan giữa sự tự tổ [illegible], tự điều chỉnh một cách tự phát và sự tổ chức (điều chỉnh) tư bản và sản xuất một cách tự giác. Thời kỳ cạnh tranh tự do và thị trường được tổ chức tự do (có điều chỉnh qui tắc của "sự tự do" ấy), đã đi vào dĩ vãng từ lâu rồi và không có triệu chứng gì là sẽ trở lại với sự thống trị của cạnh tranh và thị trường. Bây giờ chúng tôi xin lưu ý rằng, cũng đã qua rồi cái thời kỳ tổ chức sự cạnh tranh và thị trường một cách tự giác, có dùng bạo lực (cưỡng chế từ phương

điện của các tổ chức độc quyền và Nhà nước), để thông qua đó mà tổ chức tư bản và sản xuất. Sự thống trị của các tổ chức độc quyền và của Nhà nước đối với sự cạnh tranh và thị trường ngày nay không còn thích hợp nữa, cũng giống như một lúc nào đó (đã có lúc) sự thống trị của cạnh tranh và thị trường đối với tư bản và sản xuất đã không còn thích hợp nữa. Ngày nay nên nói về nền kinh tế tư bản chủ nghĩa tự do có tổ chức (không đơn thuần là đang được tổ chức, mà chính là đã có tổ chức). Trong một sự tổ chức tự do như vậy không có những nguyên tắc thống trị, tuy trong hệ thống tổ chức ấy chúng ta vẫn thấy có cả sự cạnh tranh và thị trường, có cả sự điều chỉnh đa dạng (linh hoạt), trong đó có tác động có tính chất độc quyền và tác động có tính chất phi độc quyền, có tác động của nhà nước và tác động không phải của nhà nước. Như chúng ta thấy, đang diễn ra sự trở lại với sự tự do, nhưng tự do ấy bao hàm trong nó một sự điều chỉnh. Thực ra, đó là một sự tổng hòa biện chứng của tự do và không tự do. Kết quả là sự quá độ đến một cơ chế kinh tế thị trường - có cạnh tranh, được tự tổ chức (kết hợp với một sự điều chỉnh!). Trong cơ chế như vậy có cả mọi cái, nhưng không có ưu thế trội (có tính chất độc quyền) của bất cứ cái nào cả: không của cạnh tranh, không của độc quyền, không của nhà nước. Tất nhiên, kết luận của chúng tôi có tính chất dự báo, kết luận đó đòi hỏi phải suy xét thêm và chứng minh, nhưng ngày nay mà xem thường nó và chăng là hợp lý.

Bốn là, sự xã hội hóa tư bản và lao động, mà kết quả là phát triển hệ thống liên kết "tư bản - lao động". Hiện nay chúng ta đang thấy diễn ra không những sự biến mất kết cấu nguyên tử trong sự tổ chức xã hội của tư bản và

lao động, mà còn cả sự khắc phục tính chất cá nhân, "tính chất tư nhân" của chúng. "Sự kinh doanh làm giàu tư nhân" hiển nhiên vẫn đang tồn tại, nhưng giống như ảo tưởng hơn là giống hiện thực ; còn nếu giống như hiện thực thì hiện thực đó cũng rất hạn chế và khác hơn nhiều. Phải chăng ngày nay còn có một tư bản tự nó xuất hiện và hoạt động mà nó lại không phải là một yếu tố của hệ thống tư bản xã hội ? Và chăng là như vậy được sao ? Mọi điều vừa nói cũng liên quan đến lao động, một sự lao động từ lâu đã không còn là "một đơn vị" cá biệt nữa, mà đã thuộc hệ thống lao động xã hội.

Nhưng, có lẽ, cái thú vị nhất không phải ở tính chất xã hội" của tư bản và lao động, mà ở sự tồn tại của chúng với nhau, và theo tôi, sự tồn tại ấy có tính chất liên kết. Sự thống nhất của tư bản và lao động được thực hiện trong khuôn khổ hệ thống "tư bản - lao động" đã thay thế sự đối lập trực diện giữa tư bản và lao động với nhau. Và chăng, chưa tới lúc chúng ta xem cả hai hiện tượng đó không thuần túy tác động lẫn nhau, mà còn hòa nhập vào nhau ? Chúng ta vốn đã quen cho rằng, tư sản thuê lao động, nhưng có thể điều đó không hẳn như vậy - một mặt là lao động thuê lao động (người quản lý thuê công nhân), còn mặt khác thì lao động lại thuê... tư bản (công đoàn xác định không những các điều kiện sử dụng sức lao động, mà cả việc sử dụng tư bản). Ngày nay, mọi cái không hẳn giản đơn như vậy. Liệu các quan hệ đối thoại - thù địch giữa tư bản và lao động có được thay bằng quan hệ đối thoại - thỏa thuận hay không. Liệu hệ thống liên kết "tư bản - lao động" về mặt xã hội, một mặt vừa thay thế tư bản, mặt khác vừa thay thế lao động, được hay không ?

3. Khi trả lời câu hỏi này, tôi muốn nói ngay - sự cạnh tranh. Vậy còn gì nữa ? Cái gì còn đang có thể buộc con người hoàn thiện lực lượng (sức) sản xuất một cách lành mạnh như thế. Dĩ nhiên, không chỉ là sực cạnh tranh đúng nghĩa của nó , mà còn cả các bạn hàng của sự cạnh tranh ấy là các nhà kinh doanh, tức là những người cổ vũ, vừa là người tổ chức, vừa là "người làm công" cạnh tranh. Và cả tư bản nữa, tư bản đó đòi phải tự tăng lên không ngừng, thúc đẩy cạnh tranh tiến triển, dẫn tới (định hướng) và quy định sự cạnh tranh về mặt vật chất (T - T'). Nhưng nếu nói gọn hơn thì đó là sự cạnh tranh. Đó là động lực của sự tiến bộ, là cái chủ yếu sáng tạo sự tiến bộ .

Thực tế là như vậy, và không cần tranh cãi về thực tế đó. Những phương thức sản xuất trước CNTB đã và đều không phải là những phương thức sản xuất cạnh tranh , và không một phương thức sảnxuất nào trong số đó đã tạo ra những kết quả to lớn như thế. Cạnh tranh và tiến bộ kỹ thuật luôn luôn không bị hạn chế bởi bất cứ cái gì về mặt xã hội, văn hóa và đạo lý đã gắn bó mật thiết với nhau.

Cũng có thể nói về sự phát triển kinh tế nói chung giống hệt như vậy. Và ở đây cạnh tranh cũng đóng vai trò chủ yếu. Chính là nhờ có cạnh tranh mà CNTB đã đạt được sự tăng trưởng kinh tế không ngừng, tuy vẫn bị ngừng trệ bởi các cuộc khủng hoảng và suy thoái . Vấn đề tiêu dùng ở các nước TBCN phát triển đã được giải quyết, xét dưới góc độ khả năng thỏa mãn những nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Từ một xã hội hướng tới việc thỏa mãn nhu cầu thiết thân (những nhu cầu "hiện vật"), CNTB đang quá độ đến một

một xã hội hướng tới sự thỏa mãn những nhu cầu lúc nhàn rỗi (hiện tại chúng tôi chưa nói về sự tồn tại dưới CNTB sự bất công về mặt xã hội và vật chất, về mức độ không ngang nhau của các tầng lớp dân cư khác nhau trong khả năng được hưởng những của cải hiện có - đó là một vấn đề đặc biệt hoàn toàn không bị xóa đi bởi tiến bộ kỹ thuật và tiến độ kinh tế nói chung).

Đánh giá sự cạnh tranh có vai trò to lớn như vậy, dù sao đi nữa chúng ta cũng không nên lãng quên những yếu tố khác của sự phát triển kinh tế - kỹ thuật mà CNTB đã trải qua. Sự cạnh tranh đã được phát triển trong một tình hình văn hóa nhất định do thời kỳ phục hưng mới tạo ra. Tình hình đó càng trở nên thuận lợi cho sự tiến bộ kỹ thuật, và cho tiến bộ kinh tế diễn ra cùng với tiến bộ kỹ thuật đó. Thời kỳ phục hưng đã thúc đẩy sự hiếu học và tính sáng tạo của con người là những yếu tố cần thiết cho sự phát triển kỹ thuật không ngừng, cùng lúc đó nó đã xóa bỏ những điều cấm đoán việc nghiên cứu và cải tạo tự nhiên đã tồn tại trong thời đại trước đây. Cạnh tranh về kinh tế đã được kết hợp với "cạnh tranh" về nghiên cứu, điều đó không thể không tạo ra những kết quả rõ rệt.

Chúng ta cũng không quên rằng, CNTB đang ràng buộc... thế giới phi tư bản chủ nghĩa bằng sự phồn thịnh về kinh tế - kỹ thuật của nó. Sự không có cạnh tranh của thế giới đã cho phép CNTB cạnh tranh hút hết sinh lực sống của thế giới không có cạnh tranh. Lưu ý đến điều đó, chúng tôi hoàn toàn không muốn hạ thấp ý nghĩa của chính sự tổ chức TBCN đối với sự phát triển kinh tế - kỹ thuật, mà trái lại, chúng tôi muốn nhấn mạnh sức mạnh của sự tổ chức ấy. Sự cạnh tranh đã có thể huy động tiềm năng sản

xuất thực tế là của toàn bộ hành tinh chúng ta.

Khi đánh giá sự cạnh tranh có ý nghĩa quyết định, chúng ta không thể bỏ qua yếu tố thực hiện sự cạnh tranh, tức là không thể bỏ qua việc tổ chức sự cạnh tranh. "Người mộ" trước sự cạnh tranh, chúng ta nhất thiết phải đánh giá đúng mức việc tổ chức sự cạnh tranh một cách tự giác mà CNTB hiện đại đang cho thấy. Có đủ mọi căn cứ để đặt câu hỏi : Vậy hiện nay cái nào quan trọng hơn - sự cạnh tranh đúng nghĩa của nó hay là sự tổ chức cạnh tranh một cách không cạnh tranh ? Tất nhiên, chúng ta trả lời rất khác nhau, bởi vì chúng ta chưa tìm ra lời giải " cuối cùng". Dù sao đi nữa, một người quan sát thông minh và không nên thiên về trường phái khoa học này hay trường phái khoa học khác, có lẽ, cũng đủ sức đưa ra câu trả lời thỏa đáng : cả cái này lẫn cái kia đều quan trọng ! Đối với chúng tôi cái đó có ý nghĩa là công lao của sự tiến bộ kỹ thuật và tiến bộ kinh tế không chỉ thuộc riêng về sự cạnh tranh đúng nghĩa của nó ; sự cạnh tranh tự phân chia nó với... sự không cạnh tranh.

Kết luận này đặc biệt quan trọng, bởi lẽ, ngày nay trong thời đại sinh thái học - chỉ đặt hy vọng vào sự cạnh tranh không thôi là rất và cực kỳ nguy hiểm. Đã không còn có một sự cạnh tranh đơn thuần thiếu sự điều chỉnh. Ý nghĩa của sự điều chỉnh, tức là của sự tổ chức một cách tự giác, đang tăng lên không ngừng. Đó là mệnh lệnh của thời đại.

4. Kinh nghiệm của CNTB có thể rất bổ ích đối với nền kinh doanh XHCN, nhưng cần có mức độ tiếp nhận nó trên cơ sở XHCN. Một sự việc là kinh nghiệm tổ chức hợp lý

nền kinh tế, hơn nữa là một nền kinh tế hàng hóa (có sự trao đổi phải trả giá, có hệ thống buôn bán và hệ thống tiền tệ, có tín dụng). Ở đây có cái gì đấy phải học ở chủ nghĩa tư bản. Một việc khác là việc chuyển sang sở hữu tư nhân và kinh doanh có cạnh tranh. Ít ra có thể xem việc đó là sự bổ sung còn nhiều thì coi nó là sự thay thếkinh doanh xã hội chủ nghĩa bằng sự kinh doanh tư sản.Sự tiếp thu kinh nghiệm như vậy không thích hợp với một nước xã hội chủ nghĩa, dù cho nước đó đang lâm vào cuộc khủng hoảng hệ thống kinh tế xã hội của mình. Cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội (hình thức lịch sử hiện nay của nó là chủ nghĩa xã hội hành chính) cần phải thôi thúc chúng ta cải tạo và phát triển nó, chứ không phải là phủ định và hạn chế nó.

Theo tôi, ở đất nước chúng ta không thể thay thế chủ nghĩa xã hội bằng chủ nghĩa tư bản được, do một số điểm quan trọng sau đây :

Một là, nói chung không phù hợp với sự tiến bộ của lịch sử, một sự tiến bộ đã rõ ràng hướng tới phương án xã hội chủ nghĩa.

Hai là, bản chất xã hội chủ nghĩa của xã hội đang tồn tại ở Liên Xô, lòng trung thành của đại đa số nhân dân lao động đối với những mục tiêu và thực tiễn của chủ nghĩa xã hội.

Ba là, nền sản xuất đại công nghiệp lâu nay đã loại bỏ sự tổ chức cạnh tranh - thị trường đúng mực, hiện đang đòi hỏi một sự tổ chức đa dạng một cách tự giác, phải được cải tạo về mặt kinh tế.

Bốn là, chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô có một nền công nghiệp nặng. Như mọi người đều biết, nền công nghiệp đó không phải là điểm xuất phát, mà là kết quả phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa (điều đó có nghĩa là chúng ta cần phải chuyển sang phương thức tư bản chủ nghĩa những ngành mà ở đó chủ nghĩa tư bản chưa khởi đầu phát triển, chứ không phải là chuyển nền công nghiệp nặng sang những nguyên tắc kinh doanh tư sản; chúng ta cũng không thể chuyển nền công nghiệp nhẹ sang những nguyên tắc đó được).

Năm là, sự mất cân đối về mặt cơ sở hạ tầng của nền kinh tế Liên Xô, sự kém phát triển rất lớn của nhiều ngành và khu vực của nền kinh tế quốc dân, sự trống rỗng trong cung và không thỏa mãn được cầu một cách nghiêm trọng (mọi nền kinh doanh kiểu cạnh tranh - thị trường, một mặt, dẫn đến sự gia tăng giả cả "một cách dữ dội" và tình trạng vô chính phủ; mặt khác, làm cho các bạn hàng kinh doanh không những đều muốn cạnh tranh với nhau là bão hòa cầu, mà còn muốn xác lập sự độc quyền và duy trì sự cầu chưa được bão hòa đang có lợi cho họ; nói chung cần thấy rằng, một sự tổ chức cạnh tranh - thị trường không một hai gì cả, đều cần có trong sự cân đối chung của nền kinh tế - sự cạnh tranh và thị trường chỉ hoạt động có hiệu quả khi có một sự cầu được bão hòa, và ở một mức độ nhất định đã quá bão hòa).

Sáu là, sự xung khắc có tính nguyên tắc của sự tổ chức cạnh tranh - thị trường với tự nhiên (với sự có hạn về các nguồn tài nguyên và tính dễ bị tổn hại về mặt kinh tế của môi trường xung quanh, sự cạnh tranh và phấn đấu vì lợi nhuận đang tỏ ra không phải là những phương pháp kinh doanh tốt nhất).

Bảy là, nền kinh tế XHCN hiện nay đang lâm vào cuộc khủng hoảng kéo dài có tính chất toàn cầu, vẫn chưa sẵn sàng chấp nhận sự cạnh tranh với phương Tây đã chuyển sang con đường phát triển công nghiệp mới.

Tám là, sự hình thành một nền kinh tế thị trường - có cạnh tranh một cách có hiệu quả đòi hỏi phải có thời gian khá lâu dài (chúng ta vẫn chưa quên rằng, CNTB đã trở thành một hệ thống kinh tế "có sức hấp dẫn" như thế chỉ mới vào nửa sau của thế kỷ 20 sau khi đã trải qua một con đường dài 500 năm nếu như tính từ lúc CNTB mới ra đời).

Chín là, sự phát triển của các mâu thuẫn xã hội và kinh tế hết sức đa dạng, sức ép của hàng hóa, tiền tệ và tư bản đối với con người, tình trạng hỗn loạn to lớn trong kinh doanh cạnh tranh - thị trường, đặc biệt là nếu như tính đến việc xã hội và nền kinh tế của chúng ta chưa được chuẩn bị tiếp nhận một hệ thống hoạt động sống hoàn toàn khác, cả về mặt lý tưởng (quan niệm) và hiện thực (xin nhắc lại những gì mà các dân tộc trải qua CNTB đã phải gánh chịu - từ nghèo khổ và thất nghiệp cho đến bần cùng và phá sản, từ những xung đột xã hội có tính cục bộ đến đấu tranh giai cấp có quy mô rộng lớn.

Mười là, sự cần thiết có một sự phân chia xã hội mới về mặt kinh tế - xã hội, một mặt, thành những chủ sở hữu tư nhân, các nhà kinh doanh và các nhà quản lý của họ, và mặt khác, thành những người không có một chút sở hữu nào cả (ngoài sở hữu sức lao động); phải chăng sự phân chia như vậy có thể diễn ra lành mạnh (không có hỗn loạn), phải chăng sự việc đó không chất đầy những cuộc

xung đột (mâu thuẫn) xã hội hết sức gay gắt, phải chăng việc đó là vô hại và nên có qua 70 năm tồn tại của chế độ XHCN ; và cuối cùng, phải chăng nói chung sẽ có thể thực hiện được - thực hiện được thành công - sự việc đó , mà không gây ra sự phản kháng bền bỉ và thậm chí là quyết liệt của những người lao động ?

Từ điều nói trên thấy rõ rằng, mọi cái đều không phải giản đơn như vậy. Khi vay mượn ở CNTB một cái gì đấy, đi vào hợp tác với nó, chúng ta không nên đặt cho mình mục tiêu chuyển ngay cái chế độ TBCN, ngay cả sự tổ chức kinh doanh của nó, sang cái nền tảng của chúng ta. Và sự việc ở đây không phải là ở CNTB theo đúng nghĩa của nó mà là ở chỗ sự quá độ đến CNTB đòi hỏi phải hủy xã hội (nền văn minh) đang có và xây dựng một xã hội (một nền văn minh) mới về nguyên tắc; vả chăng điều đó lại không phải trả giá bằng thảm họa vô cùng lớn lao, hoàn toàn có thể so được với thảm họa mà đất nước chúng ta đã buộc phải trải qua trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vậchăng là cần có thảm họa như vậy ?

Người ta có thể phản đối tôi : Chính vì không một ai có ý định chuyển đến một hệ thống cạnh tranh - thị trường tự do như vậy, ngày nay không thể có một hệ thống như vậy, chỉ có thể có một hệ thống được điều chỉnh, mà đứng ra, xã hội chúng ta có thể chuyển sang hệ thống đó. Nhân đây, tôi cũng muốn phản đối: không thể chuyển đến một nền kinh tế thị trường - có cạnh tranh kiểu tư sản được điều tiết, mà không tạo cho sự cạnh tranh và thị trường khả năng tự khẳng định chúng một cách ngang bằng nhau rồi sau đó mới điều chỉnh chúng. Khi học ở CNTB, chúng ta cần xuất phát từ sự cần thiết phải tìm tòi những giải

pháp có tínhchất xã hội chủ nghĩa và bảo vệ CNXH.

Chúng ta hãy chú ý không những tới sự cạnh tranh (một sự cạnh tranh, đúng là, trong mọi trường hợp đều làm bộc lộ nó dưới dạng thi đua kinh tế và khả năng lựachọn hàng nóa), mà đến cả cơ chế điều chỉnh sự cạnh tranh, không những đến nguyên tắc tư bản chủ nghĩa vốn có, mà đến cả nguyên tắc xã hội chủ nghĩa được phát triển dưới CNTB . Chúng ta hãy học tập ở CNTB cái xã hội chủ nghĩa đó.

5. Vả chăng, ngày nay có người nào đó còn hoài nghi tính chất chỉnh thể của thế giới hành tinh, hoài nghi tính chất phụ thuộc lẫn nhau về mặt sinh thái của tất cả những bộ phận hợp thành thế giới đó. Tính chất chỉnh thể và phụ thuộc lẫn nhau không những là các thuộc tính của hiện thực, mà còn là thành quả nhận thức (ý thức) của con người.

Mọi hệ thống văn hóa - xã hội, cũng như tương ứng là mọi hệ thống kinh tế, đang tồn tại trong thế giới hiện đại, đều nhất thiết phải được tính đến tính chất chỉnh thể của nó và tính chất phụ thuộc lẫn nhau của các yếu tố hợp thành nó, cũng giống như mọi hệ thống đều cần phải tính đến sự muôn hình muôn vẻ của thế giới về văn hóa - xã hội và kinh tế. Từ đó hệ quả là: sự hiểu biết lẫn nhau, sự nhất trí và sự hợp tác với nhau . Sự cạnh tranh của các hệ thống (chính là sự cạnh tranh,chứ không phải là sự thi đua) ngày nay không thể dung hợp được.Thế giới, - chúng ta biết rất rõ điều này, - là có hạn, các nguồn tài nguyên cũng có hạn, giới tự nhiên (chủ yếu là thế giới hữu cơ) về toàn cục dễ bị tổn hại. Nên nếu như

sự cạnh tranh đã là không thể dung hợp được thì còn nói gì tới chiến tranh công khai nữa.

Sự cùng tồn tại hòa bình là một khẩu hiệu tuyệt vời, nhưng vẫn chưa đủ. Cần có sự phối hợp hành động cùng một hướng. Ngày nay, hơn bất cứ lúc nào trước đây, cần phải cùng nhau giải quyết các vấn đề toàn cầu. Cuộc sống và nền kinh tế (kinh doanh) là những hiện tượng của hành tinh và thậm chí là của vũ trụ. Kinh doanh có tính chất khu vực là có thể và cần thiết, nhưng chỉ kinh doanh có tính chất khu vực là không thể được. Tiến trình của tiến bộ khoa học kỹ thuật, sự khởi đầu của một nền công nghiệp mới, khả năng của một nền văn minh kiểu mới đều đang khẳng định điều đó.

Tôi nghĩ rằng, đã tới lúc xóa bỏ triệt để khẩu hiệu cách mạng XHCN thế giới. Bởi lẽ, khẩu hiệu đó hoàn toàn không hiện thực, và bởi vì nó cản trở sự hiểu biết lẫn nhau và sự hợp tác toàn thế giới. Việc xóa bỏ khẩu hiệu đó không có nghĩa là tư tưởng chủ nghĩa xã hội, nói đúng hơn là tư tưởng của tương lai xã hội chủ nghĩa mai sau của nhân loại, là không đúng. Hoàn toàn không như thế. Thời đại ngày nay đúng là đang khẳng định tính đúng đắn của tư tưởng đó. Nhưng sự vận động của thế giới lên CNXH cần phải là sự vận động. Nói cách khác, CNXH phải là kết quả của sự phát triển tự nhiên về văn hóa - xã hội và kinh tế của nhân loại. Thực tiễn cưỡng ép nhân loại đi vào CNXH đã sai lầm ; chúng ta biết rõ điều đó bằng thực tế lịch sử riêng có của mình cách đây không lâu, đúng là cuộc khủng hoảng hiện nay của CNXH, nếu suy xét về chiều sâu, chính là do sự cưỡng ép đó sản sinh ra.

Khi nói về CNTB và CNXH như là những hiện tượng thực

tế của thời đại ngày nay; theo quan điểm của tôi, một mặt, cần xuất phát từ con đường độc đáo của mỗi chủ nghĩa đó, và mặt khác, cần thấy rằng chúng không thể phát triển một cách biệt lập, không một chủ nghĩa nào dựa vào chủ nghĩa khác mà có thể phát triển lên chủ nghĩa kia. Đúng hơn, có thể xác định sự cùng tồn tại của CNXH và CNTB với nhau như là "sự cùng biến đổi" tức là sự biến đổi phụ thuộc lẫn nhau trong sự tôn trọng tính độc lập của các phương án biến đổi . Tôi thiết nghĩ rằng, cả CNTB lẫn CNXH đều sẽ đi theo con đường XHCN, bởi vì mọi con đường khác đều dẫn nhân loại đi vào đường hầm không lối thoát (chỉ có thể đạt được lĩnh vực mới, hiệu quả mới thông qua sự nhất trí, chứ không phải qua sự dậm chân tại chỗ, thông qua sự tự chuyển biến, chứ không phải qua sự cưỡng ép, nghĩa là qua cái mà lý tưởng xã hội chủ nghĩa đã giả định).Nhưng khi nhận định như vậy, tôi muốn nói rằng, CNTB và CNXH sẽ không đơn thuần đi theo một con đường XHCN, mà là sẽ đi theo <u>nhiều con đường XHCN</u>,và đều tiến đến một sự đa dạng, chứ không phải nhất dạng xã hội chủ nghĩa.

Nền kinh tế toàn thế giới - không phải là một ảo tưởng, mà là hiện thực, tuy nó vẫn chưa được thể hiện ở mức độ chín mùi nhất (nền kinh tế toàn thế giới có rất nhiều tiềm năng phát triển, thực tế đó không những của ngày hôm nay, mà của cả ngày mai). Dĩ nhiên, hiện tại nền kinh tế toàn thế giới mới chỉ thai nghén, nó hình thành từ những bộ phận khá độc lập nhau, nhưng sự độc lập đó chỉ là từng phần và không hàm chứa tính không đồng nhất (đồng loại) về mặt xã hội ở mức độ quyết định. Đúng ra , nó là hậu quả của sự chưa phát triển đầy đủ nói chung của thế giới. Xuất phát từ tư tưởng (quan niệm) nền kinh tế

toàn thế giới, cần thiết phải phát triển nó theo hướng nào có lợi hơn cho con người ngày hôm nay, hơn là coi thường quan niệm đó. Đó là bảo đảm sự tiến bộ của nhân loại.

Các mối quan hệ kinh tế cùng có lợi giữa hệ thống tư bản chủ nghĩa và hệ thống xã hội chủ nghĩa chẳng những là có thể có, mà các quan hệ đó đã có. Chính là cần phải phát triển những quan hệ đó. Ở đây không thể có sự cạnh tranh giả định trước những kết cục khác nhau, trong đó có giả định sự thất bại của một số các bên. Mọi người - cả ở đây và cả ở bên kia - đều phải hình dung cho rõ điều đó. Đã tới lúc mọi người phải hiểu rằng, sự cùng có lợi - không còn là một câu nói, mà là một nhu cầu thực sự không những của các bên với nhau, mà của toàn thế giới.

Cơ chế quan hệ kinh tế qua lại của các bạn hàng tư bản chủ nghĩa và bạn hàng xã hội chủ nghĩa với nhau cần phải dựa trên sự trao đổi hàng hóa được tổ chức một cách tự giác. Không thể có được tính chất hiện vật và tính tự phát một cách tự do. Ngoài ra, các thỏa thuận và dự án quốc tế, sự phối hợp hành động trên toàn thế giới cần phải đóng vai trò quan trọng. Thiếu sự tổ chức thống nhất, nền kinh tế toàn thế giới không thể tạo ra được một nền văn minh Noosfec (và thêm một luận cứ nữa có lợi cho tương lai xã hội chủ nghĩa của hành tinh).

X

- Erico Panteleimorovich Pletnhep, giáo sư, tiến sĩ kinh tế, chủ nhiệm bộ môn kinh tế chính trị của Viện Khoa học xã hội trực thuộc Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Liên Xô.

1-2. Trước hết, tôi không thể không ghi nhận kỳ công trí tuệ vĩ đại của C.Mác,- Người đã nêu bật toàn bộ hình thái kinh tế - xã hội hiện tại và về mặt lý luận, đã đi sâu vào phân tích cơ chế thay đổi sẽ diễn ra trong hình thái xã hội cao hơn.

Về sau, học thuyết của Lê-nin, một "thu hoạch" thiên tài những kết luận của C.Mác, đã nêu lên đặc trưng "mới nhất" của chủ nghĩa tư bản với tư cách là chủ nghĩa tư bản độc quyền, chủ nghĩa tư bản đế quốc. Đến nay, tôi khẳng định rằng, nhìn chung không có một kết luận nào về đặc tính của chủ nghĩa tư bản lại có sức thuyết phục như Lê-nin đã đưa ra. Đồng thời, tôi cũng tin rằng, không có một dấu hiệu kinh tế nào mà Lê-nin nghiên cứu về giai đoạn của chủ nghĩa tư bản lại không có ý nghĩa.

Cuộc sống sung túc sẽ tạo ra tất cả những bằng chứng mới và những cái mới về sự tăng lên của tích tụ tư bản và độc quyền hóa sản xuất tư bản chủ nghĩa; quyền bá chủ của tư bản tài chính, về sự tăng xuất khẩu tư bản và củng cố các liên minh tư bản quốc tế, về sự phân chia về kinh tế phần thế giới phi xã hội chủ nghĩa, sự phân phối chính trị và phân bố lại phạm vi ảnh hưởng.

Tập trung độc quyền sẽ kéo theo việc mở rộng các hãng nhỏ (đặc biệt là các hãng "mạo hiểm"). Tư bản tài chính trá hình bằng việc phát hành hàng loạt cổ phiếu trong

những người sở hữu - người lao động và các "Viện tài chính mới", để xuất khẩu tư bản tiến hành dưới dạng "tài trợ" nước ngoài, còn sự cưỡng ép về kinh tế và chính trị ở nước ngoài thể hiện trong sự bành trướng công nghệ và thông tin - dù thế nào chăng nữa, bản chất đế quốc chủ nghĩa của sự cưỡng ép vẫn bị phát hiện, bị vạch trần.

Hiện nay, một số tác giả cố gắng hết sức " ngay lập tức trừng trị, học thuyết của Lê-nin về chủ nghĩa tư bản độc quyền và không muốn sử dụng bản thân thuật ngữ "chủ nghĩa đế quốc".

Song khái niệm này/đã được sử dụng một cách khoa học, tuyệt nhiên không chỉ có Lê-nin. Hàng chục, hàng trăm tác phẩm của chính các nhà nghiên cứu khác nhau về Đảng tích nghiên cứu những vấn đề của chủ nghĩa đế quốc vào năm giao thời giữa hai thế kỷ XIX và XX đã được công bố, trong đó, tác phẩm chủ yếu của giáo sư thuộc trường phái tự do chủ nghĩa ở Anh Z.Hobxơn :"Chủ nghĩa đế quốc"(năm 1902) được Lê-nin đánh giá rất cao. Ông cho rằng , các nhà bác học tư sản đã mô tả rất đắt và tỉ mỉ, hàm súc những đặc tính kinh tế cơ bản của chủ nghĩa đế quốc.

Tôi nhớ lại, sau đó, rất nhiều những dấu hiệu của xã hội tư sản ở thế kỷ XX đã bị những kẻ chống đối chủ nghĩa Lê-nin đưa ra như chủ nghĩa tư bản "dân chủ";Nhân dân" "có điều tiết" .v.v.cũng như "Xã hội thịnh vượng phổ cập", "Xã hội vĩ đại" và thậm chí cả "chủ nghĩa xã hội về hưu". Tất cả những người ủng hộ cho kinh doanh tư nhân đã bị bác bỏ, do sự phiến diện một chiều,do sự"quá tải" về tư tưởng và sự biện hộ công khai.

Đúng, chủ nghĩa tư bản hiện đại, như đã ghi trong cương lĩnh của Đảng cộng sản Liên Xô khác rất nhiều so với chủ nghĩa tư bản ở đầu và thậm chí ở giữa thế kỷ XX. Một số nhà kinh tế ở đây đã vội công bố hình thức độc quyền của xã hội hóa sản xuất tư bản chủ nghĩa là bản chất phù hợp với xã hội tư sản, hơn là "linh hồn" thực sự của nó - là cạnh tranh; Ở đây, bản thân (chính) giai đoạn cạnh tranh tự do được gọi là giai đoạn quá độ ban đầu sang chủ nghĩa tư bản "hiện tại". Nếu không có phương pháp tư duy lịch sử và niềm khát vọng bằng mọi phương tiện (thậm chí cả những đấu pháp ngoài khoa học trong kết luận của Mác) như Lê-nin nhận định tôi cho rằng, nó sẽ làm lu mờ khả năng nhìn nhận hoạt động thực tế về CNTB . Tuy nhiên chắc chắn là : Cơ cấu phát triển khách quan của các quá trình kinh tế trong thế kỷ XX đòi hỏi không đơn thuần phải đổi mới những đánh giá, nhận định của Lê-nin, mà còn trong trường hợp cần thiết , cả những thay đổi các phạm trù đang đặt ra đối với thực tế đang biến đổi rất nhanh.

Bắt đầu từ chỗ, những kết luận của Lê-nin về chủ nghĩa tư bản độc quyền và khuynh hướng đối lập trên cơ sở của nó trong chính sách đối nội cũng như sự xâm lược trong chính sách đối ngoại, Được hình thành nhờ sự phân tích giai đoạn lịch sử nhất định của chủ nghĩa tư bản độc quyền, khi nó chưa vượt khỏi phạm vi từng ngành sản xuất và có đại diện trong từng ngành sản xuất; các xanhdica, Tơ rớt và Các ten (Các ten "thép"; Các ten"gương soi", Xanh-đi-ca "thuốc súng" hay "kim cương", Tơ rớt "Cao su", .v.v.).Các liên hiệp này chiếm đến 100% sản xuất và tiêu thụ trong ngành "của mình". Ví dụ , Lê-nin đã chỉ ra rằng, độc quyền tư bản chủ nghĩa trong từng

ngành được thực hiện như thế nào trong chiến lược thị trường của các chủ xưởng nắm độc quyền sản xuất hòm kính ở Mỹ. Trước tiên, là sự phá vỡ trạng thái thị trường ổn định - nhằm tăng sức ép độc quyền đối với người tiêu dùng. Để làm được điều đó, phải tạo ra trên thị trường một sự khiếm hụt nhân tạo đối với sản phẩm cần thiết. Điều đó cho phép các nhà độc quyền nâng giá và lợi nhuận, dầu sao đi nữa cũng ngăn cản việc áp dụng kỹ thuật mới tránh nâng cao chất lượng sản phẩm và thậm chí tăng các chi phí. Nhưng dưới chủ nghĩa tư bản, sự độc quyền tuyệt đối là không có khả năng. Cạnh tranh sớm hay muộn buộc phải chuyển sang áp dụng những cái mới về kỹ thuật, điều đó làm giảm giá thành nhiều lần... Như vậy, lợi nhuận sẽ tăng vượt cả khi giá cả hạ.

Là người biện chứng thực sự, Lê-nin không tuyệt đối hóa nguyên tắc độc quyền trong nhận định, đánh giá chủ nghĩa tư bản, khi vạch trần sự đan kết, "giáp nối" của độc quyền với cạnh tranh, đầy rẫy những xung đột sâu sắc và những mâu thuẫn trầm trọng. Tuy nhiên, ngay cả Lê-nin cũng không thể nhìn thấy trước các quá trình thực tế đi kèm với sự biến đổi sâu sắc trong lòng chủ nghĩa tư bản trong thế kỷ XX. Ở đây, muốn đề cập đến lối thoát của tư bản độc quyền (đã thực hiện trong những năm 20 ở Mỹ, 40 ở Nhật và 50 ở Tây Âu) khỏi phạm vi xã hội hóa sản xuất theo từng ngành và tiêu thụ; muốn đề cập đến tác nhân kích thích mới, sự chuyển giao tư bản giữa các ngành và đến sự hình thành các công-xoóc-xi-om với tư cách là hình thức thống trị mới điển hình của tư bản. Các công ty đa ngành được phát triển dưới dạng hai cấu trúc : 1) các liên hợp, liên hiệp những xí nghiệp gắn bó nhau về công nghệ trước đây trong các ngành khác nhau.

2) Các liên hiệp, liên hợp không hoàn toàn gắn bó nhau trong các chu kỳ công nghệ sản xuất nhưng lại thống nhất các nguồn tài trợ.

Trước mắt đối với các liên hợp, liên hiệp này không đơn thuần là hình thức hoạt động mới của tư bản độc quyền mà là hình thức hoạt động mới về chất - rõ ràng là đầu sỏ - cơ cấu của toàn bộ nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Chính tư tưởng trước đây của Mác về sự phụ thuộc kết quả lẫn nhau giữa cạnh tranh và độc quyền, nói chung đã được Lê-nin khái quát tổng kết và nguồn gốc của độc quyền tư bản chủ nghĩa bắt nguồn từ tập trung sản xuất (cũng như bắt nguồn từ cạnh tranh).

Hiện nay, tư tưởng này được khẳng định bởi toàn bộ quá trình ngày càng tăng lên cũng như hình thái vận động đa nguyên cụ thể của tư bản trên cơ sở độc quyền. Song nếu không nhờ hay nói đúng hơn, bất chấp sự độc quyền hóa thì, chủ nghĩa tư bản hiện đại hơn bao giờ hết sẽ thể hiện thực chất của phương thức sản xuất tư sản. Như vậy, có nghĩa là sẽ trả lại "tự do", "linh hồn" cho chủ nghĩa tư bản - cạnh tranh - trong phạm vi độc quyền hóa (chính xác hơn là đã xóa bỏ những "tấm chắn" bên trong giữa các [illegible]anh).

Những thay đổi về đặc tính của sức lao động đã phân biệt rất rõ chế độ kinh doanh tư nhân hiện nay với cái gọi là cạnh tranh tự do (thậm chí cả với chủ nghĩa tư bản trước độc quyền). Nếu như chủ nghĩa tư bản thế kỷ XIX, nửa đầu thế kỷ XX dựa vào sự bóc lột lao động giản đơn (về mặt thể lực), thì yêu cầu có tính chất mệnh lệnh (hay dấu hiệu đặc biệt) của cuộc cách mạng khoa học -kỹ

thuật là sự quá độ của tư bản đến sự bóc lột hàng loạt sức lao động phức tạp (trang bị bằng những kiến thức chung, sâu sắc (uyên thâm), nhưng không chỉ là những kiến thức nghề nghiệp theo nghĩa hẹp). Hiện nay hơn nửa sức lao động làm thuê trong các nước phát triển về công nghiệp đã được di chuyển sang lĩnh vực phi sản xuất vật chất. Nền sản xuất tinh thần gồm những lĩnh vực gắn với sự hình thành và bóc lột lao động (trí óc) - học vấn, thông tin học, khoa học, quản lý, bảo hiểm sức khỏe, công nghiệp du lịch và nghỉ ngơi của quần chúng.

"Cơ chế bóc lột trở nên phức tạp hơn, tinh tế hơn - như cương lĩnh của Đảng cộng sản Liên Xô đã nhận định - lợi nhuận bòn rút ngày càng nhiều từ trình độ nghiệp vụ chuyên môn, trí tuệ và năng lượng thần kinh của người lao động".

3-4. Nguyên nhân chủ yếu mang lại những kết quả gây ấn tượng mạnh của chủ nghĩa tư bản là ở chỗ, ngay từ đầu nó đã "chiếm giữ" được khuynh hướng chính của thời đại mà Lê-nin đã nắm bắt : -"Chuyển từ tự do cạnh tranh đến xã hội hóa hoàn toàn". Trái ngược hẳn ý chí của [illegible]h, những tên trùm tư bản đã bị thu hútvào quá trình [illegible] và có thể thăm dò phát hiện được hình thức phối hợp giữa xã hội hóa sản xuất trực tiếp đang đòi hỏi tính kế hoạch với các quan hệ hàng tiền gián tiếp và xã hội hóa gián tiếp (thông qua thị trường). Hơn nữa, sự kết hợp chặt chẽ này ("sự trói buộc", theo thuật ngữ của Lê-nin) được chủ nghĩa tư bản sử dụng ở trình độ cơ sở của đơn vị cơ sở đầu tiên trong nền sản xuất hiện đại - tổ hợp, công-xoóc-xi-om và các hiệp hội. Thực ra, điều này tôi đã đề cập đến ở trên.

Chủ nghĩa xã hội cũng do tình thế lịch sử cụ thể của mình là cực kỳ gay gắt! như sự kém phát triển công nghệ đã có ở trình độ xuất phát của hình thái kinh tế. Cho đến ngày nay, vẫn chưa có được sự liên kết giữa khoa học và nền sản xuất đa ngành (hiện nay nhân tiện nói thêm có thểnghe thấy khi thì về các tổ hợp ngành, khi thì về sự cải danh của các bộ ngành trong tổ hợp). Từ đó, tôi nghĩ rằng, cả tính vô căn cứ của "hạch toán kinh tế dày đặc" đều không gắn với các chi phí giá trị và cả sự hình thành giá trị cũng không thực hiện được trong khi phân chia tổ hợpkinh tế quốc dân của đất nước thành những tổ hợp nhỏ thuộc về cơ quan nhà nước và những trung tâm kinh doanh khu vực.

5. Sự cần thiết cải tổ cấu trúc cơ sở bên trong và những đơn vị sản xuất đã chỉ ra trên đây - điểm xuấtphát của những lý luận của tôi về việc đưa chủ nghĩa xã hội vào các quan hệ kinh tế tnế giới hiện tại. Vấn đề là ở chỗ ngoài cuộc cải tổ như vậy (bao gồm cả việc hình thành các công-xoóc-xiom xã hội chủ nghĩa đa ngành để đẩy mạnh những mối quan hệ với bên ngoài như đồng chí M.X.Gooc-ba chốp đã nói ở Murmanxcơ năm 1987), chúng ta cũng phải trực tiếp bước vào lĩnh vực hợp tác kinh tế thế giới. Hãy nhớ rằng, cả Mác và Lê-nin đều coi các quan hệ kinh tế quốc tế là những quan hệ thứ yếu, phát sinh, chuyển dời qua biên giới.

Nếu cũng xem nền kinh tế toàn thế giới vẫn vẹn chỉ làtổng hòa các nền kinh tế của quốc gia, thì phải thừa nhận tính chất phi lý rằng, nền kinh tế toàn thế giới tạm thời sẽ chấm dứt tồn tại cho đến khi thiết lập được chế độ kinh tế đồng dạng trong tất cả các nước - tham gia

giao tiếp. Thật ra, nền kinh tế toàn thế giới là mối liên hệ sâu sắc không được thể hiện trên bản đồ địa lý và không bị tách biệt của những lực lượng tự cung tự cấp nào đấy. Sức mạnh của tư duy chính trị mới, tiến thêm một thêm là ở chỗ, nó nhận thấy những tiềm ẩn của cơ chế kinh tế toàn thế giới đồ sộ trong hoạt động thực tiễn.

Trong mối quan hệ này, tôi muốn đặt vấn đề về sự thay đổi bản chất và những hình thức tác động lẫn nhau giữa hai hệ thống xã hội một cách chi tiết hơn. Sự phân chia thế giới vào tháng 10 thành hai hệ thống kinh tế quốc dân - chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội - tuyệt nhiên không có nghĩa là sự phân rẽ của nền kinh tế toàn thế giới. Rất nhiều mưu toan coi kết quả chủ yếu của cuộc cách mạng tháng 10 và cuộc chiến tranh ái quốc vĩ đại là sự phân chia cơ học thế giới ra làm hai hệ thống thế giới đã hoàn toàn được thừa nhận là không xác đáng theo tư duy chính trị mới.

Điều đó đã khẳng định uy tín của nó trong Cương lĩnh của Đảng cộng sản Liên Xô dưới dạng của một luận đề về tính thống nhất thế giới mâu thuẫn, nhưng chủ yếu là thế giới chỉnh thể trong thời đại của chúng ta.

Hai hệ thống kinh tế xã hội này tác động chặt chẽ với nhau, tất nhiên, dầu sao cũng không phải là không thay đổi theo quan điểm tự thân vận động bên trong và theo quan điểm "xâm nhập lẫn nhau" của chủng. Hy vọng chắc chắn rằng, với những sự giao tiếp ngày càng chặt chẽ, trong tương lai "Sự hội tụ" của những xã hội này sẽ làm thành khối cộng sinh về mặt xã hội, kiểu trung gian và phi giai cấp. Trái lại, tôi cho rằng,những người

tìm đến thuyết "hội tụ" (hiện nay tích cực) đang tính đến sự hội tụ của cả hai "phe" là vô căn cứ. Bất kỳ phương án "hội tụ" nàotrên thực tế đều kỳ vọng đến sựkê khainhững nét giống nhau bề ngoài (những biểu hiện rõ rệt, các dấu hiệu xích gần nhau của hai hệ thống) đang mâu thuẫn với việc hệ thống hóa các tiêu chuẩn.

Mặc dầu có những rích rắc và sự "giật lùi" của quá trình lịch sử, lôgic chính của nó ngày càng thể hiện rõ ràng tư tưởng chung và triển vọng "sống trong một kỷ tức xã nhân loại thống nhất". Lôgic đó là : từ hình thức xã hội hóa gián tiếp (thông qua các mối quan hệ thị trường, quan hệ hàng hóa tiền tệ, cạnh tranh và độc quyền) đến xã hội hóa trực tiếp (tính kế hoạch; tiết kiệm thời gian lao động, tăng thời gian nhàn rỗi, thi đua và phát triển năng lực tập thể, tài năng và trí tuệ của các cá nhân một cách thích hợp, song tất nhiên, sự khác nhau giữa hai hình thái xã hội trong thực tế thế giới vẫn không tránh khỏi. Sự thống trị của sở hữu tư nhân dựa trên sự hợp tác lao động của những người lao động đã thoát khỏi làm việc cho các nhà kinh doanh tư nhân. Thật ra, do những thay đổi sâu sắc trong bộ mặt của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, sự khác nhau cơ bản này không phải bao giờ cũng thể hiện ra trong hình thức mà người quan sát có thể thấy được. Tuy nhiên, sự khác nhau căn bản này là không tránh khỏi của cả hai thế giới khoa học này. Cuộc thảo luận quốc tế "con đường tư bản chủ nghĩa đến chủ nghĩa cộng sản" được tiến hành mới đây ở Prúc - xen đã xác nhận điều kỳ lạ đó. Những ý kiến tranh luận sôi nổi xoay quanh vấn đề : chủ nghĩa cộng sản đạt được bằng cách nào, khi qua chủ nghĩa xã hội?

Các nhà lý luận đã giải thích rằng : Làm sao trá
những biện pháp cách mạng khi cải biên sở hữu tư nh
thành sở hữu xã hội. Rõ ràng là tự do của kinh doanh
nhân; tự do lựa chọn lĩnh vực đầu tư. Lợi ích và thuế
bản vẫn được duy trì khi họ mô tả" mô hình chủ nghĩa
cộng sản".

Công thức nổi tiếng của Lê-nin : ảnh hưởng chủ y
đến cuộc cách mạng thế giới là chính sách kinh tế. Tro
đó, Lê-nin đã chú ý đến chính sách năng động, xác đá
đối với quần chúng được nhân dân ủng hộ. Chúng ta có
nói, Hội đồng tương trợ kinh tế tồn tại đã hơn 40 nă
nhưng việc phát kiến sự hình thành khả năng tổ chức th
tế của nó để đẩy mạnh các mối quan hệ kinh tế, trong
hình thức tiên tiến nhất (đầu tư - sản xuất, hiệp t
trực tiếp .v.v.) còn ở trình độ cá biệt (riêng biệt) cũ
như dưới dạng phôi thai. Liên kết kinh tế xã hội c
nghĩa tất yếu khách quan sẽ đi đến thay thế phân công
lao động quốc tế cổ truyền (sự phân công được hình thà
thông qua lưu thông hàng hóa), thế mà vẫn không tăng
được các hình thức có hiệu quả nhất - chương trình đ
tư liên quốc gia ở trình độ cao, các hãng liên doanh
(xuyên quốc gia), trong lĩnh vực sản xuất - cho đến
"các công ty xuyên quốc gia xã hội chủ nghĩa". Đường
thành lập cơ sở vật chất kỹ thuật quốc tế thống nhất
cơ sở tinh thần trong cộng đồng quốc tế không những
không được thể hiện trong cuộc sống, mà thậm chí cũ
không được tuyên bố chính thức .

Chủ nghĩa xã hội, sau đó, không sử dụng đầy đủ tì
năng của mình để gây ảnh hưởng tác động đến các nước
giải phóng khỏi ách thực dân, nơi mà 3/4 dân cư trênhà

tình đang sống. Tuy thế xu hướng nhằm làm sao để " chạy qua" giai đoạn tư bản chủ nghĩa chứa đựng một nguy cơ thiếu những điều kiện tiền đề có lợi cho việc hìnhthành nhân cách con người và mở ra sự tự do để phát triển con người phù hợp với xã hội tập thể. Cho đến nay chủ nghĩa xã hội vẫn không thể giúp đỡ đầy đủ cho con người bằng cách cung cấp công nghệ tiên tiến và tạo ra những hình thức thức tổ chức sản xuất có hiệu quả.

Tiếc rằng, những khả năng giúp đỡ của cuộc cáchmạng XHCN cho nhân loại thuộc "thế giới thứ ba" (theo quan niệm của Lê-nin) không thực hiện được. "Cần phải kịp thời khai hóa văn minh cho những con người này" - Lê-nin đã kết luận trong tác phẩm : "Thà ít mà tốt".

Ở đây muốn đề cập không phải về sự văn minh nói chung (vì Trung Quốc và Ấn Độ là những nước có nền văn hóa hàng nghìn năm trong thời kỳ khi những người dân ở Tây Âu và Bắc Mỹ còn chưa thoát khỏi giai đoạn mọi rợ) mà về việc nắm những trí thức, kỹ năng lao động công nghiệp văn minh. Có thể nói, chúng ta đã giúp đỡ khá nhiều cho nhân dân các nước được giải phóng thông qua những con kênh giáo dục, hiệu quả của sự khai phá văn minh đã được khẳng định to lớn hơn trong định hướnghiện nay của nhân dân các nước này. Tuy nhiên, ở Liên Xô và ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa khác, người ta đang chú ý đặc biệt đến việc cung cấp các yếu tố vật chất(thậm chí cho các xí nghiệp thống nhất), đó chính là bước ngoặt cách mạng trong các mối quan hệ kinh tế thế giới.

X

X X

CHỦ NGHĨA TƯ BẢN HIỆN ĐẠI VÀ ĐẶC TRƯNG KINH TẾ CHÍNH TRỊ CỦA NÓ

IU.M. OXYPOV

Khi tách ra và nêu lên đặc trưng của các PTSX, chúng tôi hoàn toàn không nhằm đánh giá chúng từ khía cạnh thường xuyên biến đổi. Tất nhiên, trong sự phát triển của một PTSX nào đó đều có những nhân tố mới, nhưng hoàn toàn không phải là lúc nào chúng tôi cũng kết luận về tiềm năng "chuyển hóa" của nó, mà chỉ sử dụng kết luận để nêu lên đặc trưng chung của PTSX và tính đến nó khi phân tích. Thường xuyên biến đổi - đó là thuộc tính quan trọng nhất của các hệ thống xã hội, trong đó có cả PTSX.

Thường xuyên biến đổi - đó là chỉ số phát triển, khả năng phát triển và thích ứng của PTSX. Không chú ý đến tính thường xuyên biến đổi - không có khái niệm đầy đủ đúng đắn về một PTSX, không hiểu lôgic "hành vi" của nó, không thấy được cả những khác biệt quan trọng giữa các PTSX.

CNTB có tính thường xuyên biến đổi cao. Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác đã chú ý đến thuộc tính đó của CNTB. "Giai cấp tư sản, - C.Mác và Ph.Ang ghen đã viết - không thể tồn tại, nếu không tạo ra những bước ngoặt thường xuyên trong công cụ sản xuất, đồng thời, không cách mạng hóa các QHSX, do đó, cả toàn bộ tổng thể các quan hệ xã hội"(1). CNTB thay đổi thường xuyên, nếu như

1. C.Mác, Ph.Ang ghen. Toàn tập, t.4, tr. 427

đặc điểm và yếu tố này thì có những đặc điểm và yếu tố khác, và đôi khi, như lịch sử chỉ ra, trải qua những biến đổi toàn cầu. Ví dụ, điều đó đã xảy ra vào nămgiao thời giữa hai thế kỷ XIX và thế kỷ XX khi CNTB biến thành CNTB độc quyền và đã diễn ra giữa thế kỷ XX khi CNTB độc quyền trở thành CNTB độc quyền nhà nước.

Nhưng trong khi thường xuyên biến đổi, CNTB đồng thời thể hiện cả tính bảo thủ đặc biệt, cố gắng bằng bất cứ giá nào duy trì bản chất của mình. Tính thường xuyên biến đổi không chỉ là sự đổi mới mà còn là bảo thủ . Có lẽ, nó là phương tiện thoát chết tốt nhất, hơn nữa nó được chính bản chất của hiện tượng đang biến đổi đề xuất. Khi đổi mới,CNTB vứt bỏ bộ quần áo này và mặc những quần áo khác, thậm chí nó tu sửa lại bản thân, trở thành một cái gì đó khác, song vẫn còn là CNTB.

Những thuộc tính trên của CNTB - tính thường xuyên biến đổi và tính bảo thủ - gây khó khăn cho việc nhận thức CNTB, cản trở việc nhận thức những khái niệm lý luận - trừu tượng phù hợp với tình trạng lịch sử cụ thể của CNTB. Khi xem xét một trạng thái nào đó của CNTB, rất dễ rơi vào sai lầm, ví dụ, đánh giá cao các yếu tố mới trong hệ thống TBCN và coi nhẹ các yếu tố cũ, cũng như ngược lại. Người nghiên cứu nhất định phải là người cảm nhận cả cái mới vàcả cái cũ.Khi đó anh ta có thể hy vọng phản ánh hiện thực CNTB. Cần phải chú ý đặc biệt khi phân tích CNTB đang biến đổi. Chính sự biến đổi , theo chúng tôi, không chỉ là biểu hiện của các yếu tố mới và thậm chí không chỉ sinh ra hình thức mới, mà đó còn là một vài đổi mới về bản chất - yếu tố phát triển của nó. Biến đổi luôn luôn là quan trọng : nó nhất định

phải "kèm theo", và được xác định bởi những "biến chuyển thực chất".

Trở lại CNTB hiện đại, tức là CNTB thời điểm hiện nay (những năm 70 - 80 thế kỷ XX) chúng tôi nhận thấy có không ít biến đổi về kỹ thuật; kinh tế, xã hội. Và những biến đổi đó rất quy mô và mạnh mẽ, điều đó bắt giác đưa đến ý nghĩ : đổi mới của phương thức sản xuất TBCN không bị phá vỡ trước mắt chúng ta. Hơn nữa ý nghĩ "hợp lý" là những năm 1970 - 1980 được đánh dấu bởi những khó khăn lâu dài của tái sản xuất, thể hiện trong việc giảm đáng kể "tốc độ tăng sản xuất và vốn đầu tư, trong lạm phát "phi mước đại", thất nghiệp tỏ lớn, kinh niên, tức là được đánh dấu bởi các đặc trưng cho các thời điểm lịch sử mà những biến đổi của phương thức sản xuất (PTSX) tư bản chủ nghĩa ghi nhận : gần như trong thời kỳ mà CNTB lúc đầu có hình thức độc quyền , và sau đó mang hình thức độc quyền nhà nước.

Biến đổi của CNTB hiện nay còn tiếp diễn nữa hay không - đó là vấn đề phức tạp. Tạm thời không thể trả lời câu hỏi đó một cách dứt khoát được . Tuy nhiên có thể nói một cách chắc rằng, CNTB ngày nay đang thay đổi rất mạnh mẽ chính những biến chuyển về chất lớn đến mức đòi hỏi phải có những đánh giá và khái quát nói ra mặt lý luận. Trong lúc đó, phải chăng những quan niệm của chúng ta về CNTB có chay đổi và nếu thay đổi thì bằng cách nào ?

Trả lời những câu hỏi đó trước hết, chúng tôi nghĩ rằng chúng ta đã coi nhẹ CNTB hiện đại sự phát triển của nó, và đề cao nó mà hoàn toàn không chú ý gì cả.

Từ sự coi nhẹ đó, hiện nay trước hết cần chỉ ra tính chất và ý nghĩa của những biến đổi khoa học - kỹ thuật. Theo chúng tôi, những biến đổi đó đang vượt ra khỏi phạm vi làn sóng mới giản đơn của cuộc cách mạng khoa học -kỹ thuật, tức là vượt ra khỏi phạm vi bước nhảy vọt về chất trong sự phát triển LLSX đã được phát hiện trong những năm 40 - 50.KỸ thuật mới mang theo yếu tố phủ định cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật sau chiến tranh. Điều đó được biểu hiện trước hết ở sự thay đổi tính chất công cụ lao động có khả năng trong chừng mực nào đó, " tự lao động", nhằm thay thế không chỉ lao động chân tay, mà cả lao động trí óc của con người. Những biến đổi không chỉ đơn giản là lớn, mà thật là cách mạng. Về ý nghĩa chúng được so sánh với những thay đổi mà cuộc cách mạng công nghiệp đưa ra, bởi vì chúng tỏ rõ bước ngoặt hiện nay về kỹ thuật và lao động, nhưng về tính chất chúng khác với những biến đổi trong "công nghiệp", vì chúng chứa đựng bước quá độ lên công nghệ phi cơ khí. Hoàn toàn có thể coi bước nhảy vọt về chất trong phát triển LLSX hiện nay như một cuộc cách mạng kỹ thuật mới, đã vượt ra ngoài cách mạng công nghiệp cũng như cách mạng khoa học - kỹ thuật sau chiến tranh, với tư cách tiếp tục và phủ nhận nó.

Chúng tôi coi nhẹ, điều đó dường như là ngược đời,độ sâu và ý nghĩa của quốc tế hóa PTSX tư bản chủ nghĩa.Nếu thừa nhận sự mở rộng chung qúa trình quốc tế hóa (phát triển trao đổi quốc tế, tư bản xuyên quốc gia, điều chỉnh liên quốc gia), chúng tôi cũng không đánh giá hết thực chất sự phát triển mạnh mẽ của CNTB thế giới. Thật ra chất lượng mới đã được cảm thấy. Nền kinh tế tư bản chủ nghĩa thế giới ngày càng trở thành một hệ thống hoàn

chỉnh và trong tính toàn vẹn đang phát triển đó nó tr
nên độc lập và tích cực hơn. Sự phụ thuộc của các nền
kinh tế dân tộc vào nền kinh tế thế giới đang tăng lên,
và hậu quả là vị trí các nền kinh tế dân tộc trong nền
kinh tế thế giới đang thay đổi. Hiện nay đã có thể nói v
khả năng nền kinh tế thế giới có được tính thứ nhất tr
sản xuất (chức năng) nào đó so với các nền kinh tế dâ
tộc. CNTB hiện đại - chưa từng bao giờ là CNTB "thế giớ
hay đúng hơn là chủ nghĩa tư bản mang tính quy định th
giới, còn quốc tế hóa kinh tế ngày càng được thực hiệ
như là "thế giới hóa", tức là như là quá trình được biể
hiện trong việc liên kết các nhân tố (nền kinh tế dân tộ
thành khối toàn vẹn (nền kinh tế thế giới) chưa đến mứ
như trong sự phát triển cái toàn vẹn từ cái toàn vẹn, kh
tất cả các nhân tố của cái toàn vẹn được phát triển ph
thuộc nhất định vào cái toàn vẹn đã được hình thành v
đang phát triển.

Khi nêu lên đặc trưng của CNTB hiện đại, chúng tôi
thiết nghĩ vẫn hoàn toàn chưa hiểu hết trình độ và kh
năng phát triển cơ sở xã hội trong nó. Lịch sử đã xác nhận s
quan sát của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin
chủ nghĩa tư bản về sau ngày càng trở thành CNTB xã hội
khi tiếp nhận các hình thức tồn tại xã hội hơn và hi
hội hơn. Sản xuất lợi nhuận - từ lâu đã không phải
công việc của những nhà kinh doanh đơn độc, cũng như c
các xí nghiệp riêng lẻ và thậm chí của các nghiệp đoàn
Lợi nhuận - không chỉ là hiện tượng tư nhân, mà còn
hiện tượng xã hội, còn bóc lột - là quá trình hoạt độ
sống đã hình thành của xã hội. Quan hệ " tư bản -
nhân" đã phức tạp đến mức trở thành những quan hệ
những cơ cấu xã hội vẹn toàn: chủ xí nghiệp và lao độ

Cả thành phần giai cấp cũng thay đổi : giữa giai cấp tư sản và vô sản là tầng lớp lao động - viên chức rộng lớn. Một mặt, tầng lớp đó, có họ hàng với giai cấp công nhân, bởi vì đó là những người làm thuê và lao động của họ mang lại giá trị thặng dư, mặt khác - gần gũi phần nào với giai cấp tư sản, bởi vì nhiều người lao động - viên chức có nhiệm vụ bao đảm quá trình bóc lột, nhờ đó mà thu được một phần giá trị thặng dư, còn thứ ba - giống như tầng lớp tiểu tư sản, vì có lối sống gần gũi và hành vi xã hội rất giống .Tất nhiên, có thể không tách những người lao động - viên chức thành một giai cấp đặc biệt, nhưng tính đến họ như là một lực lượng xã hội to lớn có quan hệ trực tiếp với việc thực hiện PTSX tư bản chủ nghĩa là cần thiết. Xã hội hóa CNTB, "xã hội hóa" đặc biệt (tất nhiên, chưa phải là biến chủ nghĩa tư bản thành chủ nghĩa xã hội), cùng như phức tạp hóa cơ cấu giai cấp phản ánh sự vận động của CNTB theo con đường phức tạp hóa hình thức và cơ chế của mình, phô bày các nhân tố "PHI tư bản chủ nghĩa", cào bằng các cực. Bản chất của chủ nghĩa tư bản dường như đi vào trong, ít bộc lộ hơn không chỉ do nó được ngụy trang bằng hình thức phức tạp hơn, mà còn do sự thay đổi nhất định của chính bản chất, do sự phát triển của nó trong giới hạn của chính bản thân mình. Sự vận động về mặt chất của tư bản từ bản chất "tư hữu nhất" đến "xã hội hơn" - đó là quy luật phát triển lịch sử của tư bản.

Quan niệm của chúng ta về sản xuất giá trị thặng dư và lợi nhuận không phải lúc nào cũng phù hợp với hiện thực. Theo chúng tôi, có việc đề cao sức mạnh hoạt động của các nhân tố kìm hãm việc tăng tỷ suất lợi nhuận. Vị tất đã có sự liên hệ vững chắc giữa quá trình tăng tỷ suất lợi nhuận với thay đổi cấu tạo hữu cơ của tư bản chính tỉ suất lợi nhuận nói chung thời với cấu tạo tư bản, nó

là "sản phẩm" vận động của tư bản nói chung. Việc cắt giảm tương đối một phần nào đó lao động mà tư bản sử dụng không phải bao giờ cũng làm giảm tỷ suất lợi nhuận : Rõ ràng là sai lầm, nếu nghĩ rằng những cái mới tạo nên như tự động hóa hay công nghệ sinh học có thể làm giảm mạnh tỉ suất lợi nhuận, cũng như ngược lại, tăng thất nghiệp. Nói chung, chúng ta coi nhẹ tính tương đối của quy luật tỷ suất lợi nhuận có xu hướng giảm sút biểu hiện hoàn toàn không phải ở chỗ sự hoạt động của quy luật này bị các nhân tố đối kháng tu chỉnh, mà ở chỗ chính quy luật này về bản chất là tương đối : không thể hạ thấp tỷ suất lợi nhuận đến số không tuyệt đối (không thể đảo ngược). Việc giảm chung tỷ suất lợi nhuận khi có thể có với tư cách là hiện tượng tạm thời, mặc dù các nhân tố hạ thấp vẫn hoạt động thường xuyên.

Nếu theo lôgic quy luật tỷ suất lợi nhuận có xu hướng giảm sút thì việc nâng cao tương đối dài tỷ suất lợi nhuận (giả sử trong 25 năm) phải được thay thế bằng việc hạ thấp tương đối dài. Hơn nữa điều đó có thể có bởi vì thực ra chúng ta thấy sự luân phiên xen kẽ của các thời kỳ tích lũy tư bản tăng mạnh với các thời kỳ tích lũy tư bản chậm chạp, nhưng tuy nhiên quá trình vận động lâu dài trên không phải bao giờ cũng có, bởi vì rất nhiều nhân tố khác nhau tác động đến vận động thực tế của tỷ suất lợi nhuận, bởi vậy bức tranh vận động chung có thể hoàn toàn khác. Rõ ràng, không cần tìm việc xác nhận chặt chẽ hoạt động của quy luật tỷ suất lợi nhuận có xu hướng giảm sút bằng cách phát hiện những sóng dao động dài trong quá trình vận động của tỷ suất lợi nhuận. Theo chúng tôi, điều đó, cũng như bản thân khả năng tỷ suất lợi nhuận vươn tới số không tuyệt đối, là hoàn toàn vô nghĩa.

Tiến bộ khoa học - kỹ thuật hiện đại và quốc tế hóa sản xuất tạo điều kiện tăng mức độ bóc lột và tỷ suất lợi nhuận, trong bất kỳ trường hợp nào đều duy trì tỷ suất đó ở mức đủ cao đảm bảo cho tư bản một lần nữa chịu đựng nổi làn sóng tích lũy lâu dài mạnh hơn lên. Rốt cuộc, chẳng thà xuất phát từ kết luận nuôi dưỡng ảo tưởng là tích lũy tư bản sẽ tự ngẹt thở do, ví dụ, tăng cấu tạo hữu cơ của tư bản.

Để tiếp tục phân tích các quan niệm lý luận về CNTB hiện đại, chúng tôi phải nhằm vào cơ chế kinh tế của nó. Trong sách báo hiện có của chúng ta ở đây vấn đề không chỉ là phản ánh đúng đắn cơ chế đó về mặt lý luận, mà còn là không công nhận cơ chế đó, phủ nhận sự cần thiết tách riêng nó ra trong khuôn khổ PTSX tư bản chủ nghĩa. Coi thường cơ chế kinh tế tư bản chủ nghĩa đó là lầm lẫn về mặt khoa học hơn là một luận điểm nghiêm túc. Khó có thể hình dung một cái gì đó kỳ lạ hơn việc từ chối thực sự coi chính cơ chế thị trường như là cơ chế kinh tế. Tuy nhiên có luận điểm phủ nhận có nghĩa là cơ chế kinh tế TBCN nằm ngoài tầm nhìn của một số các nhà kinh tế - lý luận.

Chúng tôi xuất phát từ chỗ cơ chế kinh tế là thuộc tính của PTSX tư bản chủ nghĩa. Nếu không miêu tả nó tỷ mỉ, chúng ta sẽ cho rằng, đó là cơ chế tư bản, cạnh tranh và thị trường. Ở mỗi giai đoạn phát triển nhất định, nó trở thành cơ chế cạnh tranh - thị trường có điều tiết cơ chế tư bản chủ nghĩa. Tư bản, cạnh tranh và thị trường chỉ thực hiện được trong điều kiện quan hệ hàng hóa-tiền tệ, và bởi vậy. Cơ chế kinh tế TBCN - là cơ chế hàng hóa - tiền tệ, Nó hoạt động với tư cách là cơ chế dân tộc và

thế giới, tức là cơ chế được hợp thành từ các cơ chế dân tộc và được bổ sung bởi hệ thống quan hệ kinh tế quốc tế.

Mặc dù cơ chế kinh tế của CNTB gần đây mới là đối tượng nghiên cứu đặc biệt (chính là cơ chế kinh tế) nhưng đã có những khái niệm mở rộng về nó. Theo nguyên tắc mà chúng ta thông qua, chúng tôi thử làm sáng tỏ sự phù hợp của những khái niệm đó với thực tế hiện thực.

Điều đầu tiên muốn chú ý tới đó là việc xem nhẹ (mà một số nhà nghiên cứu bỏ qua) vai trò và ý nghĩa của cạnh tranh và thị trường trong cơ chế kinh tế độc quyền - nhà nước hiện đại và tương ứng là đề cao vai trò và ý nghĩa của điều chỉnh. Cái thực tế điều chỉnh (độc quyền và nhà nước) là kết quả phát triển của cạnh tranh và thị trường, "biến đổi" đặc biệt của chúng, chứa đựng yếu tố phủ định không phải là cơ sở đầy đủ để kết luận về việc chúng mất vai trò và ý nghĩa với tư cách là cơ sở nền móng của tổ chức sản xuất TBCN. Trong khuôn khổ kinh tế độc quyền - nhà nước bản thân điều chỉnh là sự tiếp tục và biểu hiện của hệ thống tổ chức cạnh tranh - thị trường. Quan niệm điều chỉnh loại bỏ cạnh tranh và thị trường, theo chúng tôi, không đơn giản là sai lầm, mà còn có hại, bởi vì trong khi tạo ra bức tranh xuyên tạc về CNTB hiện đại, nó thúc đẩy sinh ra những kết luận chính trị và hoạt động thực tiễn sai lầm.

Chủ đề tương tự được nhận thấy trong mối liên hệ với cơ chế hàng hóa - tiền tệ chúng ở đây chúng ta tìm ra một thiên lệch vô căn cứ về phía phủ nhận cơ chế đó. Phá hoại quan hệ hàng hóa - tiền tệ, điều mà V.I.Lê-nin đã nói và chúng ta hiểu điều đó trước hết như là việc làm

suy yếu sự củng bái hàng hóa - tiền tệ, tức là vật thống trị người, hoàn toàn không phải là cơ sở để kết luận về sự tiêu vong của hàng hóa và tiền tệ. Chủ nghĩa tư bản dù đã chuyển sang những hệ thống xác định giá trị sản phẩm và tỷ lệ trao đổi mới như thế nào đi nữa, thì hệ thống này vẫn chỉ có thể là hình thức biểu hiện khác, về bản chất, vẫn là của các quan hệ hàng hóa - tiền tệ. Còn về CNTB hiện đại thì cho đến nay vẫn chưa có gì chứng tỏ nghiêm túc sự thu hẹp bất kỳ thế nào đi chăng nữa cơ chế hàng hóa - tiền tệ. Dù trong trường hợp nào cũng không thể nhầm lẫn việc tách một số quan hệ khỏi vùng hoạt động của cơ chế đó (ví dụ, những quan hệ riêng lẻ đặc thù bên trong), việc bỏ vật chất hóa tiền tệ, tách chúng khỏi hàng hóa - vật, khỏi vàng và thậm chí khỏi tiền giấy, tức là thay đổi hình thức biểu hiện của quan hệ hàng hóa - tiền tệ, cơ chế thực hiện chúng (sử dụng rộng rãi thanh toán không dùng tiền mặt .v.v.) là sự tiêu vong của chính cơ chế hàng hóa - tiền tệ.

Ở đây cần đề cập đến vấn đề của cái gọi là tính kế hoạch TBCN rất gần gũi với các khía cạnh cơ chế kinh tế đang được xem xét. Tự bản thân mình việc mong muốn nêu lên đặc tính tổ chức kinh tế của CNTB hiện đại trong thuật ngữ tính kế hoạch là hoàn toàn tự nhiên. Quả thực ở đâu có điều chỉnh thì ở đó, theo Ph.Ang ghen, sẽ không có tính kế hoạch. Nhưng "thiếu" tính kế hoạch có nghĩa là quá độ lên tổ chức có kế hoạch theo đúng nghĩa của nó : chính bước quá độ như thế xóa bỏ cạnh tranh và thị trường những yếu tố cơ sở của tổ chức kinh tế xã hội. Điều chỉnh rất gần với tổ chức có kế hoạch, điều chỉnh thể hiện tổ chức đó trong cơ chế kinh tế tư bản chủ nghĩa, do đó chấm dứt tình trạng "thiếu" tính kế hoạch" trong cơ chế đó, nhưng

trong thực tế không đạt được tổ chức có kế hoạch theo đúng nghĩa của nó, dường như dừng lại giữa đường . Trong thực tế, điều chỉnh gần gũi hơn với tổ chức cạnh tranh - thị trường, điều chỉnh là nhân tố tổ chức của nó, mặc dù có mâu thuẫn. Chính bởi vậy những người ủng hộ tính kế hoạch dưới CNTB bắt buộc phải nói về "tính kế hoạchkhông đầy đủ",tức là dường như nó tồn tại, nhưng đồng thời không được thực hiện. Không phủ nhận những yếu tố (đặc điểm) kế hoạch trong điều chỉnh, song chúng tôi vẫn đứng trên quan điểm cho rằng việc nêu lên đặc trưng của tổ chức kinh tế trong CNTB độc quyền - nhà nước bằng thuật ngữ tính kế hoạch là hoàn toàn vô căn cứ, nó chỉ làm lu mờ bản chất vấn đề : không có CNTB kế hoạch nào cả , và sắp tới đây, phải chăng sẽ có CNTB đó (đặc biệt nếu tính đến việc quốc tế hóa đang phát triển của CNTB).

Các quá trình biến đổi động chạm đến cơ chế kinh tế TBCN trong 20 năm gần đây đã gây ra những loại đánh giá khác nhau trong đó nổi lên ý kiến về quá trình "tự do hóa" nền kinh tế và hệ thống điều chỉnh nền kinh tế "phi độc quyền hóa" nhất định hệ thống đó. Tự bản thân mình ý kiến đó có cơ sở, nó bắt nguồn từ các quá trình thực tế. Không nghi ngờ ý kiến đó, tuy nhiên chúng tôi vẫn muốn làm sáng tỏ một vài yếu tố phát sinh.

Trước hết cần tránh khuyếch đại chính sức mạnh của quá trình "tự do hóa", độ sâu và hiệu quả có thể có của nó. Theo chúng tôi, cần xem xét quá trình này với tư cách là quá trình, thứ nhất, tự do hóa bộ phận, còn thứ hai, chỉ là quá trình phủ định biện chứng điều chỉnh, tức là sự phủ định không tiêu diệt mà chỉ thay đổi hiện tượng tạo cho nó hình thức tồn tại và cơ chế thực hiện mới .

Không có "phi độc quyền hóa" tuyệt đối và chống nhà nước lãnh đạo nền kinh tế nào hết, chỉ có bước quá độ lên hệ thống điều chỉnh độc quyền và nhà nước thích ứng hơn với cơ sở thị trường - cạnh tranh do kết quả quốc tế hóa sản xuất và khủng hoảng điều chỉnh."Tự do hóa" kinh tế trước hết không có nghĩa là giải phóng nền kinh tế khỏi điều chỉnh, mà chỉ là quá độ lên các hình thức linh hoạt hơn, tức là quá độ từ một hệ thống kinh tế được điều chỉnhnày sang hệ thống khác. Cơ chế kinh tế TBCN không mất đi các thuộc tính độc quyền - nhà nước của mình, nó chỉtrải qua một cuộc cải tổ bộ phận, trở thành cơ chế thị trường - cạnh tranh, kinh tế (hàng hóa - tiền tệ)tự do hơn . Cuộc cải tổ đó không có nghĩa là trở lại CNTB độc quyền - phi nhà nước, nó chỉ phản ánh việc tìm kiếm hình thức cạnh tranh tối ưu hơn cho cơ chế kinh tế độc quyền - nhà nước. Hình thức mới giả định sự tồn tại mới của tất cả các yếu tố tham gia vào cơ chế, mối quan hệ tương hỗ mới của chúng. Cuối cùng điều đó phản ánh sự phát triển biện chứng của hệ thống mâu thuẫn, sự rời bỏ của hệ thống đó khỏi bản thân và trở lại bản thân nó.

Khi đánh giá tình trạng hiện nay (những năm 1970 - 1980) của PTSX tư bản chủ nghĩa chúng tôi nhận thấynhững khó khăn mà nó trải qua và nhiều thay đổi tiến hóa diễn ra trong nó. Nhưng chúng tôi không bằng cách tương ứng xác định tình trạng đó, chỉ ra bản chất và phạm vi tạm thời của nó. Về khía cạnh lý luận điều đó không đúng,còn về chính trị thì cấu thả bởi vì lịch sử CNTB cho chúng ta cơ hội tuyệt vời để rút ra kết luận phù hợp với thực tế, bởi vì, như đã chỉ ra, tình trạng hiện nay - tình trạng khó khăn kinh niên, tích lũy tư bản đang ngạt thở, nhưng đồng thời thay đổi về chất - không phải là đối với CNTB.

Tình trạng đó khôngnhững không phải là tình trạng đầu tiên, mà điều đặc biệt quan trọng, là tình trang được lặp lại theo chu kỳ. Nó xuất hiện là hợp quy luật , nó biểu hiện xu hướng làm gay gắt thêm theo chu kỳ những mâu thuẫn vốn có của PTSX tư bản chủ nghĩa vì hình thức lịch sử - cụ thể hiện nay đã lỗi thời và tất yếu biến hình thức đó thành hình thức khác. Tình trạng đang xem xét - là khủng hoảng đặc biệt của PTSX mang tính chất lâu dài và toàn cầu, là "khủng hoảng chất lượng"(chúng tôi nói thêm là ở đây không nói về khủng hoảng chu kỳ tái sản xuất, cũng như không nói về tổng khủng hoảng của CNTB ; đó là biểu hiện khác của khả năng "khủng hoảng sức sản xuất" của CNTB).

Các cuộc khủng hoảng PTSX lâu dài toàn cầu có tính quy định khách quan phức tạp. Một mặt, chúng là kết quả cưỡng chính tổ chức sản xuất TBCN và là hậu quả phát triển LLSX, mặt khác - chúng là kết quả xung đột lịch sử giữa QHSX tư sản với sản xuất đại công nghiệp. Tổ chức cạnh tranh - thị trường, tự phát không thể làm cho sự phát triển về mặt chất của sản xuất, LLSX và QHSX mang tính chất của quá trình xung động, thường xuyên biến đổi,khi đó bất kỳ một sự đổi mới nào đó có quy mô đáng kể ít nhiều đều có thể xảy ra chỉ vì bản chất và hình thức trước đó cạn hết mọi nguồn dự trữ, còn tín hiệu về việc cạn hết đó đến dưới dạng chấn động bất ngờ (khi mọi tiềm tiến tăng lên) toàn bộ hệ thống PTSX. Đại công nghiệp không thể không đòi hỏi những thay đổi các hình thức xã hội TBCN theo hướng xã hội các hình thức đó , không thể không biến các hình thức đó trở nên lỗi thời về mặt tinh thần khủng hoảng PTSX rốt cuộc bảo đảm cải biến cưỡng bức hình thức PTSX lỗi thời chính là phương

tiện đổi mới bắt buộc về mặt khách quan.

Thừa nhận sự thật khủng hoảng lâu dài toàn cầu là rất quan trọng để hiểu PTSX tư bản chủ nghĩa, tính quy luật tổ chức và phát triển, xu hướng tiến hóa của nó. Mỗi cuộc khủng hoảng đều kéo theo những biến đổi toàn cầu trong PTSX, động chạm đến toàn bộ hệ thống của nó: quan hệ sở hữu, cơ chế kinh tế, quan hệ kinh tế quốc tế cũng như LLSX. Phân tích khủng hoảng toàn cầu - là phân tích bước nhảy vọt về chất trong phát triển PTSX. Đó cũng là phân tích hoạt động của quy luật QHSX phù hợp với LLSX, bởi vì, "sự xiết chặt các hình thức xã hội vào lực lượng sản xuất đang phát triển diễn ra bằng chính các cuộc khủng hoảng và các cuộc cải tạo phù hợp với chúng về mặt chất, và đến lượt mình LLSX có khả năng phát triển hơn nữa. Đến sát khủng hoảng toàn cầu, LLSX đã trở nên lỗi thời về mặt tinh thần không có khả năng thực hiện mạnh mẽ tích lũy tư bản, tức là LLSX đang trải qua tình trạng khủng hoảng. Khủng hoảng toàn cầu chứng tỏ cả LLSX và cả các hình thức xã hội của chúng đã lỗi thời, nhưng đó còn là nguồn gốc đổi mới, đi đến khả năng tích lũy mới. Kiến thức về khủng hoảng rất có ích, nhưng đặc biệt ở chỗ nó cho phép thấy trước phần nào sự phát triển PTSX tư bản chủ nghĩa, thấy rõ thời gian và tính chất của các bước biến đổi về mặt chất. Nhận biết khủng hoảng toàn cầu về mặt lý luận, hiểu tính quy định khách quan và vai trò chức năng của nó có thể suy đoán có căn cứ về triển vọng phát triển của CNTB ở một thời điểm lịch sử nhất định.

Nếu chung ta thừa nhận có khủng hoảng CNTB lâu dài toàn cầu trong những năm 1970 - 1980, thì vấn đề về khả năng biến đổi của PTSX tư bản chủ nghĩa, tính chất và

phương hướng tiến hóa của nó được đặt ra là hoàn toàn đúng chỗ.

Ở trên chúng tôi đã nói về các xu hướng phát triển của CNTB hiện đại. Tất cả các xu hướng đó đều có quan hệ với khủng hoảng và biến đổi. Bây giờ chúng tôi cố gắng rút ra kết luận cuối cùng. Để làm điều đó chúng tôi lưu ý rằng: trong tương lai gần, CNTB có thể phát triển chỉ trong phạm vi đã có của nó là CNTB độc quyền - nhà nước. Hình thức đó chịu đựng nổi khủng hoảng, nhưng khi thoát khỏi khủng hoảng và thích ứng về mặt chất, CNTB không thể từ bỏ được chính hình thức đó. Không có một cái gì cả về mặt lý luận và thực tiễn chứng tỏ sự từ bỏ đó. Biến đổi hiện nay chỉ có thể mang tính chất cải biến chất lượng TBCN độc quyền- nhà nước, tức là diễn ra ở cấp tiểu hình thức. Hiện nay CNTB độc quyền - nhà nước đang chuyển sang tiểu hình thức nào?

Bất kỳ sự biến đổi nào cũng đều là vận động sang mặt đối lập, nhưng vận động đó vẫn bảo tồn bản chất và nhiều yếu tố từ hình thức cũ - đã trải qua. Trong trường hợp biến đổi diễn ra trong phạm vi hình thức hiện tồn, sự vận động sang mặt đối lập là vận động từ một kiểu hình thức này sang kiểu hình thức đối lập, nhưng vẫn bảo tồn một cái gì đó quan trọng không chỉ từ hình thức mà còn từ kiểu hình thức cũ xem xét tiến hóa của CNTB độc quyền - nhà nước, chúng ta phải, thứ nhất, xác định kiểu hình thức hiện có của nó và thứ hai, xác định chất lượng mặt đối lập mà CNTB độc quyền - nhà nước có thể hướng tới khi tìm kiếm kiểu hình thức mới.

Nếu đặc điểm quan trọng của CNTB độc quyền - nhà nước

là độc quyền hóa và nhà nước hóa tư bản, cạnh tranh và thị trường thì mọi tiến hóa của CNTB độc quyền - nhà nước trong khuôn khổ chính nó chỉ có thể là vận động từ các hình thức độc quyền hóa và nhà nước hóa này sang các hình thức khác, nhưng là các hình thức khác với hình thức hiện tồn bởi những đặc điểm đối lập nào đó. Rốt cuộc độc quyền hóa và nhà nước hóa phải tự nắm lấy một cái gì đó " phi độc quyền" và "phi nhà nước", tức là phải tìm được các mặt đối lập của mình - cạnh tranh và thị trường, tự do sở hữu và kinh doanh. Độc quyền hóa và nhà nước hóa phải trở thành cái khác, để làm điều đó phải có các phẩm chất đối lập (hay, ít ra, phải tăng cường các phẩm chất đó trong bản thân), tức là trở nên thị trường và cạnh tranh hơn, giả định nhiều hơn tự do kinh tế. Có thể có điều đó hay không ?

Có thể có được. Và điều đó gắn với tiến bộ khoa học - kỹ thuật hiện đại và quốc tế hóa ("thế giới hóa") sản xuất. Dưới ảnh hưởng của các quá trình này một nền sản xuất mới về tính chất và cơ cấu được tạo ra. Kỹ thuật và công nghệ mới đưa đến phân quyền nền sản xuất, làm nó nhỏ hơn, nhưng đa dạng, mềm dẻo và linh hoạt hơn. Cần thiết giữ gìn môi trường thiên nhiên cũng hoạt động theo phương hướng đó. Các đơn vị sản xuất (đúng hơn là đang chế tạo) giảm đi về quy mô và không đòi hỏi tập trung bộ máy sản xuất và con người như trước. Quốc tế hóa làm tăng không gian kinh doanh cho mọi người sản xuất, và làm không gian đó biến đổi và linh hoạt hơn. Mở rộng "môi trường sinh sống" còn phân quyền hơn nữa nền sản xuất, trong khi làm giảm quy mô tương đối của sản xuất (so với chúng quy mô thế giới). Tính không xác định của nền kinh tế thế giới, quá trình phát triển về chất và lượng của nó làm tăng lên

tính linh hoạt và đa dạng của sản xuất, kích thích phát triển khả năng thích nghi của nó.

Xã hội hóa mới nền sản xuất là do nền sản xuất mới tạo ra, nhưng ở trình độ cao hơn, bởi vì ở mức cao hơn trước đó nó phản ánh quy mô thế giới và nhu cầu thế giới. Đồng thời nó cũng tụt xuống trình độ thấp hơn, bởi vì nó dựa trên nhiều nền sản xuất bé hơn và ít quan trọng hơn trên quy mô xã hội. Hai xu hướng xã hội hóa mâu thuẫn với nhau, và nền sản xuất tìm thấy khả năng giải quyết mâu thuẫn đó bằng cách hợp tác hóa quốc tế các nền sản xuất (để chiếm được không gian thế giới).

Nền sản xuất mới và xã hội hóa mới nền sản xuất đó áp đặt những điều kiện của mình cho tư bản, cạnh tranh và thị trường, cũng như cho điều chỉnh độc quyền và nhà nước (liên quốc gia). Tư bản tăng thêm tính chất quốc tế của mình, lợi nhuận ngày càng trở nên tính quy định thế giới hơn, còn cạnh tranh và thị trường - quốc tế hóa hơn, nhưng do đó linh hoạt và thường xuyên biến đổi hơn, tự do hơn trong biểu hiện của mình. Cả điều chỉnh độc quyền và nhà nước cũng biến đổi. Hai loại điều chỉnh đó cũng buộc phải trở nên linh hoạt hơn, ít hành chính hơn, cạnh tranh - thị trường hơn, và cuối cùng, quốc tế ("được thế giới chứng nhận") hơn. Độc quyền hóa và nhà nước hóa không biến mất, chúng vẫn còn, nhưng thể hiện và thực hiện theo cách khác, còn cái chủ yếu là tiếp nhận những chất lượng đối lập.

Chúng tôi rút ra kết luận tổng quát: trong CNTB hiện đại nhiều quá trình biến đổi quan trọng được phát hiện chứng tỏ về sự quá độ của CNTB độc quyền nhà nước từ

hình thức quốc tế - dân tộc sang hình thức dân tộc- quốc tế, còn trong biểu hiện đơn giản hơn - từ CNTB độc quyền - nhà nước sang CNTB độc quyền - nhà nước quốc tế . Khi khẳng định điều đó, tất nhiên, chúng tôi nhận thấy xu hướng tiến hóa chủ yếu, đặc trưng cho CNTB hiện đại.

Để kết luận chúng tôi nói: cần điều chỉnh nhiều khái niệm lý luận về PTSX tư bản chủ nghĩa, và chúng ta thực hiện điều đó càng nhanh, thì càng sớm đáp ứng được yêu cầu đầy quyền lực về sự phù hợp của kiến thức lý luận với hiện thực khách quan. Tất cả điều đó đặc biệt quan trọng để xác định chiến lược kinh tế và chính trị của phong trào cộng sản và công nhân, giải quyết vấn đề cùng tồn tại hòa bình và xây dựng chủ nghĩa xã hội./.

I
I I I
I

CHỦ NGHĨA TƯ BẢN - GIỮA QUÁ KHỨ VÀ TƯƠNG LAI (1919 - 2000) ?

Ngày nay chủ nghĩa tư bản (CNTB) có bộ dạng ra sao? Câu hỏi này có tầm quan trọng không chỉ về mặt lý luận mà còn cả về mặt thực tiễn đối với tất cả chúng ta, kể cả những người sống trong xã hội XHCN. Chúng tôi xin giới thiệu các quan điểm của Lu Congmin - học giả Trung Quốc, và của Yuri Krasin - học giả Xô viết, đăng trên tờ :"Tin Mátxcơva", số 20, 1989.

Bài 1 : Ở giai đoạn thứ ba

Tác giả : Lu Congmin, giáo sư, Trường đảng trực thuộc Uỷ ban trung ương Đảng cộng sản Trung Quốc.

Sự phát triển kinh tế và chính trị thế giới buộc chúng ta phải có một cách nhìn mới không chỉ về CNXH mà cả về CNTB hiện đại. Ở một mức độ nhất định, trước tiên cần thiết phải đưa ra một sự đánh giá mới về CNTB ngày nay và chỉ khi đó mới bắt đầu đổi mới công tác giảng dạy về CNXH. Các kết luận phải được rút ra từ hiện thực chứ không phải từ các lý luận mang tính sách vở.

Trong lịch sử 300 năm của mình, CNTB đã trải qua ba giai đoạn :

Giai đoạn thứ nhất : CNTB tự do, kể từ thời điểm hình thành CNTB cho tới cuối thế kỷ 19.

Giai đoạn thứ hai : Chủ nghĩa đế quốc, từ cuối thế kỷ

19 cho tới những năm 50 của thế kỷ 20.

Giai đoạn thứ ba : CNTB xã hội (công cộng)-từ những năm 50 cho tới nay.

Những điểm cơ bản

Phân tích sự phát triển của các nước TBCN công nghiệp sẽ cho phép vượt ra một số đặc điểm cơ bản của giai đoạn hiện nay :

1. CNTB có trong tay mình một cơ sở vật chất và kỹ thuật vững chãi và nổi bật lên với một trình độ sản xuất chưa từng có, đạt được nhờ vào cuộc cách mạng khoa học và kỹ thuật mới mà trong đó việc sử dụng máy tính, năng lượng hạt nhân và công nghệ sinh học là điều hết sức tự nhiên. Khi so sánh sản xuất tại các nước TBCN hàng đầu trong thời kỳ sau chiến tranh 1895 - 1905 (là khi các nước đó đã phát triển với một tốc độ ngày càng nhanh) thì chúng ta có thể thấy rằng, CNTB đã có bước nhảy vọt.

2. Sự xã hội hóa tư bản cũng đạt một mức cao. Đó là do sự phát triển mạnh của các công ty cổ phần. Một mặt, việc mở rộng các công ty như vậy tạo điều kiện cho việc phi tập trung hóa tư bản, tách tư bản tư nhân khỏi các tư liệu sản xuất và khỏi quyền thuê mướn và bóc lột lao động, và mặt khác, nó còn giúp cho việc phát triển các công ty xuyên quốc gia và tạo điều kiện cho việc quốc tế hóa tư bản.

3. Việc điều tiết vĩ mô nền kinh tế - là việc mà nhà nước ngày càng cố gắng hơn để củng cố và hoàn thiện - tạo ra khả năng làm giảm nhẹ những khiếm khuyết của việc điều

tiết giản đơn - việc điều tiết thông qua thị trường và sự độc quyền hóa quá mức, làm giảm tình trạng vô chính phủ trong lĩnh vực trong sản xuất, làm giảm nhẹ các cuộc khủng hoảng kinh tế và đảm bảo cho sự phát triển ổn định của nền kinh tế.

4. Cơ cấu giai cấp đã có những thay đổi.Nếu như trước đây, cơ cấu của xã hội của những người giầu và những người nghèo có hình thức của một kim tự tháp, thì giờ đây nó mang hình thức một lăng trụ, bởi vì, số người có thu nhập trung bình nhiều hơn số những người giầu và nghèo. Các công nhân lao động trí óc hiện giờ giữ một vị trí quan trọng trong xã hội. So với những năm 50 thì cả tiền lương lẫn tiền thưởng thực tế trong hệ thống bảo hiểm xã hội đã tăng lên.

5. Chính sách đối ngoại của các nước tư bản côngnghiệp cũng đã thay đổi. Trước đây, sức mạnh và chiến tranh đã được sử dụng để bóc lột các nước đang phát triển và để củng cố sự thống trị toàn cầu. Ngày nay, để đạt được những kết quả tương tự, nguồn ủng hộ là khoa học và công nghệ hiện đại, cũng như ưu thế của nền kinn tế thị trường.

6. Chính sách đối nội của hàng loạt các nước tư bản giờ đây ngày càng trở nên dân chủ hơn, luật pháp ngày càng trở nên hoàn hảo hơn, đời sống công cộng và đời sống văn hóa ngày càng trở nên tự do hơn.

Chủ nghĩa tư bản công cộng

Bất chấp điều rằng, CNTB phát triển hiện đại đã không thể thay đổi được căn bản bản chất bóc lột của mình,

không thể xóa bỏ được các độc quyền trong nền kinh tế và không thể khắc phục được các xung đột và khiếm khuyết nội tại, nhưng CNTB đã thiết lập được một nền tảng vững chắc cho việc chuyển từ một xã hội TBCN sang một xã hội XHCN và hiện đang tạo ra nhiều khả năng hơn cho bước chuyển này. Xét từ quan điểm biện chứng, thì việc chuyển từ CNTB sang CNXH là một quá trình lịch sử rõ ràng. Trong trường hợp này, chúng ta có thể nói tới một sự chuyển của những thay đổi về lượng sang những thay đổi về chất (hoặc một sự chuyển của những thay đổi cục bộ về chất sang những thay đổi trọn vẹn về chất).

Một số yếu tố của CNXH đã xuất hiện trong xã hội TBCN hiện đại. Ví dụ như, sở hữu nhà nước, sự phát triển chung của các công ty cổ phần và việc tách tư bản tư nhân khỏi quyền thuê mướn và bóc lột. Chúng ta có thể nhận thấy những thay đổi trong chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất (sở hữu công cộng thay thế sở hữu tư nhân). Ngoài ra, chúng ta còn thấy các công nhân hiện đang tham gia như thế nào vào việc quản lý các xí nghiệp (còn các xí nghiệp thì đặt ra các mức về chất lượng của con người).

Sự kiểm soát kinh tế vĩ mô của nhà nước không là gì khác ngoài sự khởi đầu của một nền kinh tế có kế hoạch. Việc phân phối thu nhập theo cách mới (do chính phủ thực hiện), cũng như việc phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội giúp cho việc thu hẹp sự khác biệt giữa người giàu và người nghèo, giữa công nhân và nông dân, giữa thành thị và nông thôn, và giúp cho việc mở mang văn hóa và giáo dục. Khi chúng ta nói rằng, CNTB hiện đại mang trong mình một số yếu tố của CNXH là chúng ta ám chỉ các nước công nghiệp. Trong cuộc sống hiện thực thì có hàng loạt những

sự khác biệt giữa các nước đó, và không có bất kỳ một nước nào, nếu tách riêng ra, có tất cả những yếu tố kể trên. Do vậy, chúng ta có thể nói rằng, CNTB công nghiệp hiện đại đã bước vào giai đoạn quá độ sang CNXH. Đây là một quá trình lịch sử tự nhiên và lâu dài, và toàn bộ quá trình này sẽ giúp cho việc thúc đẩy hòa bình, chứ không phải là chiến tranh và bạo lực.

Chủ nghĩa tư bản hiện đại phải được gọi là "CNTB công cộng", bởi vì, tại giai đoạn phát triển thứ ba hiện nay của mình, CNTB được đặc trưng bởi sự xã hội hóa sản xuất, tư bản và đời sống công cộng.

Bài 2 : Không có những hoang tưởng và không tưởng khi nói về CNTB.

Tác giả : Yuri Krasin, giáo sư, viện trưởng, Viện các khoa học xã hội trực thuộc Uỷ ban trung ương Đảng cộng sản Liên Xô.

Tư tưởng trong bài viết của giáo sư Lu Congmin là nhìn nhận theo cách mới CNTB hiện đại và đưa ra một đánh giá mới về nó. Tôi chỉ có thể biểu lộ sự tán đồng của mình với cách đặt vấn đề đã chín muồi từ lâu này.

Khi nghiên cứu CNTB, Các Mác đã báo trước vào thời đại mình đang sống rằng, xã hội tư sản "không phải là một tinh thể vững chắc mà là một cơ thể có khả năng thay đổi và hiện đang không ngừng thay đổi". Rất chính xác khi nói rằng, CNTB là một cơ thể xã hội sống động và cơ thể đó đã trải qua hàng loạt sự biến dạng trong suốt lịch sử của mình - đôi khi những sự biến dạng đó là những sự biến

dạng rất căn bản (chỉ cần nhớ tới sự chuyển từ cạnh tranh tự do sang sự thống trị của các độc quyền là đủ). Hiển nhiên là, những tư tưởng của chúng ta về CNTB cũng phải thay đổi.

CNTB đã trải qua một cuộc khủng hoảng sâu sắc trước ngưỡng cửa năm 1917. Cuộc cách mạng XHCN tháng Mười đã mở ra một xu hướng mới cho lịch sử thế giới. Người ta đã có cảm giác rằng, CNTB đang chết và quan điểm này đã được phản ánh trong học thuyết về tổng khủng hoảng của CNTB. Đúng là cuộc cách mạng này đã khởi đầu một kỷ nguyên lịch sử mới, nhưng đồng thời nó cũng đã tạo điều kiện cho việc truyền bá những tư tưởng sơ khai về CNTB như là một trung tâm của sự đình trệ và suy thoái. Những tư tưởng này đã không nhận được nhiều sự ủng hộ từ hiện thực như là sự ủng hộ từ những sự huyễn hoặc về tư tưởng.

Sự tiến triển của các quan hệ sản xuất.

Tư duy mới đòi hỏi chúng ta phải nhìn nhận xã hội TBCN một cách tỉnh táo. Và chúng ta nhìn thấy những gì ? Trong CNTB, bên cạnh những sự đối kháng mang tính đặc thù còn có những thành tựu trong khoa học và kỹ thuật, trong nền chính trị, luật pháp, triết học và văn hóa. CNTB đã hoàn toàn không từ bỏ tiến bộ của nền văn minh, và những cơ chế thích nghi với những yêu cầu của thời đại đang hình thành trong CNTB thông qua những sự khác biệt gay gắt nhất và thông qua cuộc đấu tranh của các lực lượng chính trị và các lực lượng xã hội.

Vào đầu thế kỷ này ai đã có thể hình dung được rằng, CNTB sẽ áp dụng một cách rộng rãi tới như vậy những

phương pháp kế hoạch hóa, những phương pháp kết hợp một cách linh hoạt sự điều tiết của nhà nước với các quan hệ thị trường, những phương pháp tái phân phối trên qui mô rộng thu nhập quốc dân cho các nhu cầu xã hội và các nhu cầu nhân đạo, v.v... ?

Toàn bộ hệ thống các quan hệ sản xuất dưới CNTB đang trải qua một quá trình biến hóa - từ những hình thức cổ phần, rồi sang các hình thức độc quyền và độc quyền nhà nước, và cuối cùng sang chế độ sở hữu độc quyền nhóm và xuyên quốc gia. Người ta đã có thể cho rằng , CNTB sẽ không thể trụ vững trước sức ép của cuộc cách mạng kỹ thuật khởi đầu vào đầu những năm 80, bởi vì, các kỹ thuật linh hoạt, ngành công nghiệp trí tuệ và tin học đòi hỏi phải có lao động mang tính sáng tạo, sự tự do lựa chọn, tính cơ động cao và sáng tạo. Nhưng một lần nữa CNTB lại đã thích nghi thông qua việc áp dụng một chính sách tân tự do trong việc hạn chế sự can thiệp trực tiếp của nhà nước vào sản xuất, kích thích các quan hệ thị trường, các cơ chế cạnh tranh và các hoạt động của các chủ doanh nghiệp.

Phải chăng điều này nói lên sự tiêu vong của triển vọng đối với việc xã hội tư bản thực hiện một cuộc cải tạo mang tính cách mạng ? Triển vọng vẫn còn, nhưng sự vận động tới mục tiêu XHCN đòi hỏi phải khắc phục những tư tưởng thần bí về việc chuyển sang CNXH và về việc thực hiện toàn bộ sự phức tạp và mâu thuẫn của quá trình sự phủ định của CNTB.

Tiềm năng tiếp tục tồn tại.

CNTB có một tiềm năng lớn để tiếp tục tồn tại. Nó đối

phó với mâu thuẫn ngày càng tăng giữa bản chất xã hội của nền sản xuất và hình thức TBCN của việc chiếm hữu (cùng với tiến hóa của các hình thức sở hữu)bằng cách tạo cho việc chiếm hữu một hình thức mang tính xã hội hóa cao hơn. Việc chiếm hữu tư nhân được đền bù một phần bằng việc phân phối lại sản phẩm xã hội . Việc bóc lột ngày càng được thực hiện bằng các công cụ kiểm soát của các giới chóp bu độc quyền nhà nước và xuyên quốc gia tới toàn bộ đời sống sản xuất tinh thần . Nhưng mâu thuẫn chủ yếu của CNTB vẫn tiếp tục tồn tại nên tạo ra sự cần thiết phải chuyển các đòn bẩy quyền lực vào tay toàn xã hội.

Giáo sư Lu Congmin gọi CNTB công nghiệp hiện đại là CNTB công cộng và nghĩ rằng, CNTB "đã bước vào giai đoạn chuyển sang CNXH". Theo tôi, cách đặt vấn đề này thiếu một cái gì đó. Các lực lượng xã hội và chính trị - đang đấu tranh cho CNXH - không có địa bàn hoạt động, và không thể hiểu một cách đúng đắn toàn bộ quá trình biến hóa của CNTB ở bên ngoài bối cảnh của các xung đột xã hội và giai cấp của xã hội tư bản. Những hiện thực của CNTB hiện đại là sự kết tinh không chỉ của những nhu cầu khách quan về phát triển kinh tế mà còn của những kết quả của cuộc đấu tranh kéo dài nhiều năm do giai cấp lao động và các lực lượng dân chủ tiến hành chống lại tư bản lớn.

Sự đan quyện này giữa các nhu cầu khách quan với cuộc đấu tranh của các lực lượng xã hội - chính trị tiến bộ đẩy CNTB vào một kiểu nào đó của một nhà nước quá độ. Còn theo Lê-nin thì CNXH nhìn chúng ta qua tất cả các cửa sổ của xã hội TBCN hiện tại. Một cuộc cải tổ sâu sắc các cơ cấu kinh tế và xã hội - chính trị đang tiếp diễn trong nội bộ CNTB thậm chí với một mức độ còn cao hơn, và các

yếu tố có chất lượng XHCN đang được tích lũy. Chúng ta khó mà có thể nói được quá trình này đã đi được bao xa và sẽ kết thúc như thế nào. Cần phải có sự nghiên cứu cơ bản về điều này.

Tôi nghĩ rằng, giả thuyết về việc- các xã hội tư bản chủ nghĩa công nghiệp chuyển sang CNXH không phải bằng cách "đoạn tuyệt" với những cơ cấu xã hội đã hình thành mà bằng cách cảitạo về chất các cơ cấu đó - là hoàn toàn đúng đắn và hoàn toàn có thể. Vấn đề khi nào và dưới hình thức nào triển vọng này (về việc khắc phục CNTB và về việc "tự phản định" mang tính biện chứng của CNTB) sẽ xảy ra phụ thuộc căn bản vào khả năng của các lực lượng xã hội tiến bộ đánh giá một cách chính xác tình huống sẽ hình thành, hiểu được ý nghĩa của những điều đang diễn ra và đề ra được một cách chi tiết một khả năng lựa chọn có một sức thuyết phục, không mang tính huyền bí và ảo tưởng,thể hiện được những nhu cầu thiết yếu của số đông trong xã hội.

MỤC LỤC

trang

1. P. Khvoinhic - Chủ nghĩa đế quốc : thuật ngữ và nội dung(tạp chí Kinh tế thế giới và quan hệ quốc tế số 6/1990-tiếng Nga). 5

2. J.Oxipôp, E. Pletnhép - Chủ nghĩa tư bản: những biến đổi về chất trong quá trình phát triển ; những cách tiếp cận mới trong phân tích (tạp chí Các khoa học kinh tế số 1; 2; 3/1990 - tiếng Nga) . . 37

3. J. Oxipôp - Chủ nghĩa tư bản hiện đại và đặc trưng kinh tế chính trị của nó(tạp chí Thông tin - Trường Đại học Tổng hợp Mátxcơva số 1/1989. 84

4. Lu Congmin - Yuri-Krasin } Chủ nghĩa tư bản - giữa quá khứ và tương lai 102